

NHẤT QUÝ NHÌ MẠ

Không giống như những cu cậu cùng lứa tuổi, tôi chẳng thèm khát, đổ kỵ gì. Cuộc đời của các học viên Trường Thiếu sinh quân Kiếp, những thiếu niên chứng diện những chiếc ngù vai trắng tinh có điểm những chữ cái đầu từ một màu vàng óng ả rất đẹp, tên gọi học hiệu của họ và cứ mỗi khi gặp một vị tướng trên đường là lập tức dập hai gót đứng nghiêm thi lễ theo phong cách nhà binh. Tôi cũng chẳng ghen tuông gì mấy cô cậu học sinh trung học mặc dù những chiếc áo capốt màu xám, may bằng dạ sỡ quan có đính những chiếc cúc bạc xinh xinh được xem là rất thanh lịch. Ngay từ khi còn đang ở lứa tuổi mần non, tôi đã rất thờ ơ, lãnh đạm đối với những bộ đồng phục, trừ y phục hải quân.

Mùa thu năm 1902, khi lần đầu tiên tôi buộc phải lồng vào chiếc quần dài và khoác lên người chiếc áo varơ cao cổ, đồng phục của học sinh trung

học, tôi cảm thấy rất gò bó, chẳng khác gì bị gông cùm và trong một thời gian, tôi tự cảm thấy cứ như một người khác, không còn là mình nữa. Một cậu bé nước ngoài với chiếc mũ cát kết to tướng trên đầu. Bỗng nhiên tôi cảm thấy ghét cay ghét đắng những chiếc mũ màu xanh cứng đờ kia, với những chiếc phù điêu to tổ bố của chúng, bởi vì dưới những vành mũ ấy tôi thấy thấp thoáng lộ ra những cái tai giống như quai hũ của những người bạn nhỏ mới làm quen của tôi, những học sinh của lớp dự bị.

Mà cũng kỳ thật, cứ mỗi khi cái vạt trùm đầu kia vừa được nhắc khỏi, thế là những vành tai của họ lập tức lấy lại hình dáng bình thường của chúng. Nhưng chỉ cần trả nó về chỗ cũ, loáng một cái, những cái tai lại xoè ra hình quạt. Chẳng phải ngẫu nhiên đâu, dụng tâm cả đấy, người ta nói vậy, đó là để cho viên tổng giám thị Bôđianxki dễ dàng tóm cổ cái tên “nhất quỷ nhì ma” của ông và nói với một giọng làm dựng tóc gáy:

- Lại trễ giờ, sao vậy ông mãnh? Muốn tốt úp mặt vào tường và liệu cái thần hồn!

Vì vậy, ngay sau khi má mua cho tôi cái mũ cát kết đáng ghét kia, giống như má đã từng mua cho các anh tôi, tôi lập tức tháo bỏ cái khung kim loại thanh mảnh lỏng ở trong và lột luôn miếng đệm

bằng xatanh. Trong con mắt của mọi người, chiếc mũ càng có vẻ cũ nát xộc xệch bao nhiêu, cậu học sinh chủ nhân của nó nom càng chững chạc, càng tu thể bấy nhiêu. Điều này đã trở thành truyền thống.

- Chỉ mấy cu cậu học gạo và những kẻ liếm gót giầy mới đội mũ cát-két mới! - Các anh tôi khăng định.

Vì vậy đương nhiên là phải ngồi lên nó, phải vo tròn và nhét nó vào túi quần, phải dùng nó để ném những quả hạt dẻ chín. Sau đó, nó sẽ có được cái dáng dấp nhà binh, niềm tự hào của một học sinh trung học chững chạc.

Ngoài ra người ta còn mua cho tôi một chiếc cặp có giải đeo, phía lưng phủ một lớp da tuần lộc mềm như lụa, một cái hộp bút, những quyển vở kẻ ô, những quyển sách tập đọc mỏng của các lớp dự bị. Và thế là má đưa tôi đến trường.

Bà ngoại Vikenchia Ivanópna thời gian này cũng đang sống với chúng tôi ở Kiép. Bà kéo tôi lại gần, chúc phúc cho tôi và quàng vào cổ tôi một chiếc dây chuyền mát lạnh mang một thánh giá bé tí xíu. Bà cời cúc cổ chiếc áo varơ dạ đen của tôi, đôi bàn tay run run, luồn cái dấu thánh vào trong cổ áo rồi, quay mặt đi, bà đưa chiếc khăn lên chấm chấm cặp mắt rơm lệ.

- Thôi, đi học đi cháu - bà nói bằng một giọng

trầm và sẽ đẩy tôi về phía cửa - Ngoan cháu nhé và cố gắng chăm học.

Tôi đi cùng với má. Chốc chốc tôi lại ngoái cổ lại nhìn ngôi nhà của chúng tôi cứ như người ta đang đưa tôi ra đi vĩnh viễn.

Thời gian ấy chúng tôi sống ở phố Bách Thảo - Nicônxcô, một đường phố yên tĩnh và rợp mát. Khắp nơi xung quanh ngôi nhà của chúng tôi, đâu đâu cũng dựng lên cao vút những cây dẻ khổng lồ, trầm tư mặc tưởng. Những chiếc lá hình chân vịt của chúng bắt đầu rụng. Không gian ngập nắng, rất xanh, ấm áp nhưng cũng đầy những bóng râm mát mẻ, đúng là một bầu trời thu đặc trưng Kiép. Bà ngoại vẫn đứng đó, bên cạnh cửa sổ và lần nào tôi quay lại, bà cũng gật đầu ra hiệu cho tôi đến khi chúng tôi rẽ vào đường phố Taraxốp. Má vẫn im lặng bước đi.

Khi chúng tôi đến được quảng trường Nicôla Đệ nhất và khi, sau bức rèm cây lá xanh tươi của quảng trường, tôi thấp thoáng trông thấy cái kiến trúc màu vàng của nhà trường, bất giác tôi òa lên khóc. Có thể vì lúc ấy tôi hiểu rằng thời thơ ấu của tôi thế là đã chấm dứt, rằng từ đây tôi sẽ phải vất vả, cực nhọc, rằng sứ mệnh của tôi sẽ rất lâu dài và cay đắng và rằng tương lai sẽ chẳng có gì giống những ngày tháng thanh bình đã trôi qua ở nhà.

Tôi dừng lại, ôm chặt lấy má và, đầu vùi vào những nếp gấp của tấm áo dài của má, tôi táp tức nức nở đến nỗi cái hộp bút long lên sòng sọc trong cái cặp sách trên lưng tôi, cứ như muốn hỏi cậu chủ nhỏ bé của nó cái gì đã xảy ra với cậu. Má cởi mũ tôi ra và lau nước mắt cho tôi bằng chiếc khăn mềm và thơm của má.

- Dừng khóc nữa! - Má nói - Con tưởng má không buồn sao? Nhưng phải vậy thôi.

Phải vậy thôi! Từ trước đến nay, chưa bao giờ có lời lẽ nào của má đập vào cân não tôi mạnh như ba cái từ kia. “Phải vậy thôi!”

Càng lớn lên, tôi càng hay nghe người lớn khẳng định rằng ta cần phải sống “như người ta phải sống chứ không phải như người ta muốn hay người ta thích”. Khá lâu, tôi không tài nào tự giải thích được và cuối cùng đã phải hỏi:

- Chẳng lẽ người ta không có quyền sống theo sở thích mà bắt buộc phải sống theo sự áp đặt của kẻ khác?

Nhưng người ta đã yêu cầu tôi đừng bàn tới những gì mà tôi không hiểu. Còn má, một hôm má nói với ba:

- Thấy chưa? Kết quả giáo dục vô chính phủ của anh đối với con là thế đấy!

Ba kéo tôi lại, ghì chặt đầu tôi vào ngực chiếc

áo gilê trắng của ba và nói với tôi bằng một giọng bông đùa:

- Trong cái nhà này chẳng ai hiểu ba con mình đâu Côxtích của ba ạ.

Khi đã nguôi nguôi, tôi không nức nở nữa và hai má con tôi tiến vào ngôi nhà chính của nhà trường. Một cái cầu thang rộng, mà lâu ngày gót giầy đã mài mòn làm ánh lên một thứ ánh sáng xỉn màu thiếc, dẫn lên tầng trên nơi vọng ra tiếng ì ầm ùng đục như dọa nạt, giống như tiếng vù vù của một bầy ong lớn.

- Đừng sợ - má nói để tôi yên tâm - bây giờ là giờ ra chơi.

Chúng tôi bước vào cầu thang. Đây là lần đầu tiên má buông ra không dắt tay tôi nữa. Hai cậu con trai lớn xuống thang ngược chiều chúng tôi. Họ né người nhường lối cho chúng tôi. Một trong hai chàng trai nói sau lưng tôi:

- Người ta lại tha đến cho chúng ta thêm một nhóc con tội nghiệp!

Thế là tôi đã nhập vào cái đám học trò tinh nghịch không người che chở của lớp dự bị, giữa “nhón nháo những nhất quỷ nhì ma” như người lớn thường gọi chúng tôi. Người ta đã gán cho chúng tôi danh hiệu ấy vì, nhỏ tuổi và hiếu động, chúng tôi thường nghịch ngợm như quỷ sứ vào những giờ ra chơi và “lúc nhúc” làm vướng chân họ.

Hai má con tôi đi qua phòng khánh tiết rộng mênh mông màu sơn trắng tinh của nhà trường, trên tường treo chân dung các vị hoàng đế. Bức chân dung Aléhdando để lại trong ký ức tôi một dấu ấn rất sâu đậm. Trong ảnh, hoàng đế ép vào đùi một chiếc mũ vành ba múi màu xanh thẫm. Bộ râu quai nón vàng hung lăn tăn gọn sóng ôm lấy khuôn mặt mèo của hoàng đế. Tôi không thích nhà vua này mặc dù sau lưng ông ta, tôi thấp thoáng trông thấy một toán kỵ sĩ đội những chiếc mũ có cắm lông chim đang phi nước đại trên những ngọn đồi.

Đến cuối phòng, chúng tôi vào ngay văn phòng của tổng giám thị Bôđianxki, một người béo ị vận một chiếc áo rơđanhgốt theo đúng nghi thức nhưng rộng thùng thình như một tấm áo choàng của phụ nữ sau khi tắm.

Ông ta đặt lên đầu tôi một bàn tay nặng nề với những ngón tay chuối mẫn, suy nghĩ hồi lâu rồi cuối cùng buông ra:

- Phải chăm học, nếu không ta sẽ nuốt sống!

Má nở một nụ cười gượng. Bôđianxki cho gọi khán hộ Cadimia và ra lệnh cho ông này đưa tôi vào lớp dự bị.

Má gạt đầu ra hiệu cho tôi; Cadimia chộp lấy vai tôi và lôi tôi lệch xệch đi theo những dãy hành

lang dài vô tận. Ông ta bám vai tôi rất chặt, có lẽ sợ tôi vùng ra quay trở lại với má.

Đang giữa giờ học. Những dãy hành lang rất im ắng và không một bóng người. Sự tịch mịch kia có vẻ rất khác thường nhất là sau cái cảnh huyên náo ghê người của giờ ra chơi mà giờ đây tất cả những gì còn lại chỉ là những đám bụi. Những đám bụi như khói bồng bênh trong những tia nắng dội qua những khung cửa sổ của mảnh vườn. Mảnh vườn nổi tiếng của Trường Trung học số 9 của Kiép: một khu vườn cổ kính bách niên chiếm toàn bộ diện tích của một khu cư dân ở giữa kinh thành.

Khi đi lướt qua một khung cửa sổ, tôi ném vội một cái nhìn vào khu vườn và bỗng cảm thấy rung rung nước mắt. Những chiếc lá liễu, màu hoa cà và đã hơi khô, xào xạc trong làn gió nhẹ.

Buổi ấy, mặc dù chỉ là một đứa bé, tôi đã có một thái độ kính cẩn đối với những khu vườn và mọi loài cây cỏ. Không bao giờ tôi bẻ một nhánh cây hoặc phá phách những tổ chim. Có lẽ vì bà ngoại Vikenchia Ivanópna đã dạy tôi rằng “thế gian này cực kỳ tươi đẹp và con người phải sống và lao động ở đó như ở giữa một khu vườn lớn”.

Thoáng thấy tôi rơm rớm nước mắt, Cadimia lấy ra từ trong túi chiếc áo sơđanhgốt tuy đã sờn cũ nhưng rất sạch của ông ta một chiếc kẹo có nhân rất xốp và nói với tôi bằng giọng Balan:

- Giờ ra chơi sắp tới, cháu ngậm mẩu đường nhỏ này nhé.

Những ngày đầu tiên ở trường, tôi chỉ nói thì thầm và không dám ngẩng cao đầu. Cái gì cũng khiến tôi hãi hùng: những ông thầy râu ria trong những chiếc áo sơ đanhgốt màu xanh, những trần nhà vòm cổ kính, những tiếng vọng đáp lời nhau trong những dãy hành lang dài bất tận và, sau hết, là ông hiệu trưởng Bexméctoni, một ông già rất phong độ với một bộ râu vàng óng, chững chạc trong một bộ y phục không chệ vào đâu được.

Đó là một người học vấn cao cường, rất hiền từ nhân hậu, nhưng chẳng hiểu tại sao có vẻ rất khôn phép và tôi rất sợ ông ta. Có lẽ tất cả là tại cái phòng làm việc rất rộng và uy nghi của ông với cái trần nhà có những hình nổi trang trí bằng vữa giả đá hoa, tại tấm thảm lớn màu đỏ và bức chân dung giáo sư Pigôrốp, nhà phẫu thuật nổi tiếng, treo trên tường. Thầy hiệu trưởng của chúng tôi rất ít khi ra khỏi phòng làm việc. Những lúc như vậy chúng tôi phải dừng lại và chào thầy theo đúng lễ nghi phép tắc. Trong khi đối với các thầy khác, chúng tôi chỉ cần chào xã giao theo thông lệ trong khi vẫn tiếp tục bước chân.

Cadimia đưa tôi đi dọc theo những hành lang âm vang dưới bước chân. Hành lang nào cũng có

một người lững thững đi đi lại lại, thỉnh thoảng ném một cái nhìn dò xét vào các phòng học qua phần phía trên có lắp kính của những cánh cửa ra vào. Đó là những viên giám thị được người ta gán cho những biệt danh rất ngộ nghĩnh như *Dưa bở*, *Chó cún*, *Thuốc lá hít*... Trong số giám thị, người duy nhất được học sinh quý mến là Platông Phêđôrôvích. Hành lang dọc theo trước lớp học của tôi tình cờ nằm dưới sự giám sát của Platông Phêđôrôvích. Sự tình cờ may mắn này đã tránh cho tôi, trong thời gian đầu, khá nhiều phiền toái.

Nhiệm vụ của những con tốt cài trên bàn cờ kia là theo dõi hành vi của học sinh và ton hót với tổng giám thị bất cứ một trường hợp sai phạm nào. Dù to dù nhỏ, mọi lỗi lầm đều dẫn đến một hình phạt: giữ lại một vài giờ (nói cách khác, kẻ có tội phải khác khỏi đợi chờ trong một phòng học hoang vắng, sau các giờ học), điểm không về hạnh kiểm và cuối cùng phụ huynh học sinh có thể bị triệu đến gặp hiệu trưởng. Chúng tôi ớn nhất hình thức trừng phạt sau cùng này.

Đối với các học sinh lớn, còn có những hình phạt khác: đuổi khỏi trường tạm thời hoặc vĩnh viễn nhưng có quyền được theo học ở nơi khác, nhưng hình phạt khủng khiếp nhất là bị tống cổ khỏi trường với một “thẻ hạnh kiểm xấu” và lệnh

cám không được theo học ở bất cứ một trường trung học nào.

Tôi chỉ được chứng kiến một trường hợp bị đuổi với tấm “thẻ hạnh kiểm xấu”. Khi ấy tôi đang học năm thứ hai. Một học sinh năm cuối cùng hình như đã tát Iagorxki, giáo viên tiếng Đức, một kẻ rất tàn ác có nước da xanh bủng. Iagorxki đã mắng anh ta là đồ ngu trước cả lớp và chàng trai đòi ông ta phải xin lỗi. Bị cự tuyệt thẳng thừng, cậu học trò đã cho ông thầy một cái tát nên thân. Và thế là chàng trai bị đuổi với hình phạt khủng khiếp kia.

Ngày hôm sau, chàng trai trở lại trường. Không viên giám thị nào dám cản đường. Anh ta xộc thẳng vào lớp, rút ra một khẩu súng ngắn và chĩa thẳng vào Iagorxki.

Ông thầy tiếng Đức đứng phất dậy, quyển sổ ghi điểm che đầu, ba chân bốn cẳng giữa những dãy bàn học tìm nơi ẩn nấp sau lưng học sinh của ông ta.

- Đồ hèn! - Chàng trai hét lên.

Rồi anh ta quay gót, bước ra thêm nghỉ và cho một phát trúng tim.

Cánh cửa phòng học của chúng tôi mở ra ngay bậc thêm nghỉ ấy. Chúng tôi nghe thấy một âm thanh khô ròn, một tiếng kính vỡ. Rồi một cái gì đó ngã vật xuống và lăn long lóc xuống cầu thang.

Thầy giáo lớp tôi vội lao về phía cửa. Chúng tôi chạy theo thầy.

Một thiếu niên mặt tàn nhang sóng soài trên bục cầu thang. Cậu ta đưa tay lên bám vào lan can nhưng ngay sau đó bàn tay mở ra và cậu ta nằm bất động, mắt dán vào chúng tôi, nét mặt tươi cười trông thật lạ.

Mấy viên giám thị hốt hải cuống quýt xung quanh chàng trai. Rồi thầy hiệu trưởng xuất hiện, bước chân gấp gáp. Ông quỳ xuống bên cạnh chàng trai và cởi cúc chiếc áo varơ của ông. Và người ta thấy chiếc áo sơ mi của thầy lấm chấm máu tươi. Máy y tá phòng cấp cứu, áo quần màu hạt dẻ, chiếc mũ kêpi kiểu Pháp, đã chạy đến bên vỉa hè. Họ bình thản đỡ cái thân hình bất động lên một cái cang.

- Đưa tất cả bọn trẻ ra khỏi đây ngay! Thầy hiệu trưởng ra lệnh cho thầy giáo chúng tôi.

Nhưng hẳn là chẳng nghe thấy gì, chúng tôi vẫn đứng im không nhúc nhích.

Lúc này Iagorxki đã ra khỏi phòng học của các học sinh lớn. Hai bờ vai co rúm, ông ta đưa chân về phía căn phòng dành cho các giáo viên.

- Cút ngay! - Bỗng thầy hiệu trưởng hét lên đuổi theo ông ta.

Iagorxki xoay người lại.

- Cút khỏi nhà trường của chúng tôi ngay! Thầy hiệu trưởng dần từng tiếng, vẫn với cái giọng ra lệnh ấy.

Và, chân nam đá chân xiêu, Iagorxki hốt hải bỏ chạy dọc theo hành lang.

Ngày hôm sau, má không muốn để tôi đến trường, nhưng má đã nghĩ lại và tôi vẫn đi học như thường lệ. Sau hai giờ, các lớp hoãn buổi học. Người ta cho chúng tôi biết rằng tất cả những ai mong muốn đều được phép đến dự lễ mai táng người bạn xấu số.

Và thế là, loắt choắt, hải hùng, lúng ta lúng túng trong những chiếc áo capốt dài, trên lưng là những cái cặp sách cứng, tất cả chúng tôi đã đến dự đám tang.

Trời lạnh và mù sương. Cả trường lầm lũi theo sau chiếc quan tài ngập dưới những vòng hoa. Thầy hiệu trưởng đưa tay dìu một bà già tóc hoa râm, ăn mặc tiêu tụy, mẹ của người bạn xấu số.

Buổi ấy, tôi chưa hiểu hết ý nghĩa của những sự cố loại này, tuy nhiên tôi đã nhận thức được rằng, qua những trường hợp như vậy, cuộc đời đã cho ta một bài học vỡ lòng về tình đoàn kết. Chúng tôi lần lượt bước lại gần phần mộ còn để mở và mỗi người rắc xuống một nắm đất ẩm như để nguyện rằng chúng tôi sẽ mãi mãi là bạn bè, mãi mãi gắn bó chung thủy với nhau.

Tuy nhiên, tất cả những sự kiện ấy mãi sau này mới diễn ra, một thời gian khá dài sau khi Cadimia đã đưa tôi đến lớp dự bị.

Thầy giáo Nadarencô, một người có giọng nói vang như sấm, với bộ râu xanh đen gọn sóng như râu các nhà vua Axiri, ngồi chễm trệ sau bàn viết của ông. Học trò lớp trên mệnh danh ông ta là “Lão - Nổ - Mồm”. Và họ cũng khẳng định rằng đó là một mặt vụ, tay chân của cảnh sát quốc gia.

Trong suốt một năm trời cho đến khi chúng tôi chuyển sang lớp trên, Nadarencô đã hành hạ chúng tôi, chúng tôi ở đây có nghĩa là những học sinh sơ học, với giọng nói sấm rền của ông ta, với những lời chế diễu, những điểm xấu mà ông ta áp đặt cho chúng tôi và đặc biệt với cái tật rất xấu là cứ thích kể đi kể lại rất tỉ mỉ cho chúng nghe trước kia ông đã từng bị người ta rạch xẻ những ngón chân chỉ vì những chiếc móng thụt của chúng. Tôi rất sợ và rất ghét ông ta. Tôi đặc biệt ghét ông ta vì những câu chuyện về những cuộc giải phẫu kia.

Tôi ngồi trước một cái bàn học trò thấp lè tè và nham nhở những vết dao cắt khía, chạm trổ. Một mùi mực viết chua chua bồng bênh trong căn phòng. Nadarencô đọc chính tả cho chúng tôi: “Một hôm một con thiên nga, một con tôm và một con cá măng...” Bên ngoài cánh cửa sổ rộng mở, một chú

chim sẽ đậu trên một cành cây, một chiếc lá tần bì khô trên mỏ. Ước gì tôi có thể đổi số phận của tôi cho nó. Con chim ném một cái nhìn vào lớp học, buột ra những tiếng chiêm chiếp như một lời than vãn và cái lá rơi khỏi miệng.

- Tên mới đến kia - Nadarencô găm lên - lấy vở ra viết chính tả. Đừng phí thời gian nhìn ngang liếc dọc thế kia nếu cậu không muốn bị giữ lại sau giờ học.

Tôi lấy vở ra và bắt đầu viết. Một giọt nước mắt rơi xuống tờ giấy thấm. Bỗng cậu bạn ngồi cạnh tôi, một cậu bé nước da ngăm đen, với cặp mắt tươi cười, tên là Somukhole thì thào:

- Nuốt nước bọt đi, sẽ ổn cả thôi.

Tôi nuốt nước bọt nhưng vẫn không ổn. Một hồi lâu, thậm chí tôi không thể hít căng lồng ngực.

Thế đấy, năm đầu tiên của tôi ở trường trung học đã trôi qua như vậy đấy. Bụi đất, những cuộc thi nhau đuổi bắt vào những giờ ra chơi, nổi thấp thỏm lo sợ bị gọi lên bảng, những ngón tay dầy đầy mực, chiếc cặp sách nặng như cùm và những ký ức về thiên đường đã mất, tiếng leng keng nghe rất vui tai của những chiếc xe điện trên đường phố Kiép, những điệp khúc đơn điệu và xa vắng của chiếc hộp đàn có tay quay của lão Bácbari, tiếng the thé còi hiệu của những đầu máy xe lửa đang

rời sân ga. Kia, những con tàu nặng nề đã từ từ lăn bánh để xông vào và băng qua những cánh rừng thưa và những cánh đồng sau mùa gặt hái, không ngừng khắc lên trời từng làn hơi nước nóng bỏng, trong khi, gò lưng trên những chiếc bàn viết, chúng tôi sặc sụa trong đám bụi phấn mà chiếc khăn lau khô khốc làm long ra từ chiếc bảng đen.

*

* *

Đối diện với lớp học của chúng tôi là phòng thí nghiệm vật lý và hoá học. Muốn vào phòng người ta phải qua một khung cửa hẹp. Trong giờ ra chơi, chúng tôi thường liếc mắt nhìn trộm vào căn phòng. Những chiếc bàn viết được xếp thành từng dãy như trong một giảng đường.

Chỉ những học sinh lớp trên mới được phép lai vãng phòng thí nghiệm. Tất nhiên, trong hành lang, chúng tôi thường làm vương chân vương cẳng họ và kết cục đã khiến họ nổi khùng. Một hôm, một người trong bọn họ rít lên một hồi còi dài. Thế là tất cả các bạn của anh ta lao về phía chúng tôi, bầy nhóc con khôn khổ. Họ tóm lấy chúng tôi và lôi xềnh xệch vào giảng đường. Rồi họ ngồi vào bàn viết, mỗi người kẹp một đứa chúng tôi giữa hai đầu gối làm tù binh.

Lúc đầu, chúng tôi thấy khoái chuyện này. Chúng tôi chăm chú quan sát những dụng cụ bí hiểm xếp hàng trên những cái giá: những cái đĩa đen ngòm, những chiếc bình thí nghiệm cổ dài, những khối cầu bằng đồng.

Rồi hồi chuông đầu tiên vang lên trong hành lang. Chúng tôi bắt đầu vùng vẫy để thoát khỏi sự kìm kẹp. Nhưng các đại ca không buông tha chúng tôi. Họ ghì chặt lấy chúng tôi và những đứa cứng đầu nhất trong chúng tôi nhận được những “quả lê”, những cú móng tay nhọn bập xuống sọ đau điếng người, làm đổ đom đóm mắt.

Hồi chuông thứ hai réo lên như thúc giục, như đe dọa. Thế là bọn nhóc chúng tôi rầy rụa điên cuồng, lay lục van xin và khóc lóc om sòm. Những tên cai ngục của chúng tôi không hề nao núng. Anh chàng cao to nước da xanh tái vẫn đứng canh chừng ở cửa.

- Hãy xem chừng - Bọn kia kêu lên cảnh báo anh ta - Tính toán chính xác vào.

Chúng tôi chẳng hiểu họ nói gì. Chúng tôi gào lên vì hoảng sợ. Một lát sau, hồi chuông thứ ba vang lên. Thầy Nadarencô tiến vào một lớp học vắng lặng không một bóng người. Hẳn là thầy cáu lắm. Nước mắt chúng tôi có tuôn như suối có lẽ cũng không thể làm dịu nổi cơn thịnh nộ của thầy.

Rồi tiếp đó là hồi chuông thứ ba. Chúng tôi thi nhau rống lên, gào lên, thét lên. Ngoài cửa, anh chàng nước da tái nhợt giơ tay lên. Thầy giáo vật lý đã xuất hiện ở cuối hành lang. Ông ta ung dung tiến bước, với vẻ ngờ vực chăm chú lắng nghe những tiếng kêu khóc thảm thiết tràn ngập giảng đường.

Đó là một người rất to béo, vạm vỡ. Thậm chí đã nghiêng hẳn người, ông ta vẫn phải vát và lăm mới lách qua được khung cửa hẹp. Đây chính là điểm tựa của sự tính toán của những tên đang tra tấn hành hạ chúng tôi. Đúng lúc thầy giáo đang bị kẹt trong khung cửa, tên đầu têu của cái trò quái ác này đập cánh tay xuống. Lập tức cả bọn buông chúng tôi ra. Bất giác, không kịp hiểu gì mà cũng chẳng kịp thấy gì, đồng loạt, chúng tôi nức nở ầm ĩ phòng học vật lý và hồi hả lao xuống những bậc thang, chúng tôi chen nhau ùa về phía lớp học của chúng tôi... Và thế là với tất cả trọng lượng của mình, chúng tôi đè lên con người hoảng hốt kia.

Trong khoảnh khắc, như một cơn lốc, những cái đầu nhỏ bé húi cua bắt đầu quay cuồng, lỏng lộn ngay gần cánh cửa. Rồi, như một chiếc nút chai, thầy giáo vật lý bị bật trở lại hành lang và đang có đà, cả bọn chúng tôi dồn về phía thầy giáo để nhanh chóng về lớp học của chúng tôi. Cũng may là thầy Nadarencô hôm ấy đến lớp muộn nên chẳng nhận ra điều gì khác thường.

Bọn học trò lớp trên chỉ chơi khăm chúng tôi được mỗi một lần. Chúng tôi đã cảnh giác. Mỗi khi thấy bọn họ xuất hiện ở cuối hành lang, chúng tôi lập tức trốn vào lớp, đóng cửa, lấy bàn ghế chèn lại.

Cái trò tinh nghịch khiến chúng tôi mất nhiều nước mắt ấy chính là tác phẩm của cái tên học sinh trung học nước da xanh tái tên là Bagrôp kia. Vài năm sau, tại nhà hát kịch, lại cũng chính anh ta là người đã chia súng ngắn bắn Xtôlipin, bộ trưởng của Sa hoàng. Viên bộ trưởng đã chết còn Bagrôp thì bị treo cổ.

Trong suốt phiên tòa xét xử, người học sinh trung học xưa kia giữ một thái độ rất thờ ơ, lãnh đạm. Sau khi nghe bản phán quyết, anh ta thản nhiên nói:

- Đồi ta có ăn thêm vài miếng thịt nữa hay không cũng chẳng có gì là quan trọng cả.

Ba má tôi tranh luận khá lâu về trường hợp Bagrôp và phân vân không rõ chẳng hay anh ta thực sự là một nhà cách mạng hay là một mật vụ của cảnh sát quốc gia, cơ quan đã đứng ra tổ chức ám sát Xtôlipin để làm hài lòng Sa hoàng. (Nicôla Đệ nhị lúc này rất căm thù viên bộ trưởng vì không khuất phục được ý chí của ông ta). Về phần mình, ba tôi khẳng định rằng một người có khả năng phát biểu những lời lẽ vô sỉ như vậy quyết không thể là một phần tử cách mạng.

NƯỚC SÔNG LANHPÔPÔ

Những chiếc lọ có gắn xi và chứa đầy một thứ nước vàng nhờ nhờ được đặt trên một cái bàn trong phòng học của chúng tôi. Mỗi lọ mang một cái nhãn trên đó người ta ghi bằng một nét chữ cộc cạch của một bàn tay già nua: “Nước sông Nin”, “Nước sông Lanhpôpô”, “Nước Địa Trung Hải”.

Có cả một loạt những chai lọ như vậy. Chúng chứa đầy nước sông Vônga, sông Ranh, sông Tamidơ, nước hồ Misigân, nước Biển Chết, nước sông Amadôn. Nhưng chúng tôi đã hoài công soi mói phân biệt sự khác nhau của những thứ nước ấy. Trong tất cả những chiếc lọ kia, nước đều cùng một màu vàng nhợt nhạt và có cùng một vẻ ảm đạm như nhau.

Chúng tôi đã mè nheo thầy giáo địa lý của chúng tôi, thầy Trécpunốp, đòi thầy cho phép chúng tôi ném thử nước của Biển Chết. Chúng tôi muốn biết thật sự nó có mặn như người ta vẫn nói không.

Nhưng thầy Trécpunóp nhất định không cho.

Với bộ râu xám rù xuống đến gần thắt lưng, với cặp mắt nheo nheo, và dáng dấp loắt choắt của thầy, giáo sư Trécpunóp trông giống như một phù thủy. Cũng chẳng phải vô cớ người ta đã gán cho thầy cái biệt danh “Trécnômo”¹.

Thầy đến lớp, cánh tay ôm nặng đủ mọi vật thể rất kỳ dị. Thầy đặc biệt nâng niu những lọ nước. Và thầy đã kể cho chúng tôi nghe thầy đã kiếm được nước sông Nin ở gần Cairô như thế nào.

- Các em hãy nhìn đây - và thầy lắc lắc cái lọ - hãy nhìn phù sa trong chiếc lọ này. Phù sa sông Nin quý hơn cả kim cương. Chính là nhờ có nó mà nền văn minh của Ai Cập đã sinh sôi nảy nở. Máccốpxki, hãy giảng cho các bạn từ *văn minh* nghĩa là gì.

Máccốpxki đứng dậy và giải thích rằng *văn minh* có nghĩa là trồng trọt ngũ cốc, nho khô và thóc gạo.

- Ngó ngẩn, nhưng cũng gần với thực tế - Trécpunóp nhận xét.

Và thầy tiếp tục cho chúng tôi xem những cái lọ khác.

Thầy rất tự hào đã có được một ít nước sông

1. Trécnômo: hà bá trong thần thoại Nga.

Lanhpôpô do một học trò cũ, thầy nói vậy, gửi biếu thầy.

Để giúp chúng tôi nhớ kỹ các địa danh, thầy đã nghĩ ra một cách rất độc đáo. Ví dụ, thầy vạch lên bảng đen một chữ “A” hoa rất to. Trong góc phải, thầy viết một chữ “A” nhỏ hơn; trong chữ “A” nhỏ này là một chữ thứ ba và cuối cùng, trong chữ thứ ba là chữ thứ tư. Sau đó thầy nói:

- Hãy nhớ kỹ: đây là Á châu; ở châu Á có xứ Ả-rập; ở Ả-rập có thành phố Aden; ở Aden có người Anh.

Chúng tôi nhớ ngay và sẽ nhớ suốt đời.

Học sinh năm cuối cùng kể rằng ông già đã dựng lên cả một bảo tàng địa lý trong căn hộ của ông ta, nhưng ông không để bất cứ ai lọt vào bảo tàng. Họ khẳng định rằng ở đó có những chú chim sâu nhồi rơm, một bộ sưu tập những cánh bướm và thậm chí có cả một cục vàng thiên nhiên.

Được nghe kể đi kể lại về cái bảo tàng kia, tôi cũng nảy ra ý định dựng lên một bảo tàng nhỏ cho riêng tôi. Tất nhiên, nó chẳng có gì đặc sắc, thậm chí nó còn nghèo nàn tội nghiệp, nhưng trong trí tưởng tượng của tôi, nó vẫn có tầm vóc của một vương quốc diệu kỳ. Những câu chuyện lịch sử lý thú đủ các loại được gắn liền với mỗi một hiện vật trong bảo tàng: cúc của chiếc áo dài của một người

lính La-mã hoặc một con côn trùng phơi khô, vài chú bọ ngựa.

Một hôm tôi gặp Trécpunốp ở Vườn Bách Thảo. Ngồi trên một chiếc ghế dài còn ẩm nước mưa, ông già đang đào đất bằng một chiếc gậy nhọn. Tôi nhắc mũ chào.

- Lại đây! ông ta nói và đưa cho tôi một bàn tay mũm mĩm. Ngồi xuống và hãy nói xem nào. Hình như ở nhà, em cũng có một bộ sưu tập? Cho thầy biết em có những gì, được chứ?

Tôi rụt rè kể tóm tắt về cái kho báu khiêm nhường của tôi. Trécpunốp nở một nụ cười hiền hậu.

- Được đấy! - ông ta nói. - Sáng chủ nhật mời em đến chơi. Thầy sẽ ưu tiên cho em tham quan bảo tàng của thầy. Vì em có vẻ say sưa, có thể em sẽ trở thành một nhà địa lý hay một nhà khám phá.

- Má em cùng đến được không, thưa thầy?

- Sao cơ, cùng với má em sao?

- Má cùng đến với em thăm thầy, được chứ ạ?

- Không được, tại sao phải đi với má? Hãy đến một mình. Các bà mẹ chẳng hiểu gì về địa lý đâu.

Chủ nhật, bánh bao chũng chạc trong một bộ đồng phục mới, tôi đi một mình đến nhà thầy. Thầy sống ở phố Pétrécxơ, trong một căn hộ thấp ở chái nhà phía cuối một cái sân, xung quanh trồng những bụi đinh hương xum xuê, đến mức những gian nhà vĩnh viễn bị chìm trong bóng tối lơ mơ.

Mùa thu sắp tàn, nhưng đình hương vẫn chưa ngã sang màu vàng. Sương mù vẫn tí tách trong đám lá cành. Dưới kia, trên dòng sông Đonhieppơ, những con tàu hú lên những hồi còi dài. Chúng đang trên đường trở về ẩn náu tránh cái băng giá của một mùa đông khắc nghiệt sau những bờ vịnh xanh dương và ấm áp của chúng. Khi trôi ngang qua Kiép, theo lệ thường, chúng vẫn gửi thành phố những lời chào từ biệt.

Tôi bước lên những bậc thềm và trông thấy, gắn lên bờ tường, một cái ly nhỏ bằng đồng với một cái nút tròn kéo dây chuông. Tôi giật dây. Âm thanh trong veo của một cái chuông nhỏ reo lên trong nhà.

Đích thân Trécpunóp ra mở cửa cho tôi. Ông già khoác một chiếc áo vét mặc trong nhà và đi một đôi dép lê bằng da.

Những điều kỳ diệu bắt đầu ngay từ cửa ra vào. Trước mắt tôi, trong một tấm gương lớn hình bầu dục xuất hiện một cậu học sinh trung học nhỏ bé, mặt đỏ bừng vì bối rối, những ngón tay vụng về của cậu đang luống cuống cởi những chiếc cúc áo. Tôi không nhận ngay ra đó chính là hình ảnh của bản thân tôi. Một hồi lâu tôi không sao khuất phục nổi những chiếc cúc áo nhỏ bé kia. Tôi cố đánh vật với chúng trong khi vẫn lăm lét liếc nhìn cái khung kính.

Nói cho đúng, đó chẳng phải là một cái khung mà là một vòng hoa lá và những chùm nho bằng pha lê phơn phớt đủ mọi màu sắc.

- Cái này làm bằng thủy tinh Vonidơ, - Trécpunốp nói trong khi vẫn giúp tôi cởi chiếc áo capót rồi treo nó lên mắc áo. - Hãy đến gần mà nhìn cho kỹ. Thậm chí em có thể sờ nó xem sao.

Tôi rụt rè vuốt nhẹ một bông hồng thủy tinh. Loại thủy tinh này có hơi mờ, không trong lắm, cứ như được xát bột, nhưng trong giải ánh sáng hẹp từ gian phòng bên cạnh dội sang, nếu trông suốt qua, người ta có thể thấy thấp thoáng một làn ánh sáng phớt hồng.

- Trông cứ như kẹo lucum, - tôi nhận xét.

- Ngó gần, nhưng cũng gần với thực tế, - Trécpunốp lầm bầm.

Tôi ngưng chín người đến mức mắt tôi nóng bừng lên, cay sè. Trécpunốp vỗ vai tôi:

- Đừng giận. Ta thường quen miệng nói vậy. Thôi, vào đi. Em sẽ ăn sáng với chúng tôi.

Tôi rất bối rối và định từ chối, nhưng ông già nắm lấy khuỷu tay và dẫn tôi vào phòng ăn. Chúng tôi lọt vào giữa một gian nhà giống như một mảnh vườn. Để ngồi vào bàn, ông già phải thận trọng rẽ đám lá xum xuê của một khóm ráy thơm và những cành cây dài mềm mại với những quả thông đỏ, thơm phức từ trần nhà rủ xuống. Những

tán lá hình quạt của một cây cọ ngã xuống gần chạm chiếc khăn bàn trắng tinh. Những chậu hoa màu hồng, vàng và trắng chen chúc nhau trên những bệ cửa sổ.

Vừa ngồi vào bàn ăn tôi đã bật đứng dậy ngay. Bước đi thoăn thoắt, cánh áo dài sột soạt, một thiếu phụ tiến vào phòng ăn. Bà ta không cao lớn lắm, cặp mắt xám và nông nàn.

- Masa này, đây là cậu học sinh trường trung học mà tôi đã kể với bà, - Trécpunốp nói và hát hàm về phía tôi. – Con trai Ghêôocghì Mắcximôvích đây. Đương nhiên là cậu ấy còn bỡ ngỡ, rụt rè.

Bà ta đưa tay cho tôi. Cái xuyên trên cổ tay sẽ reo lên:

- Thế nào, Pie, liệu ông có thể giảng giải cặn kẽ mọi thứ cho cậu bé không? – bà ta hỏi và mỉm cười nhìn tôi từ đầu đến chân.

- Tất nhiên, nhưng trước hết chúng tôi phải ăn sáng đã.

- Nếu vậy, tôi phải tranh thủ thời gian lên phố. Tôi định đến cửa hàng bánh ngọt Kiếctrohém mua vài thứ.

- Tùy bà.

Người phụ nữ rót trà cho tôi; bà ta không cho sữa mà thả vào một lát chanh mỏng và đẩy chiếc lẵng đầy bánh xốp về phía tôi.

- Hãy ăn lấy sức mà theo dõi bài giảng.

Sau khi dùng trà, Trécpunóp châm một miếng thuốc lá. Ông ta gạt tàn vào một chiếc vỏ sò, một chiếc vỏ sò xôm xốp phủ đầy bọt hoá thạch một sắc hồng cao nhã. Một chiếc vỏ sò thứ hai tương tự đặt ngay bên cạnh.

- Đây là những chiếc vỏ sò Tân Ghinê, - Trécpunóp cho tôi biết.

- Thôi, tôi đi nhé! Người phụ nữ nói với giọng dứt khoát.

Bà ta đứng dậy và ra khỏi phòng.

- Thế đấy, - Trécpunóp buột miệng và đưa mắt nhìn theo người thiếu phụ.

Rồi ông ta chỉ cho tôi bức chân dung treo trên tường. Tôi trông thấy một người đàn ông râu ria xôm xoàm, mặt đầy tàn nhang.

- Em biết ai đấy không? Đó là một trong số những con người tuyệt vời nhất của nước Nga. Nhà thám hiểm Míchlukhô - Mắclai. Một con người tâm hồn vĩ đại. Có thể em không hiểu biết ý nghĩa của mấy từ ngữ ấy. Nhưng không hề gì. Sau này em sẽ hiểu. Một nhà bác học, một con người tin tưởng ở tình huynh đệ của nhân quần. Ông ta sống độc thân, giữa những bộ tộc man rợ của Tân Ghinê, không vũ khí và bị dây vò hành hạ bởi những cơn sốt rét rừng liên miên. Thế mà ông ta đã làm được

vô số những điều tốt lành và đã tỏ ra vô cùng khoan dung độ lượng đến mức, khi con tàu hộ tống Idumrút của chúng ta đến tìm để đưa ông trở lại nước Nga, hàng đoàn thổ dân *Idumút* kêu khóc thảm thiết trên bờ cát và đưa những cánh tay đen đũi về phía con tàu và gào lên: “Mắclai, Mắclai!” Em hãy nhớ kỹ điều này: với cái thiện ta có thể đạt được mọi thứ.

Người phụ nữ đã trở lại và dừng chân ở ngưỡng cửa của phòng ăn. Bà ta đội một chiếc mũ đen và đang lồng vào bàn tay trái một chiếc bao tay.

- À này, thơ ca là gì vậy? - Đột nhiên Trécpunốp hỏi tôi. – Em không nhất thiết phải trả lời. Và lại không thể định nghĩa được đâu. Đây là một chiếc vỏ sò đem về từ hòn đảo nơi Mắclai đã từng sống. Nếu em nhìn thật kỹ, thật lâu, trong trí tưởng tượng, em sẽ thấy hiện lên một hình ảnh: một buổi sáng, ánh mặt trời đã dội xuống cái vỏ sò rồi lưu lại đó mãi mãi.

Người đàn bà ngồi xuống một chiếc ghế gần cửa ra vào và bắt đầu tháo chiếc găng tay mà ba ta chỉ vừa mới lồng vào.

Tôi chăm chăm ngắm nghía chiếc vỏ sò. Trong một khoảnh khắc, tôi có cảm giác rằng tôi đã chìm vào một giấc ngủ và tôi đã trông thấy mặt trời từ từ lên cao trên làn nước mênh mông trong suốt của

đại dương và cả ánh lấp lánh của những tia sáng màu hồng.

- Nếu em úp cái vỏ sò vào tai, - giọng nói của Trécpunốp từ đâu đó rất xa vọng tới, - em sẽ nghe thấy tiếng sóng dạt dào. Ta không thể giảng giải cho em hiện tượng này diễn ra như thế nào. Và chẳng ai có thể giải thích cho em được đâu. Đó là một điều bí hiểm. Tất cả những gì mà con người không thể hiểu được đều được gọi là điều bí hiểm.

Người đàn bà bỏ mũ ra và đặt lên đầu gối.

- Hãy cầm lấy và lắng nghe, - Trécpunốp nói tiếp.

Tôi đưa chiếc vỏ sò lên tai và nghe thấy tiếng rì rầm như trong con ngái ngủ, cứ như xa xa, rất xa, những ngọn sóng đều đều dồn về phía bờ cát rồi lịm đi ở đó.

Người đàn bà đưa tay về phía tôi:

- Đưa tôi xem nào. Đã lâu lắm tôi không được nghe.

Tôi đem chiếc vỏ sò lại cho bà. Bà ta áp nó vào tai, đôi môi hé nở một nụ cười, thấp thoáng để lộ một hàm răng nhỏ nhắn, rất trắng và ươn ướt.

- Masa? Bà vẫn chưa đi cửa hàng Kiếctơhem? -

Đột nhiên Trécpunốp hỏi.

Người đàn bà đứng dậy.

- Tôi đã nghĩ lại. Đi một mình buồn lắm. Tôi xin lỗi đã làm phiền hai người.

Nói rồi, bà ta rời khỏi căn phòng.

- Sao? - Trécpunốp nói tiếp, - chúng ta tiếp tục câu chuyện chứ, anh bạn trẻ? Đằng kia, trong xó nhà có vài chiếc hòm gỗ sơn đen. Nhờ em đem hộ chiếc hòm trên cùng lại đây. Nhưng cẩn thận đấy.

Tôi đem chiếc hòm lại và đặt lên bàn, trước mặt ông già. Cái hòm rất nhẹ khiến tôi ngạc nhiên.

Trécpunốp nhẹ nhàng bật nắp hòm lên. Tôi ném một cái nhìn qua bờ vai ông ta và không kìm nổi một tiếng kêu ngạc nhiên. Dưới đáy hòm, một cánh bướm khổng lồ, lớn hơn cả một chiếc lá thích, trải rộng trên một mảnh lụa sẫm màu và óng ánh như một chiếc cầu vồng.

- Em không biết cách nhìn rồi! - Trécpunốp nói có vẻ không hài lòng. - Phải nhìn thế này!

Ông ta chộp lấy đỉnh đầu tôi và xoay sang phải rồi sang trái. Cứ mỗi lần đổi hướng, cánh bướm lại rạng lên những màu sắc khác nhau, xanh trắng, vàng và đỏ rực. Những cánh bướm dường như đốt lên một ngọn lửa thần kỳ, không thể nào tắt được.

- Đây là một loài bướm cực kỳ hiếm. Một con bướm công ngày của Boóc-nê-ô! - Trécpunốp khẳng định với vẻ rất tự hào, rồi ông ta đóng nắp hòm lại.

Sau đó, vị giáo sư già cho tôi xem một quả địa cầu, những tấm bản đồ địa lý có mũi tên chỉ hướng, những chú chim sâu nhỏ rơm mỏ dài và nhọn như những mũi tên.

- Hôm nay thế là tạm đủ, - ông già nói – Em mệt rồi đấy. Nhưng cứ chủ nhật em có thể đến đây.

- Thầy luôn có ở nhà sao?

- Ừ. Ta già quá rồi, anh bạn ạ, không thể la cà hay đi đó đi đây được nữa. Vì vậy, giờ đây ta đang ngao du khắp thế giới trên những bức tường và trên những mặt bàn của ta.

Ông già chỉ cho tôi xem những dãy kệ đầy ắp sách vở và những chú chim sâu nhỏ rơm.

- Hẳn là thầy đã đi du lịch nhiều nơi? – Tôi rụt rè hỏi.

- Ít nhất cũng bằng Mýchlukhò - Máclai.

Tôi vội vàng khoác chiếc áo capôt, luống cuống đến nỗi không sao luồn vào được cánh tay áo. Đúng lúc ấy người đàn bà bước vào tiền sảnh. Bà ta vận một áo cánh ngắn rất vừa vặn, đội một chiếc mũ nhỏ, mang găng tay. Một tấm khăn trùm thâm màu buông xuống tận mắt. Cặp mắt lúc này hình như xanh hơn.

- Nhà em ở đâu? - bà ta hỏi tôi.

Tôi nói địa chỉ.

- Thế thì chúng ta cùng đi một đường chớ đến tận đại lộ Crésáttrích. Nào, chúng ta cùng đi.

Chúng tôi ra khỏi phòng. Trécpunốp vẫn đứng ở cửa và nhìn chúng tôi lên đường. Rồi ông ta cất cao giọng:

- Masa, cẩn thận nhé. Rồi mau chóng mà về.

- Được rồi, - người đàn bà trả lời nhưng không quay đầu lại.

Chúng tôi đi qua trước chiến lũy Nicôla, cánh cổng được trang trí bằng những cái đầu sư tử bằng đồng, sau đó băng qua công viên Marinxki nơi trước đây tôi đã gặp viên trung úy hải quân, rồi cuối cùng rẽ vào đường Học Viện. Người đàn bà im lặng bước đi. Tôi cũng bước đi trong im lặng. Tôi rất sợ bị bà ta hỏi chuyện và bắt buộc phải trả lời.

Đến đường Học Viện, quả nhiên bất thần bà ta hỏi:

- Trong bảo tàng của chúng tôi, anh thích gì nhất?

- Con bướm công ngày, - tôi trả lời và, sau một khoảnh khắc im lặng, tôi nói thêm: - Chỉ có điều em rất thương nó.

- Vậy sao? - Người đàn bà ngạc nhiên hỏi - Tại sao anh thương nó?

Buổi ấy, chẳng ai hỏi tôi là “anh” và vì vậy tôi càng bối rối.

- Nó rất đẹp, - tôi trả lời, - thế mà hầu như không ai được chiêm ngưỡng nó.

- Anh còn thích gì nữa?

Đến đại lộ Crésáttrich, chúng tôi dừng lại trước cửa hiệu bánh ngọt Kiếctrohém. Người đàn bà hỏi tôi:

- Anh có được phép uống sôcôla trong một cửa hàng bánh ngọt không? Và ăn bánh ngọt?

Tôi chẳng biết tôi có được phép hay không, nhưng quả vậy tôi nhớ có một lần tôi đã cùng với má và chị tôi đến hiệu bánh Kiếctrohem và chúng tôi đã cùng uống sôcôla ở đó. Vì vậy tôi vội vã trả lời:

- Sao không, tất nhiên là được!

- Thế thì tuyệt. Vậy chúng ta vào đi.

Chúng tôi ngồi ở cuối căn phòng. Người đàn bà đẩy cái lọ hoa tú cầu sang một bên, về phía mép bàn và gọi hai cốc sôcôla và chiếc bánh ngọt.

- Anh học lớp mấy? Khi người ta đem sôcôla ra, bà ta hỏi tôi.

- Thừa bà, năm thứ hai.

- Thế anh bao nhiêu tuổi?

- Mười hai.

- Còn tôi, tôi hai mươi tám. Tất nhiên, ở tuổi mười hai, người ta rất cả tin, người ta có thể tin mọi thứ.

- Xin lỗi? Tôi nói và cố gắng tìm hiểu xem bà ta muốn nói gì.

- Anh có sở thích riêng, những câu chuyện mà anh thích người ta kể cho nghe không?

- Vâng, có.

- Chồng tôi cũng vậy. Còn tôi thì không. Tại sao

anh không rủ tôi cùng chơi những trò chơi của anh? Chúng ta rất có thể cùng nhau vui chơi.

- Vậy chúng ta có thể cùng nhau chơi gì nào? - Tôi hỏi.

Câu chuyện bắt đầu trở nên sôi nổi.

- Chơi gì ư? Ví dụ, chúng ta có thể cùng chơi trò chơi “Cô lọ lem” hay “Lạc vào xứ sở của ông vua độc ác”. Cũng có thể chúng ta nghĩ ra một trò chơi mới gọi là “Cánh bướm công ngày xứ Boóc-nê”.

- Ô, đúng, đúng vậy! - Tôi đồng ý và cảm thấy toàn thân rạo rức. - Chúng ta sẽ cùng nhau vào cánh rừng ma đi tìm cái giếng thần kỳ.

- Có chết cũng chẳng sao, phải không?

- Tất nhiên! Chết cũng không sao.

- Chúng ta sẽ lấy một vốc thứ nước thần kỳ ấy - bà ta nói tiếp và đưa tay vén tấm khăn trùm lên trán. - Và khi một trong hai chúng ta cảm thấy mệt, người ấy sẽ thận trọng trút nước vào bàn tay người kia.

- Và cứ mỗi lần chúng ta trao nước cho nhau, một vài giọt sẽ rơi xuống đất và ở nơi giọt nước...

- Ở mỗi chỗ giọt nước rơi xuống, - bà ta tiếp lời tôi, sẽ từng bừng mọc lên một khóm cây với những bông hóa khổng lồ trắng tinh. Rồi sau đó đến lượt cái gì, anh nghĩ sao?

- Chúng ta sẽ vấy thứ nước thần diệu ấy cho cánh bướm và nó sẽ lại hồi sinh.

- Rồi nó sẽ hóa thân thành một cô gái xinh đẹp, đúng không? – Bà ta hỏi và phá lên cười. – Thôi, đã đến lúc chúng ta phải ra về. Có thể ở nhà người ta đang chờ anh đấy.

Chúng tôi ra khỏi cửa hàng. Bà ta đưa chân tôi đến tận góc phố Phunducolép. Bà ta đi ngang qua đại lộ Crésattrich. Và bà ta cũng ngoái cổ lại, mỉm cười với tôi và vẫy bàn tay nhỏ bé mang găng tay đen của bà.

Về đến nhà, tôi không biết kể với ai, - thậm chí với má - rằng tôi đã vào hiệu bánh ngọt Kiéctrohem. Suốt bữa ăn, má phân vân mãi không hiểu tại sao tôi chẳng ăn uống gì cả. Tôi vẫn câm lặng. Tôi nghĩ về người đàn bà và tôi chẳng hiểu gì cả?

Ngày hôm sau ở trường, tôi hỏi một học sinh năm cuối cùng bà ta là ai.

- Té ra cậu đã đến nhà thầy Trécpunóp? – Cậu ta hỏi tôi.

- Đúng, tớ đã đến đó.

- Và cậu đã được xem bảo tàng của thầy?

- Đúng vậy, tớ đã được xem.

- Thì ra vẫn có những kẻ gặp may... - cậu ta nói - Vợ thầy giáo chứ còn ai. Thầy hơn cô ấy ba mươi lăm tuổi.

Chủ nhật tiếp đó tôi không trở lại nhà thầy Trécpunóp. Giữa tuần, thầy bị ốm và không đến trường được.

Vài ngày sau, trong khi dùng trà bữa tối, đột nhiên má hỏi tôi có gặp một thiếu phụ ở nhà giáo sư Trécpunốp không.

- Có, con có trông thấy một người, - tôi trả lời má, mặt tôi nóng ran.

- Thế thì đúng rồi! - Má nói và xoay người về phía ba. - Và, tuy nhiên, hình như ông ta rất tốt đối với cô ấy! Cô ta sống như một công chúa trong một chiếc lồng vàng.

Ba vẫn ngồi im.

- Côxtích, - má nói với tôi - con đã uống trà rồi. Vậy thì hãy vào phòng của con, cũng đã sắp đến giờ đi ngủ.

Má xua khéo tôi đi để có thể bình tĩnh nói chuyện với ba về Trécpunốp. Tôi không thích nghe trộm sau cánh cửa mặc dù tôi rất muốn biết má sẽ nói gì.

Nhưng, ở trường, chẳng bao lâu sau tôi đã biết được chuyện gì đã xảy ra. Người đàn bà trẻ đã bỏ Trécpunốp và đã đi Pêtécbua. Ông già đã lâm bệnh vì quá đau khổ và không tiếp ai nữa.

- Đáng đời lão Trécpunốp! - một học sinh tên là Lithaoơ reo lên - Ai bảc lão lấy vợ trẻ.

Lời lẽ của tên kia khiến tất cả chúng tôi phần nộ vì chúng tôi rất yêu quý người thầy già nua của chúng tôi. Vì vậy, ngay giờ học sau, khi thầy giáo người Pháp tên là Xécmu tiến vào lớp học, chúng

tôi bắt tên Lithaod phải trả giá đắt vì tâm địa độc ác của hắn.

- Lithaod! Cả lớp đồng thanh tru tréo âm lên, -
Ithaod! Thaod! Aod! Ươ! Ố!

Rồi cả lớp im bật.

Xécmu dùng dùng nổi giận và, như thường lệ, chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì. ông ta thét lên:

- Lithaod, ra ngoài!

Và ông ta cho thằng kia xoi một điểm không về hạnh kiểm.

Chúng tôi không bao giờ gặp lại thầy Trécpunốp nữa. Và thầy cũng chẳng bao giờ trở lại trường.

Một năm sau, tôi tình cờ gặp thầy ở ngoài phố. Ông già chống gậy nặng nề lê từng bước, mặt mày vàng bủng và sưng húp. Thầy giữ tôi lại, hỏi thăm về việc học hành của tôi và hỏi:

- Em vẫn nhớ con bướm công ngày của ta đấy chứ? Con bướm Boóc-nê-ô áy mà? Mất rồi, ta không còn nó nữa, cánh bướm công ngày áy.

Tôi im lặng. Trécpunốp chăm chú nhìn tôi.

- Tôi đã tặng nó cho trường Tổng hợp. Nó, và cả bộ sưu tập bướm công của tôi. Thôi, tạm biệt em. Ta rất vui được gặp lại em.

Chẳng bao lâu sau Trécpunốp qua đời. Tôi vẫn giữ mãi kỷ niệm về ông và về bà vợ trẻ của ông. Cứ mỗi lần hồi tưởng lại chiếc khăn trùm đầu của cô, nụ cười của cô, cử chỉ của cô khi cô vẫy tay chào

trong khi đi ngang qua đại lộ Crésatrich, một làn sóng xôn xao nhưng khó hiểu lại ùa đến xâm chiếm toàn bộ tâm hồn tôi.

Khi tôi học năm cuối cùng, một hôm, giữa bài giảng về sức mạnh và sự phong phú của trí tưởng tượng, thầy giáo môn tâm lý học bỗng nhiên đưa ra câu hỏi:

- Các em vẫn nhớ giáo sư Trécpunốp và những cái lọ nước của giáo sư đấy chứ?

- Sao ạ? - chúng tôi đồng thanh đáp lại - Chúng em nhớ rất rõ ạ.

- Tốt, giờ đây tôi có thể cho các em biết rằng những chiếc lọ kia chỉ chứa thứ nước bình thường nhất vụn từ trong vòi ra. Các em sẽ hỏi với mục đích gì mà giáo sư Trécpunốp đã dựng cùng một thứ nước trong những chiếc lọ khác nhau? Giáo sư tin tưởng một cách có lý rằng, bằng cách ấy, giáo sư có thể khơi dậy và kích thích trí tưởng tượng của các em. Giáo sư Trécpunốp đánh giá rất cao khả năng tưởng tượng ở mỗi con người. Nhiều lần tôi đã được nghe giáo sư khẳng định rằng con người khác với những động vật khác ở chỗ con người có khả năng tưởng tượng. Chính trí tưởng tượng là cơ sở của nghệ thuật. Trí tưởng tượng có thể đẩy lùi biên giới của trần gian và của tư duy, và truyền cho cuộc sống cái phẩm chất mà chúng ta gọi là thơ ca.

NHỮNG CÂY BỒ ĐỀ TRỞ BÔNG

Chưa bao giờ tôi thấy nhiều bồ đề cổ thụ như vậy. Đêm xuống, những ngọn cây mát hút trên bầu trời. Và mỗi khi gió nổi lên, những vì sao chớp chói trong đám lá cành như những con đom đóm. Ban ngày, dưới chân những người khổng lồ ấy, ngự trị một bóng tối lơ mờ, còn trên kia, ở tít trên kia, trong đám lá cành mát rượi cả một quần thể những sinh linh có cánh muôn hồng nghìn tía vẫn huyền não thi nhau đập vỗ, chập chờn và riu rít gọi bầy.

- Hãy đợi một chút - cậu Nicôla nói với chúng tôi - chẳng bao lâu nữa bồ đề sẽ đầy hoa, và lúc đó các người sẽ thấy...

Cậu chẳng bao giờ nói rõ điều gì sẽ xảy ra khi những cây bồ đề đơm đầy hoa. Nhưng chúng tôi biết rằng đến lúc đó công viên Rêvoni cổ kính sẽ trở thành một cảnh dào nguyên.

Từ hai năm nay, ngay sau khi kết thúc một học

kỳ, cả gia đình lại đến nghỉ trong cái cơ ngơi ấy. Ba tôi cũng thường đến với chúng tôi và lưu lại suốt cả kỳ nghỉ phép của ba.

Bị phá sản, người chủ của Rêvoni cho những người nghỉ hè thuê vài ba cái đatra¹ bằng gỗ rải rác trong khu vườn. Nhưng cái cơ ngơi này rất hẻo lánh, xa lánh hẳn cuộc đời, thị thành và đường sắt. Vì vậy hầu như chưa bao giờ chúng tôi cũng là những người thuê nhà duy nhất. Cậu Nicôla thuê một đatra còn chúng tôi thuê một cái khác.

Để có được một khái niệm về sức quyến rũ của những nơi này, có lẽ người ta phải miêu tả chúng với sự chính xác của một nhà đồ họa.

Một vườn bồ đề bị bỏ mặc, chỉ chút những bụi phủ và hắc mai, ken dày đến mức không sao luôn lách qua được. Những chiếc ghế dài ruồng mọt xiêu vẹo giữa những khóm tử đinh hương. Những lối dạo hoang sơ mang những cái tên nghe rất mê: "Đường đến điện thờ Nữ Thần Săn Bắn", "Lối đi những tiếng thở dài", "Thung lũng sơn ca".

Những khoảnh rừng thưa đầy nắng với một góc thông cô đơn và những bông hoa dại, rồi lại tiếp đến bóng rợp của những cây bồ đề uy nghiêm, có lẽ hàng nghìn năm tuổi.

1. Đatra: nhà nghỉ ở vùng quê.

Khu vườn thoai thoải đổ về phía một dòng sông, sông Rêvơna. Và xa xa ở phía bờ bên kia, bỗng nhấp nhô những quả đồi um tùm cây cỏ. Ở đó chỉ lượn khúc một con đường cát mịn. Nó dẫn đến một tiêu giáo đường đổ nát nơi vẫn còn lay lắt một pho tượng Thánh Tikhôn Dadônxi. Qua khỏi chỗ này, con đường mất hút vào những đám cỏ khô.

Không ai dám một mình liều mạng đi xa hơn, kể cả Vôlôđiã Rumiantxép, một sinh viên Học viện Thủy lợi và Lâm nghiệp Pêtécbuia, tay bạo phổi nhất trong chúng tôi.

Rừng cây cao bọc sát ngôi tiêu giáo đường; một mùi lá mục ẩm ướt và mùi dương xỉ từng hơi từng hơi bốc lên từ những bụi lúp xúp. Hoàng hôn xuống, từng đàn cú mèo vù lên bay về phía khoảng rừng thưa.

Một lần, giữa trời đêm khuya khoắt, người ta nghe thấy tiếng gọi xa vắng từ khu rừng vọng tới. Đó là một người chạy chợ phiên, một dạng bán hàng rong, bị lạc đường. Từ tu viện Xvenxơ anh ta đi bộ đến hội chợ Trubotrêpxơ. Người gác rừng đã tìm được và đưa anh ta về Rênivơ. Người bán hàng rong, một người nhỏ bé với cặp mắt xanh lơ, khóc lên vì sung sướng và cuống quýt làm những dấu thánh.

Một hôm, toàn bộ cánh đàn ông, do Vôlôđiã

cầm đầu, đem theo một chiếc la bàn, luồn sâu vào thẳm hiểm cánh rừng.

Ồ đó chúng tôi đã bắt gặp những bãi sinh lầy không dò nổi, um tùm đầu tầm và cây hoa bia. Từ dưới lòng thung vọng lên tiếng nước chảy róc rách, nhưng chẳng bao giờ chúng tôi tìm được bất cứ một con lạch nhỏ nào. Giữa rừng cuộn cuộn một dòng sông vô danh, nước trong vắt, trong suốt như pha lê. Từ trên bờ người ta có thể trông rõ hàng hà sa số những con cá nhỏ vùng vẫy quay cuồng dưới đáy làn nước trong veo.

Cuối cùng, chúng tôi thoáng trông thấy một cây thánh giá lớn mọc ruồng, gần một dòng suối, ở một nơi hoang sơ. Một cái chén bằng kim loại móc ở một trong những thanh ngang. Một nhánh dây leo quấn xung quanh buộc chặt cái chén với cây thánh giá. Chúng tôi nhẹ nhàng gỡ lấy cái cốc và dùng nó để múc nước của dòng suối. Nước có dư vị của sắt rỉ.

Người ta nghe thấy tiếng the the của những con sếu, tiếng lanh lảnh của những con chim vàng anh và những con chim cất bay lượn trên bầu trời. Những áng mây, giống như những con tàu đáy xanh lơ, bồng bềnh trên đầu chúng tôi. Chúng tôi ném về phía chúng những cái nhìn thèm khát: từ trên đó, nơi những áng mây kia đang bay lượn, có

lẽ chúng tôi đã có thể khám phá ra toàn bộ xứ sở của cánh rừng đầy bí hiểm này. Những con chim gõ kiến đang mổ những thân cây khô, vẻ hốt hải; khi thì ở nơi này, lúc thì ở chỗ khác, những quả thông rơi lên đầu lên vai chúng tôi.

Vôlôđia cho biết, ở một nơi nào đó trong cánh rừng này, chắc là phải có một tu viện của những tín đồ già nua. Một thư viện bị lãng quên, anh ấy nói, đầy những bầy ong hoang dã và là nơi chúng tôi có thể kiếm được mật.

Nhưng cái tu viện kia mãi vẫn không tìm thấy. Trèo lên những ngọn thông cao nhất, chúng tôi đã hoài công định hướng và cũng không tìm đâu ra, trong cội bạt ngàn cây lá này, một mái nhà cũ lợp bằng những tấm ván với một cây thánh giá lớn tám nhánh. Một ngọn gió nhẹ và ẩm thì thảo trên những ngọn cây. Những bàn tay dính chặt vào những vỏ cây có nhựa. Những con sóc mắt đen lẳng xăng nhẩy nhót xung quanh chúng tôi. Những quả thông còn xanh toả ra một mùi tùng chi. Từ ngọn cây thông giống như từ đỉnh một cây đèn biển, bàn tay che trên mắt, chúng tôi đã ra sức tìm kiếm nhưng vô hiệu, chúng tôi đã không phát hiện được thêm bất cứ cái gì khác ngoài cánh rừng và những áng mây đang bay lượn và chúng tôi đã bị chóng mặt.

Từ đỉnh mấy cây thông, chúng tôi có cảm giác những áng mây kia đang lờn vờn đầu đó rất gần. Chúng tôi thêm khát muốn được sờ mó, vuốt ve những đống tuyết trắng tinh của chúng.

Cao hơn nữa, một giải mầu vân thạch sáng long lanh được tra thêm những chiếc lông vũ đục mờ, vắt ngang bầu trời, Vôlôdia cho chúng tôi biết đó cũng là những áng mây. Những áng mây cao đến nỗi dường như chúng không phải là được hình thành bằng hơi nước mà từ những tinh thể pha lê. Giống như một bó lông vũ, chúng im lìm bất động trong cõi vô biên bằng giá và không thể vươn tới được.

Ngoài khu rừng ra, Rêvơni còn có một thứ khác cũng có sức quyến rũ mê hồn, đó là dòng sông. Nó êm đềm trôi dưới một mái vòm những cành liễu đan kín vào nhau, chia thành hai nhánh để ôm lấy một hòn đảo; đó đây những vạt hoa súng và hoa thuỷ biết bông bênh trên mặt nước.

Ở thượng nguồn phía trên hòn đảo, một cái đập bằng những thân cây chắn ngang dòng sông. Trên đảo là một nhà máy cửa hoang phế. Hàng núi mặt cửa chông chất gần những cái kho trống rỗng. Vào những ngày đại thử, từ những đống đổ nát kia, một mùi gỗ mục xông lên nồng nặc khiến người ta quay cuồng đầu óc.

Xưa kia, chính ở chỗ này một guồng nước đã

vận hành cái nhà máy cưa. Còn bây giờ, tất cả đều đã suy sụp, cả cái guồng nước chạy bằng con lăn, cả những hệ thống bánh xe răng cưa chuyển động, mọi thứ đều bị mạng nhện chằng chịt bao phủ. Những chiếc nấm đại mẫu nhựa thông mọc la liệt khắp nơi.

Dưới chân đập có những cái hốc nước, hang ổ của những con cá măng khổng lồ. Người ta gọi chúng là những "cái phễu". Ở đó, lượn lờ luẩn quẩn một làn nước đen ngòm.

Ở đó, cậu Nicôla và tôi đã thả những chiếc cần câu với hàng tá lưỡi câu và cá mồi. Ở đó cũng có những con cá pécca rất to màu xanh lơ. Chúng tôi đứng trên những thân cây tròn ẩm ướt của con đập để câu cá pécca. Đôi khi chúng giằng những chiếc cần câu khỏi tay chúng tôi và kéo xuống đáy sông. Giống như một mũi tên bằng vàng, chiếc cần câu bằng tre lao xuống tận đáy sâu để rồi lại nhô lên mặt nước ở phía bên kia "cái phễu". Những lúc như vậy, người ta phải dùng ca-nô để kiếm lại chiếc cần câu và con cá.

Còn gì nữa ở Révoni? Một trang viên cổ với hàng cột cao, theo lưu truyền, do Raxtoreli xây dựng. Chim én đã làm tổ trên mặt tiền của trang viên. Một làn ánh sáng ngũ sắc tràn ngập những phòng khách rộng không, những cầu thang và

những hành lang. ánh sáng đã lọt vào qua những cửa sổ kính lồi. Mỗi khi có ai đó dạo qua các gian phòng, từ những bàn ghế đồ đạc lại vang lên những tiếng rảng rác. Những cây đèn chùm đáp lại bằng những tiếng chuông lanh canh.

Trang viên này không có người ở. Chỉ vào dịp lễ hội của gia đình, ngày Nữ Thánh Mari (trong gia đình chúng tôi có hai người mang tên thánh Mari, má tôi và vợ Maruxia, vợ cậu Nicôla), người ta mở rộng cửa thông gió lớn và tổ chức khiêu vũ ở đó. Có cả một hành lang dài dành cho các nhạc công.

Đọc theo bao lon, người ta treo những chiếc đèn lồng và khi đêm xuống, người ta bắn pháo hoa trong vườn. Những hoa pháo thăng thiên rã ra một lối đi qua đám lá cành ken dày để rồi tản ra thành những tinh cầu lửa muôn hồng nghìn tía và nhẹ nhàng liệng xuống dần, soi sáng ngôi nhà cũ với những tia phản chiếu hung hung đỏ. Khi những bông pháo tắt rồi, khu vườn lại trở về với mùi hương ngào ngạt của những cây sồi đang trở hoa.

Vào những dịp lễ hội như vậy, các bạn của cậu Nicôla, các sỹ quan của Học viện Quân sự cũng từ Brianxơ đến chia vui với gia đình. Một năm, thậm chí chúng tôi được đón tiếp cả Axcôtrenxki, ca sỹ giọng nam cao của Matxcova. Trong phòng khiêu vũ, ông ta đã ca diễn một chương trình độc tấu.

*Ôi! có khi nào trở lại đây
Axcôtrenxki cất cao giọng,
Nơi đã từng qua những phút giây,
Ngất ngây trong thẳm sâu cành lá,
Em đã từng nghe trong đắm say:
Con tim rỉ máu hoài than thở...*

Lời thơ của bản tình ca kia hình như có liên quan tới khu vườn của chúng tôi. Nó đã chẳng từng được nghe không biết bao nhiêu là lời thổ lộ tình yêu đó sao? Nó đã trông thấy những khuôn mặt tái đi của các tình nhân, những giọt lệ chia li.

Em có khi nào giữa tuổi thơ

Nghe sâu một giọng vẫn giấc mơ,

người ca sỹ tiếp tục, cùi tay vẫn tựa trên cây dương cầm.

Di Maruxia đệm đàn cho anh ta. Thỉnh thoảng, di thoáng nhẹ đưa tay sửa lại mái tóc.

Thở than ngọn gió trong mưa bão

Lại vẫn anh đây mãi gần gũi...

Sau buổi khiêu vũ, người ta được mời dùng bữa tối trong nhà nghỉ của cậu tôi. Trong những chiếc chao đèn hình cầu, những ngọn nến đốt cháy những con bướm đêm nổ tí tách.

Người ta cho mấy cậu học sinh trung học uống rượu như người lớn. Kết quả là bọn này trở nên bạo mồm bạo miệng.

Nốc rượu vào rồi, chúng tôi nghĩ ra cái trò thi

nhau lần lượt chạy qua khu vườn ngay giữa nửa đêm. Để tránh gian lận, mỗi người phải đặt một vật gì đó trên chiếc ghế dài trên lối đạo xa nhất, lối đạo "Thung lũng Sơn Ca". Cậu Nicôla hứa sáng hôm sau sẽ kiểm tra lại xem mọi người có nghiêm chỉnh thực hiện quy định ấy không.

Em trai vợ Maruxia, Paven Tennốp, sinh viên Đại học Y, nhận phần đi đầu. Mọi người gọi anh ấy là Pavolia. Đó là một anh chàng cao lênh khênh mang một bộ râu xoắn tít. Trông anh ta hơi giống Antôn Sêkhốp. Đó là một con người rất chân thành và vô cùng nhân hậu. Vì vậy người ta thường chơi khăm anh ta.

Anh ấy phải đặt một cái chai rỗng trên chiếc ghế dài ở lối đạo "Thung lũng Sơn Ca".

Sau đó đến lượt tôi. Tôi lao sâu vào các lối đạo. Những cành lá dẫm sương đêm quất vào mặt tôi. Tôi có cảm giác ai đó đang đuổi theo tôi ở sau lưng.

Tôi dừng lại và căng tai nghe ngóng. Trong những bụi rậm lúp xúp, ai đó hay một vật gì đó đang nhẹ gót bí mật rẽ một lối đi. Thế là tôi vất chân lên cỏ cắm đầu chạy và cuối cùng đến được một khoảng rừng thưa. Mặt trăng hiện ra trên đỉnh đầu. Trước mặt tôi bỗng mở ra lối đạo "Thung lũng Sơn Ca". Bóng tối như mực ngự trị trong lối đi. Tôi nhảy một phát vào đó như vào một làn nước

đen ngòm. Cuối cùng, lấp lánh một dòng sông. Trên bờ bên kia, một con diệc sao đang khắc khoải gọi bầy.

Đến gần chiếc ghé dài, tôi dừng lại. Những cây sồi nở hoa ngọt ngào tỏa hương. Toàn bộ trời đêm đến tận các vì sao dường như thấm đậm mùi thơm của chúng. Tất cả đều im ắng và người ta hầu như không tin nổi rằng cách đó không xa, trên một sân thượng tắm mình trong ánh đèn, một lễ hội đang lúc tưng bừng nhất.

Chúng tôi đã thoả thuận trước với nhau là sẽ chơi khăm Pavolia một ván. Tôi vớ lấy cái chai anh ta đặt trên ghé và lẳng xuống sông. Nó xoay một vòng, lấp lánh dưới ánh trăng. Những vòng sóng ánh trăng loang về phía bờ.

Và tôi lại lao đi dọc theo bờ sông. Từ dưới kia dâng lên những làn hơi ẩm ướt, một mùi hương vô cùng tinh khiết. Hồn hển, tôi rẽ vào một lối đi rất rộng. Ở cuối đường lấp lánh những ánh đèn.

Rồi tôi nghe thấy tiếng kêu ái ngại của mẹ Maruxia:

- Côxtích! Cháu phải không?
- Vâng, - tôi trả lời và chạy đến với mẹ.
- Bao giờ các người cũng chỉ nghĩ ra toàn những trò xuẩn ngốc, tất cả các người, không trừ ai! - Mẹ giận dữ thốt lên.

Mợ đứng ở giữa đường, bọc kín trong một chiếc khăn choàng mỏng bằng len.

- Má cháu rất lo. Ai nghĩ ra cái trò ấy? Golép, hẳn thế?

- Không, không phải Golép, - tôi nói dối. - Chúng cháu, cả bọn.

Mợ Maruxia đã đoán ra. Cái trò chạy đua qua vườn trong đêm là sáng kiến của Golép Aphanaxiép, học trò cậu Nicôla, học sinh trường trung học Borianxơ, một cậu bé có mái tóc bướng bỉnh và với một năng khiếu sáng tạo vô tận. Những tia sáng ranh mãnh bao giờ cũng lấp lánh trong cặp mắt sáng của nó. Không ngày nào nó không nghĩ ra một trò ranh mãnh nào đó. Chính vì vậy, bất cứ cái gì xảy ra, người ta đều đổ lỗi cho nó.

Sáng hôm sau, như đã hứa, cậu Nicôla đi kiểm tra những thứ được đặt trên chiếc ghế. Ở đó chỉ thiếu cái chai của Pavolia. Thế là mọi người hòa nhau chế nhạo anh ta: anh ta đã "vãi linh hồn", đã không dám đến tận chiếc ghế, đã lộn lại giữa đường và đã lẳng cái chai ở đâu đó. Nhưng Pavolia đoán ra ngay tất cả đầu đuôi chuyện, rất cáu và dọa:

- Được rồi, Golép! Cứ đợi đấy!

Golép không nói gì, chẳng bao giờ cậu ấy phản tôi.

Ngay ngày hôm ấy, trong khi tắm ngoài sông, Pavolia tóm lấy nó, nhiều lần ghìm nó trong nước, lột quần nó, trói chặt hai chân và dìm nó xuống sông. Thành Golép tội nghiệp phải khổ sở lắm mới dùng răng gỡ được cái nút trói. Nó có vẻ rất đáng thương với chiếc quần.

Trông nó càng khổ sở hơn vì đúng thời gian ấy chị em gái nhà Carêlin, hai nữ sinh trường trung học Ören, cũng đang nghỉ hè với bà mẹ một trong những nhà nghỉ của Rêvoni. Cô chị, Liuba, thường ngồi đọc trong một góc kín đáo trong vườn. Cô ấy có nước da tươi tắn, mái tóc vàng lúc nào cũng rối bù. Bên cạnh những chiếc ghế dài nơi cô ta thường ngồi đọc, thỉnh thoảng chúng tôi nhặt được những chiếc giải màu đen tuột khỏi mái tóc cô ta.

Golép có vẻ rất thích cô em Xasa, một cô gái có cái vẻ ngông cuồng đồng bóng, luôn nhìn đời bằng con mắt chế giễu. Như vậy, trong tình trạng của cậu ấy lúc này, làm sao có thể tính chuyện xuất hiện trước mặt cô gái. Tôi tự cảm thấy có lỗi và van xin má tôi là lại chiếc quần cho cậu ấy. Quần áo là rồi, Golép lấy lại được ngay cái vẻ ngông cuồng của nó.

Thực tình, bản thân cuộc chạy đua qua khu vườn ban đêm chẳng có gì đặc biệt cả, thế mà tôi vẫn giữ mãi kỷ niệm về nó. Tôi hồi tưởng lại

những làn sóng hoa bồ đề thơm phức phả vào mặt tôi, tiếng kêu khóc của con diệp sao, toàn bộ cái cảnh đêm dày đặc sao và đầy ắp những tiếng kêu sung sướng.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau tâm hồn thanh thản của tôi bỗng nhiên lại lay chuyển. Vài ngày sau lễ hội, gần nhà nghỉ của chúng tôi, tôi thoáng thấy một cậu bé chân đất, áo quần rách bươm. Nó đến mời chúng tôi mua dâu rừng. Một mùi trái nạc và mùi khói than củi toả ra từ người cậu bé. Nó đòi mười cô-pêch một lọ dâu đất. Má tôi đưa nó hai mươi và cho thêm một chiếc bánh nhân thịt.

Thằng bé đứng đó, mắt sụp xuống, cọ cọ hai bàn chân không giầy vào nhau. Nó nhét mẩu bánh vào ngực áo và chẳng nói năng gì.

- Cha mẹ cháu là ai, bé? - Má hỏi nó.
- Anixa, - nó ngập ngừng đáp lại.
- Cháu để dành bánh cho ai?
- Cho mẹ cháu, - nó trả lời bằng một giọng the thé và vẫn không ngược mắt lên. - Mẹ cháu không được khoẻ. Mẹ phải vác củi nặng quá sức.
- Thế cha cháu đâu?
- Chết rồi.

Thằng bé hít mạnh một hơi, quay gót và thực mạng bỏ chạy. Nó sợ hãi ngoái cổ lại và ghì chặt lồng ngực để khỏi bị rơi mất mẩu bánh.

Tôi không thể nào quên nỗi cậu bé tóc vàng áy và trong thâm tâm tôi thâm trách má. Má đã tự giải thoát khỏi niềm ân hận của mình với cái giá hai mươi cô-pếch và một mẩu bánh nhân thịt. Tôi có ý thức rất rõ về điều này. Nhưng tôi cũng hiểu rằng tình trạng hết sức bất công kia đòi hỏi một cử chỉ khác chứ không phải bằng một sự bố thí thăm hại nào đó. Chỉ có điều, làm thế nào để chặn đứng được tình trạng bất công ấy, tình trạng bất công mà tôi thấy càng ngày càng nặng nề hơn? Tôi vẫn chưa thấy bất cứ một giải pháp nào.

Bên bàn trà, tôi nghe thấy bà tôi và cậu Nicôla tranh luận với nhau. Họ không nhất trí về tương lai của nhân dân Nga. Cậu tôi cố gắng chứng minh rằng hạnh phúc của nhân dân phụ thuộc vào trình độ học vấn của nó, còn ba thì lại cho rằng niềm hạnh phúc ấy chỉ có thể có được thông qua một cuộc cách mạng. Thế là Povolia nói xen vào. Anh ta tự xưng là người dân tụy. Thậm chí suýt nữa anh ta bị đuổi khỏi Trường Đại học vì đã đọc một bài diễn văn phản loạn tại một cuộc mít-tinh của sinh viên. Lúc ấy, Vólôđia Rômiantxép không thốt một lời nhưng sau đó anh ta rí tai với chúng tôi rằng cả ba tôi, cậu Nicôla và Pavolia, chẳng hiểu gì về vấn đề này cả.

- Thế anh, anh có hiểu gì không? - Chúng tôi đồng thanh hỏi.

- Chẳng hiểu gì cả, - anh ta trả lời với vẻ thoải mái - Mà tớ có cần hiểu gì đâu. Tớ yêu nước Nga, thế thôi!

Vôlôđia là em trai đại úy Rumiantxép, bạn thân nhất của cậu tôi ở Học viện Quân sự Braianxơ.

Anh chàng có hơi nghềnh ngãng. Và lúc nào cũng thấp thoáng vài sợi rơm nhỏ lẫn trong bộ râu hung hung của anh ta vì anh ta ngủ trong nhà kho. Anh ta xem khinh mọi sự thoải mái trong cuộc sống. Anh ta thường vo tròn chiếc áo sinh viên để làm gối. Anh ta bước đi đầu ngón chân hơi xoay vào trong và thường nuốt nhiều từ ngữ khi nói. Bên trong chiếc áo tây anh ta mặc một tấm áo cánh kiểu Nga xanh bạc mầu, bó thân bằng một dây lụa đen có tua. Ngón tay anh ta luôn bị thuốc hiện và thuốc định hình làm cháy xém. Vì Vôlôđia làm ảnh. Đó là một chàng trai có nhiều sáng kiến. Anh ta đã ký một hợp đồng với một nhà in ở Matxcơva, nhà in Sêra và Nabơgônđơ: vào mùa hè anh ta đi khắp nơi, đến các thành phố nhỏ xa xôi để chụp ảnh. Nhà in ấn hành những tấm bưu ảnh theo các âm bản mà họ mua của anh ta, và những tấm bưu ảnh ấy được bán ở các quầy sách báo tại các nhà ga.

Chúng tôi rất mê công việc của Vôlôđia. Anh ta thường mất hút vài ba ngày để rồi sau đó lại xuất

hiện và cho chúng tôi biết rằng anh ta đã đi Êphơrê môvô, Êlét đơ và Lipét xơ.

- Đó quả là một cuộc đời đáng sống, thưa các ngài học sinh trung học ạ! Ngồi trên bờ sông và vò xà phòng cho cái đầu tóc đỏ hung của anh ta, Vô lô đia tuyên bố. - Cách đây ba hôm tôi băng qua sông Ôca, hôm qua là sông Mócơsa, còn hôm nay đến lượt sông Rêvơna.

Anh ta đã tuyên bố cho chúng tôi tình yêu của anh ta đối với nông thôn Nga. Anh ta hiểu biết nó rất sâu sắc: những hội chợ chốn làng quê, những tu viện, những di tích lịch sử, những truyền thống. Anh ta biết Tarokhani, thành phố quê hương của Léc mông tốp, đã đến thăm cơ ngơi của một nhà thơ khác, Aléch đan đơ Phết, gần Kuro xơ và hội chợ bán ngựa ở Lêbê đian, đảo Valaam, bãi chiến trường Kulicôvô.

Ở mỗi một nơi như vậy, anh ta đều chăm chút và dành được tình bạn của vài bà già nhỏ bé vốn là giáo viên tiểu học hay viên chức đã nghỉ hưu. Họ cho anh ở nhờ và mời anh món xúp cải và những chiếc bánh bao nhân cá. Vô lô đia tỏ lòng biết ơn đối với họ bằng cách dạy những con chim bạch yến yêu quý của họ huýt sáo những điệu *pônca* hoặc biểu họ suppephốt phát để bón những chậu phong lữ thảo. Trước sự ngạc nhiên của láng giềng, những bông hoa rất lớn màu đỏ rực bắt đầu nở rộ.

Chẳng bao giờ Vólôđia tham gia các cuộc tranh luận về tương lai, số phận của nước Nga, nhưng bất cứ khi nào người ta bàn tán về giảm-bông Tambốp, về tảo đông lạnh vùng Riadan hay về cá chiên sông Vôga, anh ta lăn ngay vào góp chuyện. Về những vấn đề này, không ai sánh nổi anh ta. Cậu Nicôla khẳng định rằng chỉ có Vólôđia Rumiantxép mới biết rõ thời giá của một đôi dép lê bện bằng vỏ cây phong ở Kinêtrôma hay một pao lông tơ gà mái ở Kaliadin.

Một lần, Vólôđia đi Ôren và khi trở lại đã đem về cho chúng tôi một tin buồn.

Chúng tôi đang chơi bóng chày trước nhà nghỉ của chúng tôi. Tất cả bọn chúng tôi ai cũng mê môn thể thao này. Những trận đấu thường kéo dài cho đến khi đêm xuống. Và đôi khi thậm chí những lúc ấy chúng tôi đem cả đèn ra sân chơi.

Không bao giờ có nhiều tranh chấp như trong những trận đấu ấy, đặc biệt là với Bôria, anh cả tôi. Anh ấy rất khoẻ và đã nhanh chóng trở thành một "giang hồ biển cả". Và thế là, vợ lấy những quả cầu của chúng tôi, anh ấy lẳng đi xa đến nỗi đôi khi chúng tôi không tìm lại được nữa. Chúng tôi cầu tiết và khi Bôria còn đang ngấm, cả bọn nhao nhao lên: "Quyển dữ trong tay, cóc thối trong miệng!". Đó là một câu thần chú đôi khi có ma lực.

Không phải lúc nào Bôria cũng vớ được quả cầu của chúng tôi.

Với Golép cũng vậy, đôi khi cũng có tranh chấp. Khi chơi đấu với Xasa, anh ta thường cố tình đập hụt và giả vờ thua để làm hài lòng cô bé. Nhưng mỗi khi ở cùng đội với Xasa, cậu ta tỏ ra vô cùng linh lợi và ma quái. Bao giờ cậu ta cũng thắng. Tất cả những người nghỉ hè thường tụ tập xung quanh sân chơi. Thậm chí cả hai con chó của cậu Nicôla, Xung kích và Totrétvéctác cũng đến theo dõi diễn biến của trận đấu. Nhưng, thận trọng, chúng thường nấp sau lưng những thân cây, lánh xa đường bay của những quả cầu.

Sáng hôm ấy, khác với lệ thường, sân chơi không nhộn nhịp lắm. Đang chơi, chúng tôi bỗng nghe thấy tiếng bánh xe. Một chiếc xe dừng trước nhà nghỉ của cậu Nicôla. Ai đó kêu lên: "Kìa, Vólôđia đã về!". Nhưng chẳng ai để ý vì chúng tôi đã quá quen với cái cảnh đi đi về về của anh ta.

Một lát sau, nhà du hành xuất hiện. Anh ta tiến về phía chúng tôi, vẫn còn khoác chiếc áo choàng và đi đôi giày ủng đầy bụi. Anh ta cầm trong tay một tờ báo, mặt mũi nhăn nhó cứ như sắp khóc đến nơi.

- Chuyện gì vậy? - cậu Nicôla hỏi, giọng lo lắng.

- Sêkhốp chết rồi.

Vôlôdia quay gót và đi về phía ngôi nhà.

Chúng tôi đuổi theo. Cậu Nicôla giật tờ báo khỏi tay anh ta, đọc lướt qua, quẳng xuống mặt bàn, chạy về phía phòng riêng và đóng sầm cửa lại. Mẹ Maruxia lo lắng đi theo. Pavolia bỏ cặp kính kẹp mũi ra và lấy khăn mùi xoa lau mặt hồi lâu.

- Côxtích, - má tôi nói, - con chịu khó chạy ra sông và bảo ba về ngay. Dẫu sao, vào những lúc như thế này, ông ấy cũng có thể buông cần câu trong chốc lát.

Má nói cứ như ba đã được tin Sêkhốp qua đời rồi nhưng vì vô tâm vô tính, ba không thêm để ý tới sự kiện ấy.

Tôi méch lòng thay cho ba nhưng tôi vẫn đi tìm ba về. Golép cùng đi với tôi. Bỗng nhiên cậu ấy trở nên rất nghiêm túc.

- Thế nào, mày thấy chưa, Côxtích...- trên đường đi anh chàng thở dài nói với tôi.

Tôi cho ba biết tin Sêkhốp qua đời. Nghe tin, khuôn mặt ba bỗng hằn sâu những nếp nhăn, còn lưng ba thì hơi còng xuống.

- Sao cơ... Sao lại có thể thế được? - ba lầm bầm với vẻ lúng túng. - Không bao giờ ba nghĩ Sêkhốp có thể chết trước ba...

Trên đường về, chúng tôi đi qua sân bóng chày. Những quả cầu và những cái vồ bị lẳng ra đó vẫn

còn ngổn ngang trên sân bãi. Chim chóc vẫn vô tình líu lo. Ánh nắng dội qua lá cành quét lên thắm cỏ những vệt sóng xanh lung linh.

Tôi đã từng được đọc Sêkhốp và tôi rất thích tác phẩm của nhà văn. Vừa đi tôi vừa tự nhủ rằng một con người như Sêkhốp có lẽ không bao giờ được chết.

Hai ngày sau, Vôlôdia Rumiantxép lên đường đi Mátxcova. Anh ta sẽ đến dự tang lễ Sêkhốp. Chúng tôi tiễn chân anh ta đến tận ga Xinêdécki. Anh ta đem theo trong một chiếc lẵng một bó hoa lớn để đặt lên phần mộ của nhà văn. Đó chỉ là những bông hoa đồng nội đơn sơ chúng tôi đã hái trên thảo nguyên và trong cánh rừng. Má tôi đã chăm chút cắm những bông hoa, chèn vào giữa những cọng hoa những mẩu râu xanh âm ỉm và tất cả được phủ bằng một tấm lụa ướt. Chúng tôi đã dụng tâm hái lượm được càng nhiều hoa dại càng tốt vì chúng tôi vững tin rằng bản thân nhà văn cũng rất yêu quý những loài hoa ấy. Rất nhiều cảm chương thi nhân, những bông xạ cúc li ti, những bông cúc đại đoá thảo nguyên và cả những bông hoàng tinh. Mợ Maruxia nhất quyết phải cài thêm vào bó hoa vài ba bông nhài hái trong vườn.

Mãi tận chiều tối tàu đi Mátxcova mới khởi hành. Chúng tôi đi bộ trở về và khi đến được sông

Rêvơni thì trời đã hửng sáng. Trăng luõi liêm vẫn còn vàng vạc trên bầu trời phía trên cánh rừng và ánh sáng trăng diu diu phản chiếu trong các vũng nước mưa. Vừa có một cơn mưa. Thoang thoang mùi cỏ ướt. Một cánh chim cu muộn màng vẫn lú lo trong vườn. Rồi mặt trăng lặn xuống, những vì sao bật sáng lên, nhưng chẳng bao lâu sau tất cả đã bị sương mờ buổi sáng bao phủ. Màn sương còn sột soạt hồi lâu trong những khóm cây, rồi ngưng tụ thành từng giọt và tí tách rỏ xuống cho đến khi mặt trời lạng lẽ hiện lên và sương ảm mặt đất.

TẤT NHIÊN TÔI CHỈ LÀ MỘT NHÓC CON

Viên tổng thanh tra Bôđianxki thoãn thoắt bước chân tiến vào phòng học của chúng tôi, cặp mắt ánh lên rất ranh mãnh. Ông ta mặc một chiếc áo rơđanhgốt mới. Chúng tôi bật đứng dậy.

- Nhân dịp ban bố bản tuyên ngôn tối cao dành cho nhân dân nước ta quyền tự do công dân - ông ta nói - các em được nghỉ học ba ngày. Chúc mừng ngày hội! Các em hãy thu dọn sách vở và ra về. Nhưng tôi thiết tha khuyên các em đừng làm vương chân vương cẳng người lớn trong những ngày hội.

Chúng tôi lao nhanh xuống cầu thang.

Năm ấy, mùa thu quả là khác thường. Đã là tháng mười nhưng nắng vẫn còn gay gắt. Những khu vườn rạng lên với tất cả vẻ huy hoàng của chúng và chỉ thỉnh thoảng mới để rơi xuống mặt đường vài chiếc lá vàng rục khô cong. Chúng tôi vẫn con mang những bộ đồng phục mùa hè. Chúng

tôi tản ra trên phố và trông thấy cả một rừng người mang cờ đỏ chen chúc nhau dọc theo bờ tường của ngôi nhà chính của Trường Đại học Tổng hợp. Dưới chân hàng cột cao vút ở mặt tiền, ai đó đang diễn thuyết. Người ta tung hô những tiếng *hura* cuồng nhiệt. Những chiếc mũ bay lên từ làn sóng người.

Cheo leo trên hàng song sắt của quảng trường Nicôla Đệ nhất, chúng tôi cũng đua nhau gào lên những tiếng *hura* và tung những chiếc mũ cát két lên trời. Khi rơi xuống, những chiếc mũ móc vào những cành cây hạt dẻ. Chúng tôi xô tới rung mạnh thân cây và những chiếc lá xào xạc trút lên đầu chúng tôi như một cơn mưa. Chúng tôi ôm bụng cười sặc sụa, cười ra nước mắt. Những chiếc nơ màu đỏ dính trên ve áo capô của chúng tôi. Một bức tượng Nicôla Đệ nhất bằng đồng đen, một bàn chân bước lên phía trước, hiên ngang đứng trên bệ ở trung tâm quảng trường và theo dõi tất cả những lộn xộn huyên náo kia với một vẻ rất kiêu ngạo.

Bỗng nhiên đám đông im bật, những ngọn cờ gục xuống và chúng tôi nghe thấy một lời ca trang nghiêm:

*Chúng tôi đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh
một mất một còn...¹*

1. Bài ca các liệt sỹ cách mạng.

Tất cả quỳ xuống như để niệm kinh cầu siêu. Cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng ngả mũ và ngân nga bài ca chiêu hồn liệt sỹ, mặc dù phần lớn lời ca chúng tôi không thuộc. Sau đó, cả đoàn người đứng dậy và bắt đầu cuộc diễu hành dọc theo hàng chắn song sắt của quảng trường. Tôi thoáng trông thấy Bôria, anh cả tôi, trong đám đông cùng với anh sinh viên Máccôvích trọ học ở nhà chúng tôi.

- Về nhà ngay! - Bôria ra lệnh - Anh cấm em không được ra phố một mình!

- Em muốn đi cùng với anh, - tôi rụt rè van xin.

- Mày sẽ bị xéo nát. Về nhà. Ngày mai mày sẽ thấy tất cả.

Tôi rất muốn được cùng diễu hành với dòng người nghiêm trang và hạnh phúc kia. Nhưng Bôria đã mất hút.

Đâu đó, ở rất xa trước mặt, một dàn nhạc vang lên và tôi nhận ra những làn điệu hùng tráng, bay bổng, của Mácxâyê:

Tiến lên, hỡi những đứa con của tổ quốc...

Tôi nhảy qua bờ rào và hòa mình ngay vào đám đông. Một cô gái trùm một chiếc khăn axtrakhan, hẳn là một sinh viên, đưa tay cho tôi và, tay trong tay, chúng tôi đưa nhau đi. Trước mặt, tôi chẳng thấy gì, chỉ rập những tấm lưng. Trên những mái nhà, nhấp nhô những người là người, vẫy mũ chào chúng tôi.

Khi chúng tôi đi qua trước Nhà Hát Nhạc Kịch, tôi nghe thấy rậm rịch những bước chân ngựa. Tôi trèo lên một cây cột mốc và trông thấy một đoàn kỵ hiến binh. Họ bắt những con ngựa đi giạt lùi để nhường lối cho đoàn người. Viên sỹ quan, một người to lớn bụng phệ, cũng cho ngựa giạt lùi. Đặt tay lên vành mũ, ông ta mỉm một nụ cười kẻ cả.

Tụt khỏi cây cột mốc, tôi lại chẳng thấy gì nữa. Biển hiệu của những cửa hàng giúp chúng tôi làm điểm tựa. Đến trước Nhà hát Bérgôgoniê, tôi biết rằng chúng tôi đang trên phố Phunducolép, trước cửa hàng bánh ngọt Kiéctrôhem, và chúng tôi đang tiến vào đại lộ Crêsáttrích và đã đi qua hiệu sách Idcốpxki và đang vượt qua đường Luythe.

- Chúng ta đang đi đâu vậy? Tôi hỏi cô gái trùm khăn Axtrakhan.

- Đến Tòa Thị Chính. Ở đó sẽ có một cuộc mít tinh. Bây giờ chúng ta tự do như một bầy chim. Cậu hiểu không?

- Tôi hiểu, - tôi trả lời.

- Nhà cậu ở đâu? bỗng nhiên cô gái hỏi.

- Đường Nicônxcô - Bách thảo.

- Cha mẹ có biết cậu tham gia biểu tình không?

- Bây giờ ai là người không tham gia biểu tình?

- Tôi trả lời, tìm cách lẩn tránh câu hỏi của cô gái.

Chúng tôi đi qua trước cửa hàng Balabukha bán mít và trái cây rồi đến đường Nicôlaépki.

Sau đó, đoàn người dừng lại. Không tài nào tiến thêm được nữa. Quảng trường Tòa Thị Chính đã đầy ắp những người là người. Chân dung Thánh Misen mạ vàng, biểu tượng của Kiép, lấp lánh trên nóc Thị Sảnh. Chúng tôi trông thấy dãy ban công lớn ở mặt tiền. Trên ban công tôi thấy một số người để đầu trần. Một người trong bọn họ bắt đầu diễn thuyết, nhưng chúng tôi chẳng nghe thấy gì cả. Tôi trông rõ mái tóc xám của ông ta phát phơ trong gió.

Ai đó chộp lấy vai tôi. Tôi xoay người lại. Đó là Xubôtrơ, thầy dạy tiếng Latinh của chúng tôi.

- Kia, Pauxtốpxki Conxtantin, về nhà ngay đi em!

- Xin thầy đừng ngại, - cô gái nói để thầy giáo yên tâm - cậu ấy cùng đi với em.

- Thế sao? Cô thứ lỗi cho, tôi không biết -thầy giáo nhả nhận trả lời cô gái.

Đoàn người bỗng lùi lại vài bước và tách chúng tôi khỏi thầy giáo Xubôtrơ. Chị sinh viên nắm lấy tay tôi và chúng tôi lách người rẽ một lối đi về phía vỉa hè.

- Hỡi các công dân, hãy bình tĩnh! Một giọng nói khàn khàn kêu lên ngay cạnh chúng tôi.

Đám đông bỗng im bật. Vẫn không buông tay tôi, cô gái đã đến được vỉa hè và cứ thế lôi tôi xềnh xệch về phía một ngôi nhà quét vôi màu vàng có

cái công ra vào hình vòm. Tôi nhận ra đó là Bưu điện trung ương.

Tôi không hiểu tại sao cô ấy nắm tay tôi chặt đến thế và kéo tôi mạnh như vậy vào trong cái công tò vò. Tôi vẫn chẳng thấy gì ngoài những tấm lưng và những con chim bồ câu: chúng sải cánh bay trên làn sóng người, chấp chới trong ánh sáng mặt trời như những mảnh giấy bị gió cuốn đi. Xa xa lạnh lạnh một hồi kèn: ti -ti -ta -ta! Ti -ti -ta -ta! Rồi tất cả lại trở nên yên ắng.

- Hỡi các đồng chí binh sỹ! -giọng nói khàn khàn lúc này lại cất lên giọng nói khàn lúc này lại cất lên lời kêu gọi.

Và lập tức một tiếng đổ vỡ âm vang, khô và ròn dội lên ở đâu đó và bất thần vôi vữa trút xuống đầu chúng tôi như mưa.

Những cánh chim bồ câu vỡ loạn xạ và bay tan tác về tứ phía. Bầu trời bỗng nhiên trở nên quang đãng. Lại có một tiếng âm vang khô ròn và cả đám đông ùa về phía những ngôi nhà.

Cô gái kéo tôi vào tận trong sân và hình ảnh cuối cùng mà tôi trông thấy trên đại lộ Crésatrich là bóng dáng một sinh viên nhỏ nhắn mặc một tấm áo capót không cài cúc. Anh ta nhảy lên bệ cửa kính của nhà hàng Balabukha và vung lên một khẩu súng lục braoning đen nhánh.

- Chuyện gì thế ? - Tôi hỏi cô gái.
- Bắn nhau! Tụi lính đã nã súng.
- Để làm gì? Tại sao?

Cô gái không trả lời. Cả hai đứa chúng tôi chạy vòng vèo luôn lạch qua chằng chịt những mảnh sân hẹp. Sau lưng chúng tôi dội lên những tiếng kêu la, những phát súng, tiếng bước chân thành thịch của một bầy người nhao nhác chạy trốn. Trời đất bỗng tối sầm lại và mờ mịt trong một làn khói vàng khè. Tôi lạch bạch lao đi một cách khá vất vả vì chiếc cặp sách đè nặng trên lưng. Sách vở bút mực trong cặp long lên sòng sọc.

Qua hết mảnh sân này đến mảnh sân khác, cuối cùng chúng tôi đến được đường Prôredonaia và Cánh Cổng Vàng. Hai chiếc xe cứu thương màu vàng nghệ bất thần ầm ầm lặn bánh vụt qua ngay sát nách chúng tôi. Những con người mặt mày tái mét hốt hải thi nhau vượt lên trước. Dưới kia, chẳng biết từ đâu, một biên đội quân cảnh Cốtắc, do một sỹ quan gươm vung trên đầu, bất thần xông ra đường Proredonaia. Trước mặt, trên đường đội quân đang tiến, ai đó rít lên một hồi còi, nhưng học không dừng lại.

- Lạy Chúa, thật là vô sỉ! - Cô nữ sinh kêu lên. -
Chạm bẫy đến thế là cùng! Một tay ban phát tự do còn tay kia thì nhả đạn!

Chúng tôi phải đổi hướng đi vòng thúng lượn qua nhà thờ Thánh Voladimia và đến ngay trước quảng trường Nicôla Đệ Nhất, đúng cái nơi cách đó không lâu, vất vẻo trên dãy rào chắn, tôi đã khản cổ gào lên những tiếng *hura*, tay vẩy loạn xạ cái mũ cát kết.

- Cảm ơn chị, - tôi nói với cô gái. - Gần nhà rồi. Em có thể về một mình.

Cô gái đi rồi, tôi tựa vào hàng rào chắn của quảng trường và giật bỏ chiếc mũ: nó xiết chặt vầng trán và khiến tôi rất đau đầu. Một ông già đội một chiếc mũ quả dưa dừng lại bên cạnh và hỏi tôi có chuyện gì không. Tôi đứng ngây người không nói năng gì được. Ông lão lắc đầu rồi bỏ đi.

Tôi đội mũ vào và tiếp tục đi dọc theo đường Nicônxcô - Bách Thảo để về nhà. Đã sẩm tối. Những tia nắng cuối cùng đỏ sẫm lấp lánh trên các cửa sổ. Theo thường lệ, vào giờ này những cây đèn đường đã bật sáng. Nhưng chiều tối hôm ấy, không hiểu tại sao chẳng ai chịu châm đèn lên.

Đến góc phố gần nhà, tôi trông thấy má. Bước chân gập gáp, má tiến về phía tôi. Má ôm chầm lấy tôi và bất thần kêu lên:

- Bôria đâu? Con không gặp anh Bôria sao?

- Đằng kia - tôi trả lời, tay chỉ về phía đại lộ Crésáttrích.

- Về nhà ngay! - Má quát tôi.

Và má bắt đầu chạy ngược lên phố. Trong khoảng khắc tôi đứng ngây tại chỗ, mắt nhìn theo má, rồi thất thểu lê bước về nhà. Đường phố của chúng tôi vẫn vắng vẻ như thường lệ. Sau các khung cửa sổ lấp lánh ánh đèn. Tôi thoáng thấy cây đèn có cái chao xanh trên bàn làm việc của ba tôi. Đến gần lối ra vào, tôi bắt gặp Lida, chị sen của chúng tôi, đang đứng đợi trước một bên cánh cổng để ngỏ. Chị đỡ lấy cái cặp sách, lấy mùi xoa lau mặt cho tôi và mắng:

- Đồ lêu lổng. Đến phát điên phát rồ lên vì em!
Về nhà rửa chân tay mặt mũi ngay.

Ở nhà chỉ còn lại Galia và Đima. Galia vẻ nóng ruột đi đi lại lại trong các căn phòng, chốc chốc lại xô vào đồ đạc bàn ghế, miệng lảm bảm:

- Đi đâu cả rồi mới được chứ? Mọi người đâu cả rồi?

Còn Đima thì vất vẻo trên bệ cửa sổ và căng tai nghe ngóng. Anh ấy đã không kịp nhập vào đám biểu tình. Có lẽ anh ấy cũng muốn nghe thấy những loạt súng nổ. Và ngồi trên bệ cửa sổ, lúc này có lẽ anh ấy vẫn hy vọng nghe thấy tiếng vọng.

Sau khi rửa mặt mũi tay chân, tôi đã hơi hoàn hồn. Lida đem đến cho tôi một cốc sữa nóng. Nhưng tôi vẫn chưa kìm nổi sự thốn thức.

- Mà y có trông thấy người chết không? - Đima hỏi.

- M - m - m, - tôi ấp úng. Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Thôi đi, để thằng bé yên! - Galia quát, vẻ khó chịu - Trông nó tội nghiệp như vậy chưa đủ sao?

Một lát sau, má cùng về với Bôria. Anh ấy người đầy bụi, đầu trần, không còn chiếc mũ cát két nữa. Một nụ cười bí hiểm phảng phất trên môi cứ như anh ta vừa nhận được một cú bất ngờ. Rồi đến lượt anh sinh viên Máccôvích cũng trở về. Anh ta nói anh ta đã trông thấy khá nhiều người chết và bị thương.

Má hạ những bức rèm xuống và bảo Lida không được mở cửa cho bất cứ người nào nếu không biết chắc đó là ai. Sau đó má bắt tôi đi ngủ. Trước khi vào giường, tôi cuộn rèm lên và đưa mắt nhìn ra ngoài phố. Những ngọn đèn đường vẫn chưa được bật lên. Một làn ánh sáng mờ mờ, xam xám và rất khác thường trải nhẹ trên các mái nhà. Một bầu không khí im lặng cũng rất khác thường lớn vờn khắp nơi cứ như thành phố vừa mới trải qua bàn tay tàn phá của tử thần. Một ky sī phi nước đại lướt qua đầu đó trên một đường phố rất gần, rồi tắt cả lại trở lại im ắng.

Tôi hạ rèm, trút bỏ quần áo ngoài, nằm xuống giường, mắt nhìn chằm chằm những bức tường đây. Tôi thậm nhủ rằng ngôi nhà tầng này chẳng

khác gì một lô cốt, không loại đạn nào có thể xuyên thủng được. Một ngọn lửa nhỏ sáng xanh nõ lếp bấp trong chiếc đèn chong đêm. Tôi chìm dần vào giấc ngủ và trong lúc mơ màng, tôi nghe thấy lạnh lạnh tiếng chuông rung, tiếng bước chân gập gáp và giọng nói của ba tôi. Ba đi đi lại lại trong phòng ăn và tranh luận hồi lâu với ai đó.

Sáng hôm sau, má cấm tôi không được ra khỏi nhà. Bực mình, tôi quyết định không đi đâu cả. Chiếc áo capốt khoác trên vai, tôi ngồi vào chiếc ghế bành trên bancông định học thuộc lòng một bài thơ của Nêcraxốp đã học trên lớp. Nhưng một ngày dài đã trôi qua và tôi chỉ thuộc được vền vền hai câu:

Cuối thu, lũ quạ bay rồi,

Rừng cây trút lá, dưới trời đông không.

Xung quanh mọi vật thi nhau kéo tôi khỏi trang giấy. Trước hết, những người lính cứu hỏa vụt qua. Rồi, từ cái chòi ở cuối vườn xuất hiện đại úy Dôdôrôgiônui, một phần tử cực đoan, một con người thô lỗ. Anh ta bó chặt chiếc áo capốt màu xám bằng một chiếc dây lưng to bản và trên hông, ngoài thanh kiếm, anh ta còn mang một khẩu súng ngắn. Theo sau anh ta là bà vợ, gầy như một tấm ván là quần áo, đầu tóc rối tung, dưới mắt là những quầng xanh. Một chiếc kimônô Nhật có

thêu những con công trên nền vải đen, thùng thình lượn sóng trên người.

Dôđôrôgionui vừa tham chiến ở Nhật trở về đem theo hai chiếc hòm khổng lồ chạt ních những cuộn vải tuýt-xô, những chiếc áo kimônô và những chiếc quạt. Thậm chí anh ta có cả một trong những thanh kiếm tâu mũi kiếm vạt chéo. “Người anh hùng Múcđen!” Ba tôi mỉa mai gọi anh ta bằng cái biệt danh ấy.

- Gioócgiơ, - Bà Dôđôrôgionui òng ẹo rít lên, - đừng quên rằng em đã khắc khoải héo mòn vì anh.

- Cần gì phải thế, cô bạn! - Viên đại úy trả lời bằng một giọng đùa cợt và hôn tay vợ - Chúng ta sẽ giáng cho cái tụi quân hồi vô phèng kia một đòn chí tử ngay bây giờ đây mà!

Nói rồi hắn bỏ đi không thèm ngoái lại.

Cuộc chiến tranh Nhật Bản chỉ vừa mới chấm dứt: trẻ già ai cũng đau khổ và bất bình.

Chúng tôi nghe người lớn bàn tán về sự bất tài của bộ chỉ huy tối cao, về viên tướng “đồ mì dẹt” Kurôpátkin, về sự phản bội của Xtexen về sự đầu hàng của Pôt-Actuya và về sự bất lương của các sĩ quan hậu cần, những kẻ đã hứa nhau biển thủ vơ vét công quỹ Nước Nga chuyên chế vốn đã bị rách bươm như một mảnh vải bạt mục nát.

Nhưng chúng tôi cũng nghe họ ca ngợi lòng

dũng cảm của binh sỹ Nga, của sức chịu đựng vô biên của họ. Chúng tôi nghe họ nhắc đi nhắc lại rằng tình trạng như bây giờ không thể kéo dài hơn nữa, rằng sự kiên trì dai dẳng của nhân dân giờ đây đã như bát nước dầy.

Thất bại ê chề nhất của chúng ta là sự sụp đổ tan tành của hạm đội Nga gần Toxusima. Một hôm, Bôria cho chúng tôi xem một mẫu giấy nguệch ngoạc vài dòng mực tím đã bạc màu, chữ nghĩa rất khó đọc.

- Truyền đơn à? Tôi hỏi.

Nhiều lần ở trường, tôi đã được đọc những truyền đơn như vậy trên các bức tường.

- Truyền đơn đâu mà truyền đơn, - Bôria trả lời, - Thơ đấy. Vất vả lắm tôi mới lần ra mấy câu đầu bài thơ:

Thế là hết, hết thật rồi, hỡi những người anh hùng Toxusima!

Các bạn sẽ là những kẻ tử vì đạo cuối cùng gục ngã...

Và kia rồi, ngay trước cửa, trong tầm tay với,

Ôi, Tổ quốc thân yêu, tự do cho Người!

Tự do! Tôi vẫn chưa rõ lắm ngôn từ kia có nghĩa gì. Tự do, đối với tôi, đó là bức tranh cổ động treo trên tường trong phòng làm việc của ba tôi. Một phụ nữ mặt mày rạng rỡ và bùng bùng nhiệt

huyết, bộ ngực cứng và để trần, đứng trên một chiến lũy. Một bên tay, nòng giương cao một ngọn cờ đỏ, còn tay kia đang châm một cái mồi lửa cháy bùng bùng vào miệng một cỗ đại bác. Đó là Tự do.

Đằng sau nhân vật kia, hết lớp này đến lớp kia, dồn dập ủa tới những làn sóng người: những người đàn ông mặc áo blouse xanh, tay cầm súng, những người đàn bà kiệt sức nhưng mặt mày vẫn rạng rỡ, những thiếu niên và thậm chí cả một nhà thơ đội mũ chóp cao. Tất cả những con người kia đang hào hùng ca vang một khúc ca nào đó, hẳn là bài Mácxayê.

Hãy cầm súng, hỡi các công dân!...

Ngày vinh quang đã đến!

Tiếng trống rung, tiếng vang vang hùng tráng của đội kèn đồng. Tự do đang tiến lên toàn thắng khắp nơi trên toàn đất nước, và những tiếng reo vang chào đón Tự do của nhân dân.

Ngay sau lưng nòng, một người đàn ông trông giống như anh sinh viên Máccôvích, đang bước những bước dài. Anh ta có khuôn mặt rám nắng, mắt sáng và cầm trong tay một khẩu súng ngắn.

Một hôm, qua khung cửa sổ mở ra ban-công, tôi liếc nhìn vào căn phòng của Môngtênêgrin. Anh ta đang lau một khẩu braoninh đen nhánh, miệng ngân nga một làn điệu gì đó. Những viên đạn nhỏ

bằng đồng đặt trên một quyển sách thuốc.

Thoáng trông thấy tôi, Máccôvích vội vàng giấu vũ khí dưới một tờ nhật báo.

*

* *

Một ngày sau cuộc biểu tình, Lida hạ những tấm ảnh thánh mẫu xuống và đặt lên bệ những cửa sổ mặt tiền nhìn ra đường phố. Lão gác cổng Igonátly vạch một chữ thập lớn bằng phấn trên cánh cổng của sân nhà. Sau đó, lão khóa cả cổng lớn và cổng nhỏ lại, cứ như ở một đồn lũy nào đó.

Má đã giảng giải cho chúng tôi rằng một cuộc săn lùng, bài xích người Do thái đã bắt đầu trong thành phố. “Theo lệnh của Pêtécbua”, má nói thêm. Và Lida thì thắm to nhỏ với chúng tôi rằng người ta đang lùng sục cướp phá và bắt bớ khắp nơi trên đường phố Vaxicốpxki và cuộc bài xích săn lùng kia chẳng bao lâu nữa sẽ đến lượt khu phố chúng tôi.

Máccôvích bỏ đi lên phố kéo theo cả Bôria. Lơ Môngtêrêgrin đi ủng và thiết chặt chiếc dây lưng bó lấy tấm áo vét sinh viên của anh ta. Má không muốn để Bôria đi, nhưng ba lên tiếng đồng tình. Vì vậy má đã chúc phúc cho con trai má, ôm hôn anh ấy và để anh ấy ra đi. Trong khi anh ấy xuống cầu thang, má đã van xin anh sinh viên chú ý đến Bôria.

- Các anh ấy đi đâu vậy? – tôi rụt rè hỏi ba.

- Đến đơn vị chiến đấu của sinh viên. Để bảo vệ người Do thái.

Và chẳng bao lâu sau, ba cũng ra đi. Đima và tôi suốt ngày đi đi lại lại thơ thẩn trong sân. Giữa trưa, xa xa vang lên những phát súng. Tiếp đó súng nổ mỗi lúc một dồn dập hơn. Trên đường Vaxicốpxki bỗng bùng lên một đám cháy. Những mảnh giấy cháy đen bay đến tận chỗ chúng tôi và rơi xuống sân.

Buổi chiều, ba tôi trở lại nhà đem theo một bà già Do thái nhỏ bé, hồn siêu phách lạc. Chiếc khăn trùm đầu đã tuột khỏi mái tóc bạc của bà già tội nghiệp. Một cậu bé cầm như hén dất tay bà cụ. Đó là mẹ của một bác sỹ, bạn của gia đình chúng tôi.

Má tôi cho gọi Igonátly rồi vào bếp gặp ông ta, nói chuyện rồi dúi cho ông ta mười rúp. Nhưng người gác cổng trả lại tiền và nói với má:

- Thưa bà, tôi cũng vậy, tôi cũng giấu người Do thái trong nhà. Mãngđen, người thợ may và cả gia đình ông ta. Nhưng chúng ta phải hết sức cảnh giác đừng để cái con bệnh dịch hạch Dôđôrôgionưi kia nghi hoặc điều gì.

Khoảng chiều tối, một chàng trai dáng dấp nhỏ bé, đội một chiếc mũ cát két đen, đi đến gần cánh

cổng. Cái mũ để tuột ra một lọn tóc nhớp nháp mồ hôi. Những cái vỏ hạt hướng dương còn dính trên cằm chàng trai.

Tiếp đó là một ông già không để râu, đội một chiếc mũ rơm, mặc một chiếc quần ngắn cũn cỡn. Lão thận trọng sỏi bước. Rồi đến một gã trông rất nhộn, đầu trần, cặp mắt sưng phù, một mù già ộ ộ quán một chiếc khăn choàng len và sau hết là một vài tên đánh xoáy trông như tướng cướp. Chúng tôi đã nhận mặt mù già kia: đó là một người buôn đồ cũ ngoài chợ Galixi. Lúc này, mù đang mang một chiếc túi vải to tướng, mới toanh nhưng rỗng tuếch.

- Mở cửa! - chàng trai đội mũ cát kết gào lên và vung một thanh gươm sắt to tướng giáng cho cánh cổng một phát nên thân.

Ignatty ra khỏi nhà.

- Bọn Do thái có đây không? - Gã kia xẵng giọng hỏi.

- Cùng một giuộc như mày cả thôi, - người gác cổng uể oải trả lời.

- À! Lão chúa chấp người Do thái! - Tên kia rống lên và hai tay điên cuồng rung mạnh cánh cổng. - Được rồi. Bọn mày bị chỉ điểm. Mở cổng mau!

- Chờ một lát, ta sẽ mời ngài đại tá Dôđôrôgionui đến ngay bây giờ - Ignatty dọa, - ông ấy sẽ có cách xoay sở với cậu.

- Bọn này cóc cần ngài đại tá Giêruydalem của lão! Bọn này sẽ cho lão đại tá ấy ra bã!

Nghe hết câu chuyện đôi co đằng sau cánh cổng nhà mình, không sót một lời, bà vợ Dôđôrôgionưi không thể chịu đựng được nữa. Mụ ta lao ra sân như một mẹ gà trong cơn tam bành. Hai cánh tay áo của chiếc kimônô đen bay lên và vỗ phành phạch như những cánh chim.

- Quán mất dạy! Mụ ta gào lên và nhổ một bãi nước bọt qua bờ rào song sắt vào giữa mặt gã thanh niên. - Sao mày dám hỗn xược với một sỹ quan hoàng gia? Tên côn đồ kia! Vaxili đâu rồi - mụ ta nheo nhéo, - Ra mau, đồ vô tích sự!

Từ trong chái nhà, viên sỹ quan tùy tùng bất thần xuất hiện, vẻ hốt hải. Anh ta vớ vội một lưới riu vẫn chổng chơ bên cạnh cái kho và lao về phía cổng. Bên ngoài hàng rào, chàng trai đội mũ cát kết nhảy lùi một bước rồi vất chân lên cổ tẩu thoát, chốc chốc lại ngoái cổ hoảng hồn nhìn viên sỹ quan. Đồng bọn của hắn cả lũ ù té chạy theo, trong khi Vaxili, sát khí đằng đằng, vẫn không ngừng vung lưới riu về phía tên cầm đầu.

- Sao, ông đã thấy chưa? - Mụ vợ viên đại úy te tái xốc lại chiếc áo kimônô và vùng vằng đi vào. - Đã cơ hội lên mặt là công dân tốt của nước Nga lại còn tự phụ là ái quốc mới gồm chứ! Thế mà mọi

người vẫn tin là thật mới khổ chứ! Nhưng làm sao có thể qua mặt được gái này!

Thế là mụ vợ của một tên cực đoan đã xua được một toán cướp khỏi ngôi nhà của chúng tôi. Người ta bàn tán xôn xao về chuyện này suốt cả tuần. Đến trước ngôi nhà hàng xóm của chúng tôi, chàng trai đội mũ cát kết dừng lại và vẫn đập thình thình lên cánh cổng. Bất thần, Đima kéo tôi vào nhà kho: một cái súng cao su đã lâu không dùng vẫn treo trên tường. Chúng tôi đã cho nó cái biệt danh “bộ phóng tên lửa”

Đó là một giải băng cao su dày, hai đầu được đóng đinh vào khung của một cửa trở kính đã vỡ trên gác xép. Chúng tôi đã được thừa kế cái vũ khí ấy của một chàng trai ở trong ngôi nhà này trước chúng tôi.

Ngay sau đó tôi nhặt được trong xó nhà một mẩu gạch màu vàng rất cứng. Đima đặt mẩu gạch vào giải băng đàn hồi và giữ nó rất chặt. Cả hai anh em, chúng tôi ra sức kéo căng cái “bộ phóng” và nhằm vào tên cầm đầu băng cướp, chúng tôi phóng “quả tên lửa”.

Mẩu gạch rít lên trong không trung, vút qua sân nhà của chúng tôi cuốn theo những chiếc lá bị bứt khỏi rặng cây. Xoạt! Quả đạn quật xuống mặt đường ngay bên gót chân của một ông già đang đi

đọc theo vỉa hè và võ tung. Chúng tôi đã bắn trượt mục tiêu.

Giật mình, ông già bất giác gặp người xuống rồi bật lên ngay và hoảng hồn cầm đầu chạy. Đằng sau ông già, tên cầm đầu toán cướp cũng vất chân lên cổ chạy thục mạng, tiếng gót giày của hắn gõ vang đường phố.

- Nhanh, mẩu gạch nữa! Đima giục tôi, -

Nhưng đã quá muộn: tên côn đồ đã biến mất sau ngôi nhà góc phố.

- Mà không biết bắn, - Đima quở tôi - Mà bắn xuyên bắn xọ rồi, nên chúng ta mới trượt mục tiêu.

Bất cứ trường hợp nào, Đima vẫn thích đổ lỗi cho người khác mà lại còn hay nói dai nói dài mới khổ chứ.

Mặc dù bắn trượt, chúng tôi vẫn không kém phần tự hào về cái “bệ phóng tên lửa” của chúng tôi.

Chiều tối, Lida đem cháo kê trắng đến phòng của người gác cổng cho gia đình Măngđen. Tôi bám theo chị ấy.

Cửa sổ của căn phòng được buông rèm cẩn thận. Igonatty ngồi trên một chiếc ghế đẩu. Ông lão nhẹ nhẹ kéo đàn Áccoóđêông và ngân nga một điệu vanxơ: *Trên những ngọn đồi Mansuri*. Một kỷ niệm về cuộc chiến tranh Nhật Bản:

Một đêm đầy nổi hãi hùng,

Trên đồi ngọn gió ngập ngừng rồi đi...

Cả gia đình người thợ may đã ngủ thiếp riêng
Mãng đên vẫn lom khom cạnh một ngọn đèn chong
dùng dầu hỏa dựng một chiếc áo vét tông bằng
những sợi chỉ trắng.

- Người ta rượt theo để giết bạn, - ông ta nói, -
còn bạn thì vẫn không có quyền ngừng khâu vá.
Nếu không, lấy gì mà sống?

Lida, lưng xoay về phía cửa, bàn tay đỡ một
bên má, chăm chú lắng nghe Igonátty ngân nga:

Mảnh trăng đơn chiếc tầng cao

Sáng soi năm mộ anh hào trận vong...

NGỌN ĐÈN LỎNG NHỎ BÉ

Tôi chằm lên cây đèn nhỏ có lồng kính màu đỏ. Bên trong leo lắt một ngọn đèn chong dùng dầu hoả.

Ngọn đèn mờ hồ soi sáng cái kho chật hẹp và khoác lên những thứ đồ cũ chất đống trên những chiếc giá bụi bặm một thứ ánh sáng ma quái như muốn báo điềm gở.

Và tôi bắt đầu tráng những cuộn phim ba tôi giao cho.

Ba tôi có một chiếc Côđắc nhỏ. Ba rất mê chụp ảnh, nhưng chụp xong, những cuộn phim lay lắt hàng tháng trời trong những chiếc ngăn kéo trong văn phòng của ba. Trước những lễ hội lớn, trong nhà chúng tôi thường có tổng vệ sinh. Má tôi thu thập tất cả những cuộn phim lăn lóc khắp nơi, giao cho tôi và thế là tôi phải chịu trách nhiệm tráng rửa những cuộn phim ấy.

Đối với tôi, đó là một trong những niềm đam mê nhất vì quả thật không thể đoán trước được

những gì sẽ hiện lên từ các cuộn phim. Hơn nữa, trong lúc tôi đang mê mải với công việc này, không một ai, kể cả má, được phép vào kho. Điều đó đem lại thêm cho tôi một nguồn hứng thú. Tôi được tách khỏi thế giới bên ngoài. Những âm thanh quen thuộc, tiếng bát đĩa va vào nhau, tiếng chuông trong veo của chiếc đồng hồ quả lắc, thậm chí cả chất giọng lạnh lạnh của Lida cũng chỉ thoang thoảng lọt được vào trong kho.

Một chiếc mặt nạ bằng giấy nhào bột đúc được móc trên một trong những bờ tường, mặt nạ một chàng hề mũi tẹt với hai gò má đỏ chót sừng vù lên như những cái bướu. Một túm xơ gai ló ra dưới chiếc mũ chóp cao màu trắng, đội lệch của hắn.

Dưới ánh sáng mờ mờ quạch của cây đèn lồng, chiếc mặt nạ linh lợi hẳn lên. Chàng hề phóng cái nhìn của hắn xuống cái chậu nước đen ngòm, nơi một cuộn phim đang ngâm mình trong thuốc hiện hình. Thảng hoặc anh chàng cũng nháy mắt cho tôi. Từ chiếc mặt nạ toả ra một mùi hồ tinh bột. Đôi khi toàn bộ ngôi nhà chìm đắm trong cảnh tịch mịch: điều này có thể xảy ra ngay trong những gia đình ồn ã nhất. Những lúc như vậy, tôi cảm thấy không thoải mái khi trò chuyện riêng với chàng hề.

Dần dần, càng ngày tôi càng hiểu chàng ta hơn.

Tôi biết rằng đó là một thằng cha trơ trẽn, một gã hay chế giễu, rằng đối với cu cậu chẳng có cái quái gì là thiêng liêng cả và suy cho cùng, anh chàng đang báo thù chúng tôi vì đã giam cầm hắn suốt đời trong cái xó tối tăm này. Thậm chí đôi khi tôi nghe thấy, hoặc ít nhất tôi có cảm giác nghe thấy chàng hề, vì ngán cái không gian tịch mịch kia, làm bầm, một điều gì đó hoặc cất giọng ngân nga:

Dưới nắng chang chang,

Chín vàng nứt chảy.

Trên bờ dậu ấy,

Chủ nhật vừa qua,

Mấy mẹ gà ta

Xơi liền một mạch

Chú gà trống tây...

Nhưng chỉ cần tôi hé mở cánh cửa để cho làn ánh sáng ban ngày xanh nhạt lọt vào lều thế là chàng hề chết giấc tại chỗ và lập tức bị bụi phủ đầy.

Lần ấy, chính ba đã đem đến cho tôi mấy cuộn phim và bảo tôi tráng rửa ngay lập tức.

Ba vừa từ Maxcva trở về sau một chuyến đi. Lúc ấy là vào khoảng đầu tháng giêng năm 1906. Ba đã có mặt tại thủ đô trong những ngày cuối cùng của cuộc nổi dậy Tháng Chạp năm 1905. Ba kể cho chúng tôi nghe về những chiến lũy ở Khu Porexnia, về các chiến sỹ cách mạng, về những

trận pháo kích. Mặc dù cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ba đã phẫn kích trở về, đem theo cả cái hơi thở băng giá của Maxcova. Ba vững tin rằng chẳng bao lâu nữa một cuộc khởi nghĩa sẽ nổ ra trên toàn nước Nga và quyền tự do bấy lâu khao khát cũng không còn xa nữa.

- Cố gắng hết sức con nhé, - ba dặn tôi. - Trong số này có những cuộn phim, ghi lại những sự kiện lịch sử. Chỉ có điều ba không nhớ rõ cuộn nào.

Tất cả các cuộn phim cuộn nào cũng như cuộn nào. Có bao giờ ba ghi chú nội dung đâu. Tôi đành phải tráng rửa hú hoạ, không còn cách nào khác.

Trên cuộn phim thứ nhất chẳng có hình ảnh nào của Maxcova cả. Chỉ có bóng dáng của một con người nhỏ bé, khắng khiu, mặc một áo vét tông ngắn với một chiếc nơ màu lá úa thay cho cà-vạt. Ông ta đứng cạnh một bờ tường, trên đó có treo một bức tranh nhỏ.

Tôi phải mất một hồi lâu mới nhận ra một cái gì đó trên bức tranh. Cuối cùng tôi phát hiện ra một khuôn mặt hốc hác võ vàng, một cái mũi khoằm, những con mắt to và đượm buồn. Một khuôn mặt vùi trong một mớ lông chim.

Ba đến gần cửa và hỏi:

- Thế nào? Con đã thấy gì chưa, những tấm ảnh Maxcova ấy?

- Chưa ba à. Con chỉ mới có được một ông già bên cạnh một bức hoạ treo trên tường thôi.

- Sao cơ, đó chính là hoạ sỹ Vơruben đấy! Con không nhớ ông ta sao? Thật chú ý đừng để cháy phim.

- Trên bức hoạ chẳng thấy gì cả. Chỉ thấy một khuôn mặt và những cái gì đó giống như những chiếc lông chim.

- Chỉ cần thế thôi, - ba tôi trả lời. - đó là *Con Quy* Nói rồi, ba bỏ đi.

Thế là tôi nhớ lại một buổi sáng, vào giờ điếm tâm, ba cho má hay rằng Misen Vơruben hiện đang lưu lại Kiếp vài ngày và mời ba đến khách sạn gặp ông ta.

- Không hiểu sao mình quan tâm đến cái ông Vơruben ấy đến thế! - Má thốt lên với vẻ khó chịu. - Cái thứ hội hoạ ấy quả là một sự suy đồi! Em ấy à, mấy cái lão hoạ sỹ ma ám ấy làm em phát khiếp!

Không phải vì vậy mà ba không đến gặp Vơruben và thậm chí còn cho tôi đi theo. Trong cái khách sạn ta đang nói tới ấy, gần Cửa Ô Vàng, chúng tôi đã phải trèo lên tận tầng năm. Những hành lang sực mùi khách sạn buổi sáng: nước thơm Còlônơ và cà-phê. Ba gõ một khung cửa thấp. Một ông già nhỏ bé, khẳng khiu, mặc một chiếc áo vét-tông sờn cũ mở cửa cho ba con tôi. Khuôn mặt, mái tóc, những con mắt của ông ta, tất

cả đều cùng một màu với chiếc áo ông đang mặc: nền xám lấm chấm những điểm màu gạch cua. Đó là Voruben.

- Cậu này là ai? - ông ta hỏi, một bàn tay rắn chắc tóm lấy cằm tôi. - Con trai ông bạn phải không? Cậu bé giống hệt một bức tranh chì màu.

Ông ta nắm cánh tay và lôi ba tôi về phía bàn viết.

Tôi lặng lẽ quan sát căn phòng với vẻ sợ hãi. Đó là một cái gác xép. Vài bức tranh màu nước dính trực tiếp vào giấy bọc tường màu sẫm bằng những chiếc đinh ghim.

Voruben rót hai ly cô-nhắc, một cho ba tôi và một cho ông ta. Ông ta uống một tợp cạn ly rượu và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. Gót giày của ông ta nện chan chát trên sàn nhà. Tôi nhận ra rằng gót giày của ông ta rất cao.

Ba tôi nói vài lời khen nịnh những bức vẽ dính trên tường.

- Những mảnh vỡ rách! - Voruben nói với một cái khoát tay khinh bạc.

Cuối cùng rồi ông ta cũng không lảng xãng nữa và ngồi vào bàn.

- Tôi nhận ra rằng tôi đã quay cuồng tại chỗ, không yên, cứ như một con sóc bị nhốt trong chuồng, - ông ta nói - Tôi tự cảm thấy khá mệt mỏi.

Chúng ta đi Lukianópka được chứ, Ghêócghi Mắcximovich?

- Đi Thánh-Xirin?

- Đúng vậy. Tôi rất muốn xem lại tác phẩm của mình. Giờ đây khi tôi đã quên nó.

Ba tôi đồng ý. Cả ba chúng tôi lên một chiếc xe ngựa để đi Lukianópca. Người xà ích đưa chúng đi theo đường Lovóp dài bất tận rồi rẽ sang đường Đơrôgôítxcaia cũng chẳng ngăn ngủi gì hơn. Vợruben và ba tôi châm thuốc hút.

Tôi ngắm nhìn con người nhỏ bé kia và cảm thấy mơ hồ thương hại ông ta. Ông ta luôn cựa quậy, cặp mắt đảo đi đảo lại hoài. Ông ta nói năng chẳng mạch lạc gì cả và châm hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, châm lên một điếu để rồi lẳng đi ngay. Ba tôi nói với ông ta một cách dụi dàng như với một đứa trẻ.

Chiếc xe ngựa thả chúng tôi xuống gần nhà thờ Thánh Têôđô, và chúng tôi tiếp tục cuộc bộ theo những đường phố có trồng cây hai bên. Những đường phố này đưa chúng tôi đến tận bờ một cái vực. Một con đường ngoắt ngoéo chữ chi thoai thoải chạy xuống một bình địa. Tít dưới kia người ta trông rõ mái vòm của nhà thờ Thánh Xirin.

- Ta nghỉ một lát nhé - Vợruben đề nghị.

Chúng tôi ngồi xuống vệ đường. Xung quanh

um tùm cò dại đầy bụi bậm. Một bầu trời xanh nhợt nhạt vắt ngang qua sông Đơniépơơ.

- Không ổn, Ghêócghi Mắximôvích thân mến ạ - Vơruben nói.

Ông ta vỗ vỗ một bên má nhăn nheo của mình và phá lên cười.

- Tôi đã quá mệt mỏi không muốn kéo lê cái vô bọc kính tởm này nữa.

Tất nhiên tôi không hiểu hết ý nghĩa những lời lẽ của ông ta. Vả lại, có thể tôi đã không còn nhớ gì nữa về cuộc đàm đạo ấy nếu ba không thuật lại với má, rồi với cậu Nicôla và sau đó với những người thân quen khác và nếu tất cả mọi người không tỏ ra thương hại Vơruben.

Tại giáo đường Thánh Xirin, họa sỹ trầm ngâm chiêm ngưỡng những bức họa, tác phẩm của chính bản thân ông ta. Những bức bích họa này cho ta cái cảm giác cứ như chúng được đúc bằng một thứ đất sét xanh lơ, đỏ và vàng. Tôi không tài nào tin được rằng những tác phẩm hội họa đồ sộ hoành tráng kia lại là con đẻ của một thân hình gầy ốm như vậy.

- Thế đấy, đó chính là hội họa! - Họa sỹ kêu lên khi chúng tôi đã ra khỏi giáo đường.

Thái độ bình thản của ba khi đón nhận và thậm chí tán đồng lời khẳng định ấy khiến tôi rất ngạc nhiên, vì đối với các anh tôi, cũng như đối với bản

thân tôi, ba không bao giờ tha thứ bất cứ một lời tán dương nào. Vì vậy, ngay sau khi Vơruben chia tay chúng tôi trên đường Ráytaroxcaia, tôi tuyên bố rằng tôi chẳng thích con người kia chút nào.

- Tại sao?

- Đó là một tay khoác lác.

- Đồ ngốc! - Ba trả lời, và vỗ vai tôi ba nói thêm: - Nào, thôi đừng tự ái nữa!

- Sao lại ngốc? - tôi giận dỗi vạch lại.

- Trước hết con phải biết rằng Vơruben là một hoạ sĩ tuyệt vời. Một ngày nào đó con sẽ hiểu ông ta. Con cũng cần biết rằng đó là một người ốm yếu. Hệ thần kinh của ông ta bị mất thăng bằng. Ngoài ra con cũng phải hiểu một quy luật vô cùng quan trọng của cuộc sống: đừng đánh giá bất cứ ai theo những ấn tượng đầu tiên. Nếu không, con sẽ luôn luôn lâm vào những tình huống lố bịch. Ba nhắc lại, không bao giờ được tự ái. Ba không nói gì làm con phật ý cả.

Mặc dù cuộn phim đã được tráng rất cẩn thận, người ta vẫn rất khó nhận ra bất cứ cái gì trên bức tranh treo trên tường, sau lưng Vơruben. Tôi chỉ biết rằng đó là *Con Quý*.

Mãi sau này, vào mùa hè năm 1911 tôi mới được thấy bức tranh ấy tại bảo tàng mỹ thuật Torêchiacốp ở Mátxcova.

Mátxcova nghi ngút giá băng. Từng làn hơi nước thoát ra từ những khung cửa căng đầy hơi ẩm của những quán rượu. Trong bao la tuyết mịn của Mátxcova, Mátxcova với những đại lộ sương giá, những cửa sổ nhằng nhịt những cảnh băng, những chiếc đèn ga xanh nhạt, bức tranh kia rực rỡ như một viên kim cương xanh, như một viên ngọc đem về từ những đỉnh lấp lánh của vùng núi Côcadơ. Trong phòng trưng bày của bảo tàng, nó toả ra hơi lạnh của sự hoàn mỹ, vẻ uy nghi của nỗi tuyệt vọng của con người.

Tôi ngây ngất hồi lâu trước *Con Quỷ*. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi, tôi nhận ra rằng sự chiêm ngưỡng một tác phẩm giá trị như vậy, ngoài sự khoái cảm đơn thuần của mắt nhìn mà nó đem lại, còn làm trỗi dậy từ cội thẳm sâu của ý thức con người những tư tưởng mà cho đến lúc ấy con người không biết đến sự tồn tại.

Tôi cũng nghĩ về Lécmonôp. Tôi mừng tượng thấy nhà thơ trầm lặng bước vào phòng tranh, chăm chú đến mức khiến cho tiếng lanh canh của gót giầy của mình trở thành kín đáo hơn nhiều. Dưới kia, trong tiền sảnh, bằng một động tác rất ung dung thoải mái, nhà thơ đã lẳng chiếc áo choàng sỡ quan màu xám lên cánh tay người gác cửa rồi chững lại hồi lâu trước "*Con Quỷ*" ấy, dò xét

nó bằng một cái nhìn rầu rĩ¹.

Lécmôntóp đã từng viết những lời lẽ đấng cay về bản thân mình:

Khác gì sao lạc trong đêm,

Ta đây cũng vậy vô duyên cho đời...

Trời ơi, trời đất ơi, sao nhà thơ lại có thể lú lẫn đến vậy! Và ngọn lửa thắp thoáng qua của những vì sao lạc kia cần thiết cho đời biết bao! Con người đâu chỉ sống bằng bánh mì.

Lécmôntóp tự cảm thấy là tù binh của trái đất. Nhà thơ đã phung phí tâm huyết của mình trong sa mạc đời người. Nhưng, tấm mình trong sức mạnh thơ ca, trong cơn thịnh nộ, trong nỗi kinh hoàng, trong niềm khát khao hạnh phúc của nhà thơ, cái hoang mạc đời người kia đã nở hoa. Và lại, phải chăng chính Lécmôntóp chẳng đã thú nhận đó sao: *Từ dưới một bụi cây, bông linh đan ánh bạc âu yếm gập đầu ra hiệu cho ta!* Và biết đâu đấy, có thể ngọn gió lạnh buốt của những ngọn cây lấm chấm máu tươi của *Con Quý* đã chẳng thấm đượm một mùi hương rất dịu dàng và xa vắng, mùi hương của loài hoa yêu kiều ấy? Có thể Lécmôntóp, cũng như *Con Quý* bị vùi dập của nhà thơ chỉ là một đứa con bị cuộc đời tước đoạt

1. Bài thơ "*Con Quý*" của Sécmôntóp được viết năm 1841.

mất cái mà nhà thơ hằng khát khao, đó là tự do, công lý, tình yêu?...

- Sao rồi, - ba tôi lại hỏi qua cánh cửa khép kín, - con tìm thấy rồi chứ, những tấm ảnh Mátxcova ấy?

Tiếng nói của ba kéo tôi ra khỏi tình trạng u mê. Tôi bắt đầu quần nhau với quận phim tiếp đó và quên hẳn Vơruben. Những con đường của Mátxcova bị vùi dập trong những đống tuyết và hai bên có những ngôi nhà thấp lè tè hiện dần lên trên cuộn phim. Ngang qua những đường phố sừng sững mọc lên những chiến lũy dựng bằng những chiếc thùng rỗng, những tấm ván, đá lát, biển hiệu cửa hàng. Bên cạnh các chiến lũy là những người đàn ông ăn mặc dân sự được trang bị súng ngắn và súng trường.

Rồi tôi thắp thoáng nhận ra những toà nhà cao, tường bị đạn đại bác làm thủng lỗ chỗ, cầu Gơroboty, vườn Bách Thú ẩn hiện dưới làn khói đám cháy, mặt tiền của những quán nhậu nham nhở những vết đạn, những toa tàu điện bị lật ngược.

Tất cả những thứ ấy bị một màn sương mùa đông bao phủ. Về chuyện này thì tôi chịu, không làm gì được. Không loại thuốc hiện hình nào có thể xua tan nổi màn mù sương kia và soi rõ những hình ảnh cuộc nổi dậy.

Vả lại chính cái ấn tượng mơ hồ kia đã thể hiện rất hoàn hảo bầu không khí của cuộc khởi nghĩa. Tôi có cảm giác những hình ảnh kia đang khét lẹt mùi thuốc súng.

Vùng lên! Tiếng ấy rền vang mới kì lạ làm sao ở nước Nga lúc bấy giờ, một nước Nga lúc bấy giờ, một nước Nga vẻ ngoài hoàn toàn mang màu sắc trường lão. Tôi đã từng đọc những mẩu chuyện về các cuộc nổi dậy của người Hindu, tôi thuộc lòng lịch sử Công xã Pari cũng như câu chuyện về những đồng mưu của Những Người Tháng Chạp, nhưng đối với tôi, cuộc nổi dậy của Mátxcơva hình như là cuộc khởi nghĩa lớn nhất và cũng lãng mạn nhất.

Tôi kiếm được một tấm bản đồ của thành phố. Ba chỉ cho tôi vị trí các chiến lũy và nơi diễn ra các cuộc chiến đấu: Tơsixchiê Pơruđi, Xamôcheca, quảng trường Kudrinxcaia, Porexnia, cầu Gorbatì. Đối với tôi những cái tên ấy giữ mãi sức quyến rũ của những địa danh đã đi vào lịch sử ngay trước mắt chúng ta.

Và tất cả những gì tham dự vào cuộc nổi dậy ấy đều mang một ý nghĩa, một tầm quan trọng đặc biệt: mùa đông Mátxcơva lảm chồm giá sương, những quán nhậu nơi tụ tập của các chiến sỹ, Mátxcơva cổ kính và thời đại mới quán quýt với nhau. Những lão xà ích vận những tấm áo vét rách

rười may bằng vải len thô, những cửa hàng bánh mì với tấm biển hiệu vẽ một ổ bánh, những người bán hàng rong bán những chiếc bánh bao nhân cá còn nóng, và cũng có cả những viên đạn rít lên trong không gian, một người nhảy qua đường phố, ánh tháy của những khẩu súng ngắn, những lá cờ đỏ, Bài Ca Vácxôvi.

Bão giông nghịch tặc trên đầu

Bạo tàn quyền lực một màu tối đen...

Tất cả, tất cả đều tràn ngập thi vị của một cuộc đấu tranh, mang hơi thở của tự do đang đến gần, tuy vẫn còn chưa rõ rệt giống như lúc bình minh đang le lói vào một buổi sáng mùa đông. Và cũng tràn đầy sức mạnh tinh thần, lòng tin và hy vọng.

Bình nguyên mênh mông của nước Nga giờ đây đang dán mắt vào ánh lửa đám cháy đang hùng hục trong khu phố Pơrexnia và đang đợi chờ chiến thắng của các chiến sỹ. Cuộc nổi dậy ấy thật giống như một cơn giông cuối mùa đông, người báo trước những cơn giông khác, những chấn động khác đem lại nguồn sinh khí mới.

Thuở ấy tôi chưa có khả năng diễn đạt trạng thái phấn khích đang tràn ngập tâm hồn tôi. Tôi cảm thấy tất cả, nhưng đã không thể bày tỏ một cách rõ ràng cụ thể.

Ngày hôm sau, sau khi in thử tôi đem tất cả các tấm ảnh đến cho ba. Đêm đang xuống dần. Một

ngọn đèn cháy sáng trong phòng làm việc. Ngọn đèn soi sáng tất cả các đồ vật quen thuộc đặt trên bàn giấy: một hình mẫu thu nhỏ một đầu máy xe lửa bằng thép, một tượng bán thân thi hào Puskin với bộ râu quai xoắn tít, những chồng tạp chí cách mạng châm biếm - thuở ấy những tạp chí loại này rất phổ biến. Ngay bên dưới ngọn đèn là một tấm bưu ảnh: chân dung Trung úy Smidơ¹, chiếc áo choàng đen với hàng khuy móc hình đầu sư tử vắt trên vai.

Nằm dài trên chiếc đi-văng, ba đang đọc một tờ báo. Ba xem tất cả những tấm ảnh tôi đem tới rồi thốt lên:

- Đất nước này mới khác thường làm sao! Vơruben và cuộc nổi dậy! Cái gì cũng có vị trí của nó, và tất cả đều hướng về một mục tiêu duy nhất.

- Mục tiêu gì?

- Một tương lai tươi đẹp hơn. Côxtích, con sẽ còn được thấy rất nhiều điều kỳ diệu. Tất nhiên với điều kiện là con cũng phải trở thành một người hữu ích.

1. P.P. Schmidt (1867 - 1906), trung úy thuộc hạm đội Biển Đen, một người dân chủ, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Xêbátôpôn năm 1905, bị tử hình ngày 6 tháng 3 năm 1906.

NGÔI SAO BĂNG HIU QUẠNH

Hai năm sau, tôi đã mười bốn tuổi, má nhất quyết lần này chúng tôi không nghỉ hè ở Revơni, mà đi Crum. Má chọn Alutrotta, khu an dưỡng tinh mịch nhất của cả bán đảo.

Hành trình của chúng tôi phải ghé qua Ôđétxa. Các khách sạn đầy áp người. Chúng tôi đành phải dừng chân nơi nhà nghỉ của tu viện Aphôngxki gần nhà ga. Máy chú tiểu, những thiếu niên nước da xanh tái vận áo cà sa với những dải thắt lưng quang dầu đen nhánh, đãi chúng tôi món xúp tâm ma và món sườn hun khói.

Tôi mê mọi thứ: món xúp, thành phố trắng tinh và tao nhã, những giọt nước suối Xentơđơ lấp lánh và hải cảng Ôđétxa. Trên bến tàu, những con bồ câu trắng cánh bay lượn như những đám mây xanh hòa vào mấy đám mây trắng của đàn hải âu.

Một lần nữa, tôi được gặp lại biển cả. Gần bờ biển là những thảo nguyên. Ở đây thảo nguyên có phần tươi mát hơn ở vùng duyên hải Côcơđơ. Con

tàu Puskin già nua lênh đênh hướng về phía Yanta. Không khí thanh bình, phẳng lặng ngự trị trên biển. Những tay vịn bằng gỗ sồi nóng bỏng, đến nỗi không thể đặt tay lên được. Chân vịn khuấy nước làm rung chuyển mọi vật trong phòng khách, làm phát ra những tiếng chuông lanh canh. ánh nắng xuyên qua các cửa quây, cửa trở và các cửa ra vào mở rộng. Tôi ngất ngây trước nguồn ánh sáng dồi dào ấy của miền Nam. Tất cả những gì có thể lung linh đều đã rạn lên chói lọi. Thậm chí cả những tấm màn rủ vải thô cũng tham dự vào ánh hào quang chung.

Bán đảo Crưm từ cõi thẳm sâu của biển cả mọc lên như một Cù lao Kho Báu. Những áng mây giống như những tấm áo choàng khoác lên các đỉnh núi màu tím nhạt. Nàng Bạch Tuyết Xebaxtôpôn cứ như đang êm đềm trôi đến đón chúng tôi. Tiếng thần công chính ngộ và những dấu chữ thập màu xanh nhạt trên nền cờ trắng của hạm đội Nga đón chào tàu Puskin xoay vần lui tới trên vịnh, con tàu của chúng tôi khuấy động làm biển cả sôi lên sùng sục. Hàng chuỗi bong bóng sùi ra từ dưới đáy biển sâu. Mặt nước lấp lánh như gương. Máy anh em chúng tôi chạy nhốn nháo từ bao lơn này sang bao lơn nọ để không bỏ sót một cảnh tượng gì. Ngọn tháp Malacóp, Hầm mộ, Kè đá Graphơxki, pháo

hạm Côngxtăngtanh đang chồm tới và chiếc tuần dương Ôttracốp ngổ ngược có xà lan vây quanh. Những con tàu trinh thám của hải quân mở hết tốc lực hất lại phía sau một làn nước xanh mầu đá không tước.

Tôi nhìn xung quanh, ngất ngây như bị bùa mê. Thì ra thành phố ấy có thật, không phải chỉ trong sách vở, cái thành phố nơi đô đốc Nakhimốp đã ngã xuống, nơi những viên thần công Pháp đã nổ trên các pháo đài, nơi người pháo thủ Lêông Tônxtôi đã từng chiến đấu và cũng là nơi trung úy Smít của chiến hạm Ôttracốp đã mang nặng lời thề trung thành với nhân dân! Nó kia rồi, cái thành phố với những ngày dài nắng lửa và với bóng mát mượt như nhung của những cây dạ hợp!

Đến tận chiều tối, *Puskin* mới đến Yanta. Nó khoan thai tiến vào bến cảng như người ta bước vào một cái chòi bát giác sáng trưng ở công viên.

Chúng tôi bước xuống con đê chắn sóng xây bằng đá. Cảnh vật đầu tiên tôi thoáng nhận ra là chiếc xe đẩy của một người bán hàng rong nước da nâu sẫm. Trên ngọn một cây sào ở mũi xe đựng đưa một chiếc đèn lồng. Ngọn đèn hắt ánh sáng lên những quả đào lông tơ mơn mớn và những trái mơ rất to còn mang những cánh hoa tím tím.

Trước khi về khách sạn Đogialitê, chúng tôi đã

mua một mớ đào. Máy người phu khuân vác lực lưỡng khệ nệ đem hành lý đi theo chúng tôi.

Tôi mệt lả đến nỗi vừa về đến phòng riêng đã lăn ra ngủ tuy vẫn còn đủ thì giờ để phát hiện ra một con rết nắp trong xó nhà và những cây trắc bá đen sẫm bên ngoài cửa sổ. Trong khoảnh khắc, tôi cũng còn nghe thấy tiếng thủ thỉ của cái vòi phun ở giữa sân. Thế rồi, giấc nồng đã đỡ tôi lên, ru tôi như trong buồng khách một con tàu, đưa tôi đến một nơi nào đó rất xa, trong một xứ sở kì diệu, chị em của bán đảo Crum đầy bí hiểm.

Sau Yanta và bờ biển trắng lẹ của nó, đối với tôi Alutrota có phần buồn tẻ. Chúng tôi đến ở trong một ngôi nhà nghỉ phía cuối thành phố, trên một ngọn đồi trông xuống bến cảng Xtakhêép.

Một miền đất sỏi đá, những bụi đỗ tùng rậm rạp ngào ngạt hương thơm, mặt nước quanh hiu của biển cả, dãy núi Xudác xa xa, là tất cả Alutrota. Ngoài ra, không có gì khác. Tuy nhiên, chỉ thế thôi cũng đủ làm cho tôi gần gũi, thân tình với thành phố này.

Galiã và tôi thường đến một trang trại bên cạnh để mua những chùm nho chín vàng và ngọt lịm, những “ngón tay ngà” mát lạnh hoặc những quả nho xạ phốt hồng. Ve kêu inh ỏi trong vườn. Những chấm hoa vàng, nhỏ đúng bằng cái đầu đinh, giải thảm lên mặt đất.

Một người đàn bà đã đứng tuổi, bà Anna Pêtrópna, từ ngôi nhà thấp nhỏ và trắng tinh bước ra. Bà có khuôn mặt r ám nắng đến nỗi đôi mắt xám của bà hầu như trở thành nhợt nhạt. Bà thường tự tay hái nho cho chúng tôi. Nhưng đôi khi, bà sai Lêna, con gái bà tiếp khách. Đó là một thiếu nữ mười bảy tuổi, chân đất với những chiếc đũa sam vàng nhạt quấn vòng trên đầu và có cặp mắt cùng màu xám như mắt bà mẹ.

Láng giềng gọi cô là “thủy thần”. Đêm xuống, cô đảo qua trước ngõ nhà tôi và đi về phía biển để ngâm mình và bơi lội khá lâu. Sau khi tắm, trên đường về, cô vừa đi vừa hát, chiếc khăn mặt vắt trên vai:

*Ngoài kia, xanh thẳm trùng dương,
Đạt dào sóng biếc, bốn phương đạt dào.
Ta quên bao nỗi u sầu,
Bao nhiêu thất vọng khổ đau trên đời...*

Chỉ bao lâu sau, Galia đã làm thân với cô gái và thỏa mãn được trí tò mò của mình. Chị tôi có cái thói hay cật vấn cặn kẽ về đời tư của thiên hạ. Chị ấy say sưa tìm hiểu với sự cố chấp của một kẻ cật thị và hiếu kỳ.

Và thế là chúng tôi được biết rằng Anna Pêtrópna là một bà góa, trước đây giữ thư viện ở Sécni-gốp và khi Lêna bị lao, thầy thuốc đã khuyên

bà mẹ đưa con gái đi Crum. Anna Pêtrópna đi bước nữa với một ông già người Ucrain, chủ nhân của một điền trang trồng nho. Người chồng mới này qua đời ít lâu sau đó, để lại gia sản cho Anna Pêtrópna và cô con gái của bà. Mùa đông, Lêna sống ở Yanta, học trường trung học tại đó và chủ nhật nào cũng về thăm mẹ. Bây giờ cô đã hoàn toàn bình phục.

Lêna có ý định học xong sẽ trở thành ca sĩ. Galia tìm lời khuyên bạn bỏ ý định ấy đi vì theo chị ấy, số mệnh cao cả duy nhất của một người phụ nữ là nghề dạy học. Về phần mình, chính Galia cũng muốn trở thành một cô giáo trường làng. Lâu dần lập luận của Galia làm tôi rất khó chịu, vả lại chị ấy nói quá nhiều về thiên chức tương lai của mình, cố thuyết phục mọi người, tuy chẳng một ai phản đối, rằng trên đời này không có nghề gì đẹp hơn nghề dạy học.

Chả hiểu tại sao, chuyện chị tôi khuyên Lêna đừng làm nghề ca sĩ khiến tôi rất bực. Tôi yêu sân khấu. Cố tình chọc tức Galia, tôi say sưa nói với người bạn gái mới của chị về những vở diễn mà tôi đã được xem: *Con chim xanh*, *Một bà trơ trên*, *Cái khố của kẻ quá tài ba*.

Tôi thù ghét đủ điều. Tôi tiên đoán Lêna sẽ có một tương lai mê hồn. Tôi mê mãi hình dung cô gái

mảnh mai với nước da bánh mật ấy bơi lặn trong biển cả thiện nghệ hơn bất cứ một thủy thủ nào và đến một ngày nào đó sẽ tiến ra sân khấu trong một cánh áo dài mỹ miều với một dải tha thướt trôi theo, một bông hoa thắm màu run rẩy trên ngực theo nhịp phập phồng của hơi thở và ánh dãi dầu của biển cả lộ ra từ dưới lớp phấn son trang điểm.

Tôi vây bọc Lêna bằng không biết cơ man nào là điều tưởng tượng. Cô gái chăm chú nghe tôi nói, đầu hơi ngẩng lên như là bị trọng lượng của những chiếc đuôi sam nặng trĩu kéo ngã về phía sau, đôi má ửng hồng. Chốc chốc cô gái lại năn nỉ:

- Thôi anh cứ nhận đi. Mọi thứ đều do anh hình dung ra cả đó thôi, phải không. Anh cứ yên tâm, tôi không phật ý đâu.

Cô gái gọi tôi là “anh” mặc dù cô lớn hơn tôi ba tuổi. Thời ấy chỉ có thân nhân mới xưng hô “cậu tớ” với nhau.

Nhưng tôi không thể tán thành ý kiến của cô gái vì thực tình tôi rất tin những điều do chính tôi tưởng tượng ra. Chính cái bản năng ấy về sau đã gây cho tôi không biết bao điều phiền toái. Nhưng cái đáng ngạc nhiên nhất là trong suốt cả cuộc đời, tôi không gặp một ai muốn chấp nhận hoặc ít ra là tìm cách minh chứng cái trạng thái tâm hồn ấy.

Sự thực, Lêna tin tôi. Cô rất muốn tin tôi. Và

nếu trong vòng vài ngày, tôi không đưa Galia đến tận khu vườn thì cô tự đem nho đến nhà và nói với má tôi: “Anna Pêtrópna, má cháu gửi biếu bác!” Và chớp cơ hội thuận lợi, cô vội vàng nói nhỏ với tôi:

- Xin nói thẳng, anh tộ lắm! Tại sao anh không đến chơi?

Được ít ngày, ba tôi rời Alutrota. Ba có việc phải đi Pêtécbua. Sau đó đến lượt Bôria phải trở lại Kiép để chuẩn bị thi vào Đại học Bách khoa.

Chẳng rõ nguồn cơn ra sao, ba ra đi làm má rất bối rối và má không hề để ý đến chúng tôi nữa. Thậm chí hình như má còn cảm thấy nhẹ người khi chúng tôi biến ra bờ biển suốt ngày và không quấy rầy má nữa.

Phần lớn thời gian trong ngày, tôi dầm mình trong nước đến nửa người tìm bắt những con cua trong các khe đá. Kết quả là một buổi chiều tôi ở ngoài biển quá muộn và bị cảm lạnh. Từ cảm cúm xoàng lúc đầu, bệnh tình biến chứng dần thành sưng phổi. Tệ hại hơn, trong đêm đầu tiên khi đang lên cơn sốt, tôi bị một con rết chích cho một mũi.

Thấm thoát tháng tám đến nơi rồi. Chẳng bao lâu nữa, năm học lại tiếp tục. Đã đến lúc phải trở lại Kiép. Nhưng bệnh tình của tôi đã đảo lộn tất cả. Cuối cùng, má tôi đã quyết định để Galia và Đima lên đường còn má thì ở lại với tôi.

Tôi bị ốm nặng thời gian khá lâu. Hầu như đêm nào tôi cũng thức trắng. Tôi thở rất khó khăn. Trong khi cố gắng thực hiện động tác ấy một cách thận trọng, tôi nằm nhìn những bức tường trắng, lòng buồn rười rượi. Những con rết từ các khe tường chui ra. Một ngọn đèn thấp sáng trên bàn. Những chiếc bóng từ mấy lọ thuốc hắt ra giống như những động vật thời tiền sử: Chúng vươn dài cổ ra hít hít ngửi ngửi trần nhà.

Tôi quay mặt đi và nhìn ra ngoài cửa sổ đen ngòm. Ngọn đèn của tôi nổ pháo hoa trong khung cửa. Biển cả rì rào ở phía bên kia ánh sáng ngọn đèn.

Một con bướm đêm mù quáng vẫy vùng trên khung cửa kính. Hình như nó muốn thoát khỏi mùi thuốc nồng nặc của căn phòng.

Má nghĩ ở gian bên. Tôi gọi xin má nước uống và van má đuổi con bướm ấy đi. Con bướm thoát rồi, tôi nhẹ hẫng người.

Nhưng ngay sau đó, chẳng biết bằng cách nào, tôi lại thấy nó đổ xuống đám cỏ khô dưới cánh cửa sổ đã khép chặt, tha thân ở đó trong khoảnh khắc rồi lại bay lên và lén vào phòng tôi, to như một con cú. Nó đổ xuống ngực tôi. Tôi cảm thấy nó nặng như một tảng đá. Chỉ cần thêm một vài giây nữa thôi, nó có thể đè bẹp tim tôi.

Tôi gọi má và lạy van má tống cổ con côn trùng

ấy đi. Mồi mím chặt, má lộ hết lần vải ẩm ướt, bó chặt và nóng hổi khỏi ngực tôi và quần người tôi bằng mấy cái chăn.

Tôi không nhớ rõ đã có bao nhiêu đêm khuya đầy những tiếng xào xạc khó hiểu và hơi nóng khô khan của chăn nệm.

Một hôm, vào lúc giữa ban ngày, tôi thấy Lêna bước vào phòng. Phải một lúc sau, tôi mới nhận ra đó chính là cô. Cô vận đồng phục màu mận chín, tạp dề đen của nữ sinh trung học. Chân đi một đôi giày trang nhã, cũng màu đen. Những chiếc đuôi sam vàng hoe tét rất cẩn thận trườn trên ngực và ôm lấy khuôn mặt rám nắng của cô.

Cô đến chia tay với chúng tôi trước khi trở lại Yanta. Trong khoảnh khắc, khi má không có mặt trong phòng, Lêna đặt tay lên trán tôi. Bàn tay ấy lạnh như một thỏi nước đá, một bên đuôi sam buông xuống và quét nhẹ lên má tôi. Tôi ngửi thấy mùi nước hoa mát dịu.

Má quay trở lại và Lêna rút vội bàn tay. Má nói rằng cô đem đến cho tôi những quả nho thượng hạng.

- Rất tiếc trong vườn nhà không có loại nào ngon hơn. - Cô gái thừa nhận.

Nhưng khi nói điều đó, đáng lẽ phải nhìn má cô lại quay về phía tôi hình như muốn tôi hiểu cho một điều gì hệ trọng.

Sau đó cô ra đi. Tôi nghe thấy tiếng cô chạy xuống cầu thang. Bây giờ, ngoài hai má con tôi, không còn ai ở trong ngôi nhà nghỉ mát. Những người đến nghỉ hè đã đi hết cả. Chỉ một tiếng động nhỏ cũng vang lên.

Từ hôm ấy, tôi cảm thấy sức khỏe khá hơn. Nhưng người thầy thuốc tuyên bố rằng, bao giờ rời khỏi giường bệnh, tôi còn phải lưu lại Alutrota ít nhất hai tháng nữa, có nghĩa là đến tận tháng mười một. Vì thế, má quyết định gọi Lida, chị sen của chúng tôi, từ Kiép đến. Chính chị sẽ ở lại đây để giám sát và nuôi tôi. Má thì cuống cuống, vội vã quay trở lại Kiép, chả hiểu tại sao.

Tám ngày sau, chị Lida đến và ngay hôm sau, má lấy xe đi Ximphêrôpôn.

Lina hết “ô” lại “a”, luôn miệng thốt lên những tiếng kêu ngạc nhiên. Chưa bao giờ chị trông thấy biển và những cây trúc bá, kể cả những vườn nho; má đã lôi chị từ những khu rừng Brianxơ và đem thẳng về Kiép.

Thế là tôi ở lại đây một mình với chị Lida. Tôi bắt đầu bò dậy được, nhưng không được phép ra khỏi nhà. Cả ngày tôi ngồi đọc sách trên hành lang lồng kính, dưới ánh nắng thu không được ám lấm. Tôi tìm thấy một tập “*Torixtäng và Ydơ*” trong ngăn kéo tủ. Tôi mãi mê đọc đi đọc lại câu chuyện

cổ tích tuyệt vời ấy và cứ mỗi lần, tôi lại trở nên băng khuâng hơn.

Tự nhiên tôi cảm thấy rằng tôi cũng có thể viết được một tác phẩm đại loại như “*Torixtăng và Ydơ*” và trong mấy ngày liền tôi cầm bút lăn vào việc. Nhưng tôi không thể làm được gì hơn ngoài việc miêu tả một cơn bão lồng lộn trên biển cả, dưới chân những vách đá lởm chởm. Đến cuối tháng chín, sau cùng rồi thấy thuốc cũng cho phép tôi ra khỏi nhà. Tôi lang thang một mình trong cảnh quanh hiu của Alutrota... Tôi rất thích đến bến tàu lúc triều lên. Những con sóng lớn cuộn cuộn dập dờn dưới những chiếc phao gỗ. Những tia nước vọt lên qua các khe phao.

Một hôm, tôi đến thăm Anna Pêtrópna. Bà cho uống cà phê và mời tôi chủ nhật sau lại chơi. Con gái bà chắc lúc đó sẽ từ Yanta về nhà. Trong những ngày tiếp đó, tôi gắng hình dung cuộc gặp giữa tôi và Lêna.

Tôi còn nhớ chủ nhật ấy như mới vừa xảy ra hôm qua, vì ngày ấy được ghi dấu bằng hai sự kiện nổi bật.

Biết rằng cô ấy sẽ đáp chuyến tàu thủy tốc hành buổi sáng từ Yanta về, tôi ra bến chờ Lêna. Nhưng khi con tàu vừa vòng qua mũi đất, tôi vội vàng nấp sau một cái chòi bát giác bằng ván ghép,

nơi vào mùa hè người ta thường bán những tấm bưu ảnh phong cảnh bán đảo Crum. Ngồi trên một tảng đá lớn, tôi chăm chú theo dõi con tàu vào bến. Rồi con tàu, Lêna như để ý tìm một người nào đó, rồi thư thả hướng về nhà.

Tôi sợ cô ấy bắt gặp. Có lẽ lúc này trông tôi thộn lắm thì phải.

Nhiều lần cô ngoái cổ, đi trở lại và dừng chân trước một cây cột gỗ dán đầy áp phích rách bươm, long lở và giả vờ đọc.

Tôi trộm ngấm nhìn cô gái. Cô hơi gầy và đã mất đi vẻ đẹp trước đây. Một chiếc khăn len màu trắng trùm lên đầu, cô đứng như trông trước cột quảng cáo, mắt cúi xuống; nếu thực sự quan tâm đến những tấm áp phích thì cô đã ngẩng đầu lên. Một lát sau, cô bỏ đi.

Tôi chờ một lát rồi ra về, cảm thấy xấu hổ vì nhát gan.

Tôi cũng chẳng biết có nên đến gặp Lêna nữa không. Ngồi vào bàn ăn trưa, tôi không thể nào nuốt nổi. Lida dọa sẽ đánh điện cho má, mách má rằng tôi không chịu ăn uống gì cả. Nhưng vì chị ấy hầu như không biết đọc cũng chẳng biết viết, sự dọa dẫm chỉ làm tôi buồn cười.

Sau bữa trưa, tôi quyết định khoác áo ra đi. Lida quát tôi đóng cúc áo, nhưng tôi không nghe lời.

Tôi đã đến gần khu trang trại. Nho trong vườn chín rộ. Mảnh rào vừa đẩy ra, trong ngôi nhà trắng, một cánh cửa vừa sập lại, tôi đã trông thấy Lêna. Cô ấy chạy ra đón tôi, trên vai không một mảnh khăn ấm.

Đó là một ngày đẹp trời. Giây phút ngưng ngừng ban đầu trôi qua, tôi bắt đầu huyền thuyên kể cho bạn nghe về “Revoni” mà tôi rất thích, về Sécphukhốp, về dì Nadia. Trong khi nghe chuyện, Lêna kín đáo đưa lên đĩa của tôi khi thì một chùm nho, lúc thì vài quả mận. Cuối cùng cô hỏi:

- Trời lạnh thế này, tại sao anh không đóng cúc áo ấm. Anh định lòe ai mà vênh vang như vậy?

- Cô cũng vậy còn nói ai, chính cô cũng chạy ra ngoài trời mà có thêm mặc áo ấm đâu?

- Chả là... - Cô gái tìm cách biện bạch nhưng lúng túng và cuối cùng thì cô thì thầm: - Chả là... chả là tôi không bị sưng phổi.

Dưới làn da rám nắng, mặt cô gái đỏ bừng. Bà mẹ ngược mắt nhìn con gái qua vành cặp kính và uể oải lắc đầu.

- Lêna, con quên rằng con đã mười bảy rồi sao?

Bà thốt lên câu nói cứ như con gái bà đã là một phụ nữ thành niên mà vẫn còn quá gốc gác.

Cả hai mẹ con đưa chân tôi đến tận nhà và ghé qua xem tôi ăn ở ra sao. Lêna ngưng chín người,

mặt đỏ bừng như một quả cà chua, nhưng lấy lại được bình tĩnh ngay và quay ra than phiền rằng tôi không nghe lời chị ấy, rằng tôi bỏ đi chơi mà chẳng hề nghĩ gì đến sức khỏe. Anna Pêtrópna ân cần nhắc chị Lêna khi cần gì cứ đến nhà cho bà biết, đừng ngại. Lêna mừng rơn. Chị chẳng quen ai ở Alutrota cả. Thỉnh thoảng chị cùng tôi đi dạo, chị hái ngải cứu và đem phơi trong phòng của chị. Thì giờ còn lại, chị ngồi bó bài tây.

Đó là một người con gái mặt đỏ bồ quân với đôi mắt húp híp, cái nhìn nhân hậu, một người cả tin đến mức không hình dung nổi. Chị tin mọi lời phỉnh nịnh.

Anna Pêtrópna và cô con gái đi rồi, một nỗi buồn man mác xâm chiếm tâm hồn tôi. Trước mắt tôi là viễn cảnh một buổi chiều bất tận. Tôi rất muốn trở lại khu trang trại, nhưng tôi biết rằng đó là điều không thể được.

Vì vậy tôi quyết định tiếp tục tác phẩm của tôi và thế là ngọn đèn được đốt lên, tôi ngồi vào bàn viết. Nhưng đáng lẽ viết một chuyện cổ tích kiểu “*Torixtăng và Ydơ*”, tôi bản thân quay lại sáng tác bài thơ đầu tay của tôi. Tôi quên bài thơ ngay sau đó. Và chỉ còn nhớ được mỗi câu thơ mở đầu:

*Bạn ơi, xin hái lượm cuống hoa mềm yếu
điều...*

Những câu thơ làm tôi thích thú. Tôi sắp sửa viết nhiều hơn nữa, nhưng Lida cúi kính bước vào:

- Để rồi xem, xem em còn giữ trò gì nữa nào! Ai cho phép dầy vò đôi mắt như vậy? Chị cứ tưởng em đã phải lên giường lâu rồi, nào ngờ...

Và chị tắt phụt ngọn đèn.

Cáu tiết, tôi tuyên bố rằng tôi đã đủ lớn để hiểu tôi phải làm gì và tôi đã lỡ nói chị là “đồ thô bạo”. Chị bỏ về phòng, nằm khóc thút thít và với giọng khàn khàn nói vọng sang:

- Để rồi xem, ngày mai chị sẽ cuộc bộ về Kiếp! Mặc xác em muốn làm gì thì làm, tùy thích.

Tôi nằm im. Và chị quay ra lặp lại lời dọa nạt rằng sáng hôm sau, sẽ đánh điện cho má biết hết về hạnh kiểm của tôi. Đối với chị, đánh điện quả là một niềm đam mê, không sai!

Một hồi lâu, chị còn lăm bắm những gì không rõ và cuối cùng chị thở dài:

- Thôi được, ngủ đi. Thấy chưa, ngoài kia gió lên rồi đó.

Một đồng hồ quả lắc tròn treo trên đầu giường. Đêm nào cũng vậy, khi nó buông hai tiếng chuông báo sáng là tôi tỉnh giấc. Đêm hôm ấy, tôi thức giấc như thường lệ và trong khoảng khắc tôi không hiểu điều gì đã xảy ra. Một tia sáng yếu ớt đỏ ngẫu nhấp nháy trên bức tường phòng tôi. Cửa sổ căn phòng nhìn ra biển. Bên ngoài, gió vẫn rít lên

những tiếng gầm gừ đơn điệu. ánh sáng của một đám cháy, lảo đảo trên mặt biển. Đám cháy chiếu sáng những đám mây lớn, thấp lè tè và mặt nước sóng dồi.

Tôi vội vàng mặc quần áo.

- Chị Lida! - Tôi kêu. - Cháy ngoài biển!

Tôi nghe tiếng chị cựa quậy, nháy khỏi giường và cũng hối hả mặc quần áo.

- Quý thân ơi, cái gì có thể cháy trên mặt nước mới được chứ? - Chị hỏi tôi.

- Thế em dậy làm gì?

Còn đang ngái ngủ, chị không thể rõ đầu đuôi chuyện gì xảy ra.

- Em ra biển đây.

- Hãy khoan, chờ chị với.

Hai chị em ra khỏi nhà. Đến đầu hồi, gió quất thẳng vào mặt. Ngọn gió lạnh buốt ép chặt lên người chúng tôi. Vàng hào quang của đám cháy mỗi lúc một dâng cao. Lão gác cổng của chúng tôi, một người Tác ta, đứng bên lối ra vào.

- Một con tàu bị cháy - Lão nói - Biết làm gì bây giờ? Há!

Chúng tôi chạy xuống tận bờ nước. Từ bến cảng, có lẽ từ trạm cấp cứu, vọng đến tiếng chuông. Người ta đứng thành từng nhóm trên bãi cát. Trong bóng tối, tôi lạc mất chị Lida.

Những người dân chài mặc áo tơi và đi ủng kéo trên bãi sỏi một chiếc xuồng và đẩy ra phía bờ nước. Người ta nghe thấy tiếng kêu gáp gáp:

“Hành khách”, “...khoảng hai dặm”, “Giữ chặt đuôi xuồng, cẩn thận kéo lộn nhào đấy!”

Ướt sũng như chuột, cả bọn cùng nhảy vào xuồng và chia nhau tay lái. Chiếc xuồng chồm lên đầu một ngọn sóng và rời khỏi bờ.

Ai đó chạm vào khuỷu tay tôi. Tôi quay lại. Lêna đứng ngay bên cạnh tôi. Ánh sáng yếu ớt của đám cháy soi lên người cô gái.

Tôi nhìn cô, chăm chú chiêm ngưỡng khuôn mặt xin xắn nhưng nghiêm nghị. Đứng trên kè đá, cả hai chúng tôi im lặng. Một quả pháo trắng vụt lên không trung trên mặt biển. Rồi một quả nữa.

- Đội cứu hỏa đã tới, - Lêna nói. - Nếu má không ngăn, mình đã đi cùng đám dân chài rồi. Thật đấy, mình đã có thể đi rồi.

Cô gái ngừng lời, và sau một lát im lặng, cô hỏi tôi:

- Bao giờ cậu đi?

Trống ngực tôi đập thình thình: cách xưng hô gần gũi của cô gái làm tôi ngạc nhiên.

- Có lẽ tám ngày nữa.

- Mình sẽ còn gặp cậu. Mình sẽ cố gắng trở lại sớm hơn.

- Đối với tôi, thời gian chờ đợi sẽ rất nặng nề! -
Tôi trả lời.

Tôi có cảm giác, mấy từ khủng khiếp ấy thốt ra rồi, mặt đất đang trườn khỏi bàn chân tôi.

Cô gái kéo tôi khỏi kè vài bước.

- Nhưng biết làm sao? - Cô thì thầm. - Má đã có vẻ hoảng rồi. Má cũng ở đâu đây, về phía bên tàu. Cậu không giận mình chứ?

- Giận gì?

Cô gái không trả lời.

- Lêna! - Trong bóng tối Anna Pêtrôpna cất tiếng gọi. - Con đâu rồi. Thôi ta về con.

- Mình đi chuyển xe nhanh sớm mai - Lêna thì thầm. - Nhưng cậu đừng tính đến chuyến đi tiễn chân đấy nhé. Tạm biệt.

Cô gái bắt tay tôi rồi quay gót. Tôi nhìn theo. Trong khoảnh khắc, tôi còn nhận ra chiếc khăn trắng cô trùm lên đầu.

Ngon lửa của đám cháy trên mặt biển đã yếu dần. Luồng ánh sáng xanh của một cây đèn chiếu soi trên mặt nước. Đó là một chiếc phóng ngư lôi, tàu “Linh hoạt” đang đến cứu con tàu chở hành khách bị cháy. Tôi gặp lại Lida và hai chị em cùng về.

Tôi vội vàng đi nằm và cố gắng chợp mắt càng nhanh càng tốt để khỏi phải nghĩ về cái điều khác thường và kì diệu vừa xảy ra giữa Lêna và tôi.

Sáng hôm sau, khi chỉ còn một sợi khói mỏng bay lên ở nơi đám cháy lờn lộn đêm hôm trước, tôi quay trở lại bến tàu. Đúng là một chiếc tàu khách đã bốc cháy ngoài khơi. Người ta kể lại rằng một quả lựu đạn đã nổ trong hầm tàu, nhưng người thuyền trưởng đã kịp ghé con tàu vào những vách đá gần bờ.

Sau khi nghe tin ấy, tôi bỏ đi một đoạn khá xa theo hướng Yanta. Trước đó khoảng một giờ, trên chuyến xe nhanh, Lêna cũng đã đi lối này. Tôi trèo lên chiếc lan can nhìn xuống biển thẳm và ngồi lại đây khá lâu, đôi bàn tay giấu trong ống tay chiếc áo khoác.

Tôi nghĩ về Lêna và tìm tôi đập nặng nề. Trong ký ức, tôi tìm lại được mùi hương của mái tóc, sự vuốt ve của hơi thở nhẹ, đôi mắt xám xao động, vành cung thanh tú của cặp lông mày. Tôi không hiểu cái gì xảy ra với tôi. Một cảm giác chán chường ghê gớm xiết chặt lồng ngực và tôi đã khóc.

Tôi chỉ có một niềm khát vọng: được luôn luôn trông thấy Lêna, nghe giọng nói của cô, được ở ngay bên cạnh cô.

Tôi sắp sửa rời khỏi chỗ này và định đi bộ, ngay tức khắc, về Yanta. Nhưng tiếng nghiêng rặng ken két của một chiếc xe kéo vọng tới từ phía chỗ rẽ của con đường. Tôi vội vàng lau nước mắt, quay mặt đi và giả vờ ngắm nhìn biển cả. Nhưng nước

mắt vẫn rần rụa, làm tôi chẳng trông thấy gì trừ một tia sáng xanh, sắc như một lưỡi gươm.

Tôi cảm thấy lạnh buốt và không tìm nổi một nỗi lo sợ run người đang xâm chiếm cả cơ thể tôi.

Bác nông dân già đội mũ rơm rộng vành đang đánh chiếc xe, dừng ngựa và bảo tôi:

- Lên xe đi cháu, bác sẽ đưa cháu về tận Alutrota.

Tôi trèo lên xe. Ông lão ngoái cổ lại liếc nhìn tôi và hỏi:

- Có phải cháu ở trại trẻ mồ côi đó không, cháu?

- Thưa không, đây là đồng phục của học sinh trung học bác ạ - Tôi trả lời.

Những ngày cuối cùng của tôi ở Alutrota rất đẹp nhưng cũng rất buồn. Thời gian còn lại ở một nơi mà người ta không muốn dứt áo ra đi bao giờ chẳng thế.

Từ ngoài khơi, sương mù tràn vào thành phố. Bãi cỏ khô trước nhà nghỉ của chúng tôi thỏa thích uống no hơi ẩm. Ánh nắng chỉ có thể xuyên qua làn sương ấy một cách yếu ớt. Chị Lida nhóm lò bằng những khúc gỗ keo màu vàng.

Cây cối bắt đầu trút lá. Nhưng lá cây ở đây không rụng vàng như ở Kiếp quê tôi mà được trang điểm bằng một màu xám dịu dịu và những tia gân tím tím.

Những con sóng thì thâm từ trong mù sương nhẹ bước đi ra, hôn lên bờ cát rồi lặng lẽ rút lui để rồi lại lặng lẽ trở về với sương lạnh. Những con cá ngựa chết phơi mình khắp nơi trong đám đá sỏi trên bãi biển.

Những đám mây quần quýt trên đỉnh hai ngọn núi Satiada và Bôbungan Iaila. Những đàn cừ từ trên sườn đồi lưng thũng đi xuống. Máy con chó săn đã biến thành hoang dã chạy lảng xảng sau đàn cừ, nghiêng ngó ném những cái nhìn nghi hoặc. Trong sương mù mùa thu ấy, cảnh vật im ắng, tĩnh mịch đến nỗi đứng trên ban công, tôi có thể nhận ra những tiếng nói từ thành phố nhỏ vọng tới. Trên những quầy thịt rán ngoài chợ, từ những lò than bốc lên một mùi ngậy ngậy của mỡ cừu nóng bỏng và mùi thịt la nướng.

Sáng thứ hai, chị Lida phải đi rồi. Chị đã thuê một người xà ích để đưa chúng tôi đến tận Ximphêrôpôn.

Tôi chờ gặp lại Lêna vào ngày thứ bảy tới. Nhưng cô ấy không về. Tôi tha thân đi đi lại lại quanh vườn nho, không một bóng người. Sáng chủ nhật, cô ấy vẫn vắng bóng. Tôi đi ra bến xe. Bến xe hiu quạnh.

Lo lắng, tôi quay trở về. Chị Lida đưa cho tôi một phong thư.

- Một thằng nhóc đem đến cái này cho em, - Chị nói - chắc là của bà ấy. Họ bảo em đến chia tay chứ gì. Nhất định em phải đến. Họ là những người thật dễ mến.

Tôi lần sâu vào khu vườn, xé chiếc phong bì và lấy ra một dải giấy hẹp mang dòng chữ: “Sáu giờ, em chờ gần ba cây ngô đồng - Lêna”.

Tôi có mặt ở chỗ hẹn không phải lúc sáu giờ mà từ lúc năm giờ. Đó là một nơi hiu quạnh. Dưới lòng một thung lũng sỏi đá gần một dòng suối cạn, có ba cây ngô đồng. Xung quanh, mọi vật đã úa tàn. Tuy nhiên, đó đây vẫn còn vài cây uất kim hương hoa rụng. Có thể xưa kia nơi đây là một công viên. Một cây cầu nhỏ vắt qua dòng suối. Dưới một gốc cây, có một chiếc ghế dài cũ kỹ, chân ghế hình sư tử bằng gang han rỉ.

Tôi đến trước giờ hẹn, thế mà Lêna đã ở đấy rồi. Cô ấy ngồi đó, hai tay bó gối. Chiếc khăn choàng trắng trôi từ mái tóc xuống vai.

Khi tôi đến gần chiếc ghế ngồi, cô quay lại.

- Anh không hiểu gì cả, - Cô nói và nắm lấy tay tôi - Thôi, bỏ qua đi, em nói quàng nói xiên ấy mà.

Cô đứng dậy và nở một nụ cười như người có lỗi. Mái đầu hạ xuống, cô cúi nhìn trong khi tôi vẫn ngồi yên trên ghế.

- Má mắng em là dở hơi. Thôi cũng được, chả sao. Vĩnh biệt!

Lêna nắm lấy vai tôi, kéo tôi lại và đặt lên môi tôi những cái hôn nồng nàn, rồi đẩy tôi ra và nói:

- Và bây giờ thì anh đi đi! Đừng quay lại nữa! Em van anh đấy, đi đi anh!

Những giọt nước mắt lưng tròng nhưng chỉ có một giọt là từ từ lăn xuống và để lại trên má một vệt dài mảnh mai và ẩm ướt.

Tôi bước đi vài bước. Nhưng làm sao cưỡng nổi sự cám dỗ rủ rê kéo tôi quay gót. Lêna đứng dậy, tựa lưng vào gốc cây ngô đồng, đầu hơi ngẩng lên cứ như bị sức nặng của những chiếc đuôi sam kéo lại phía sau và cô ấy nhìn tôi.

- Đi đi anh! - Cô ta kêu lên, giọng lạc hẳn đi. - Chúng mình lần thẩn quá đi mất thôi!

Và thế là tôi bỏ đi. Trời đất tối sầm lại; ông mặt trời đã lặn về phía bên kia dãy núi Canxtan. Một làn gió nhẹ từ ngọn Bôbugan Iaila thổi tới, những chiếc lá khô xào xạc trên cành.

Tôi không hiểu rằng tất cả thế là đã hết, tất cả. Với những nguồn cơn không tài nào cắt nghĩa được, thế là cuộc đời đã tước đi những gì đối với tôi có thể là một nguồn hạnh phúc. Lâu lắm, mãi sau này tôi mới hiểu điều đó.

Sáng hôm sau, chị Lida và tôi lên đường đi Ximphêrôpôn.

Mưa rơi trong những khu rừng bên kia dãy núi

Satiada. Suốt dọc đường đến tận Kiép, mưa quất mạnh vào các khung cửa kính toa xe.

Ở nhà, hình như không một ai nhận ra là tôi đã về. Có một điều gì đó thật đáng buồn đã ập đến gia đình chúng tôi. Nhưng tôi chưa biết rõ cái gì đã xảy ra.

Thậm chí tôi còn rất mừng là người ta không để ý đến tôi. Tôi nghĩ hoài về Lêna, nhưng không dám cầm bút viết cho cô ấy.

Mãi sau này, cho đến năm 1928, tôi mới có dịp trở lại bán đảo Crum và lúc đó, tất cả những gì đã xảy ra giữa Lêna và tôi chỉ còn là kỷ niệm, chúng không dấy vò tôi nữa mà chỉ làm cho tôi thêm băng khuâng, mơ mộng. Nhưng ai là người trong đời lại chẳng một lần trải qua những giấc mơ? Thế thì bàn tới phỏng có ích gì?

ĐẮM TÀU

Sau chuyến đi Crum trở về, trong gia đình chúng tôi, cái gì cũng bị đảo lộn tùng phèo. Ba tôi đã có một cuộc xung đột không thể nào hòa giải được với viên giám đốc của công ty đường sắt và buộc phải bỏ việc. Thế là, dùng một cái toàn bộ cuộc sống thanh bình êm ấm bỗng chốc đã tan tành mây khói.

Chúng tôi chia tay với đường phố Nicônxki - Bách Thảo và dọn đến ở ngõ hẻm Nhà Hầm. Cứ như một trò trên người, nơi trú ngụ của chúng tôi giờ đây chẳng khác gì một cái hầm tối.

Tùng tí từng tí một, má tôi đã phải bán dần đồ đạc trong nhà. Mà cũng chỉ vậy chúng tôi mới có thể lay lắt sống qua ngày. Tùng tốp từng tốp, những con người tầm ngấm tầm ngấm đội những chiếc mũ axtrakhan lần lượt xuất hiện càng ngày càng nhiều trong căn hộ tăm tối và ẩm thấp của chúng tôi. Những cặp mắt chồn hạt dẻ lấm la lấm lét soi mói những bàn ghế, giường tủ, những bức

họa, và cả những bộ đồ pha lê sành sứ chúng tôi đã bày hết lên mặt bàn. Với một giọng lưỡi đầy thuyết phục, họ thì thầm cò kè bớt một thêm hai với má rồi cuối cùng trở gót bỏ ra đi. Vài giờ sau, một chiếc xe bò lạch cạch vào sân. Nó cuỗm đi khi thì một cái tủ đựng quần áo, khi thì một chiếc bàn, lúc thì cái giá gương cùng với tấm thảm.

Trong nhà bếp, đôi khi mới sáng tinh sương chúng tôi đã bắt gặp một người Tácta chụp lách trên đỉnh đầu một chiếc mũ calô. Chúng tôi gọi gã là “tấm thảm giẻ rách”. Ngồi xồm trên nền nhà, anh ta giăng những tấm dạ, những chiếc quần, những tấm áo vét cũ của ba tôi lên ngược chiều ánh sáng và ngửa mặt xem xét rất kỹ.

“Tấm thảm giẻ rách” mặc cả hồi lâu, bỏ đi, rồi sau đó quay lại. Những lúc như vậy, má thường tỏ ra rất khó chịu cho đến khi cuối cùng người kia rút từ trong túi ra một chiếc ví căng phồng và, với những ngón tay đã được liếm nước bọt, đếm đi đếm lại, rồi quật xuống bàn tay mà má đưa ra cho anh ta một vài tờ giấy bạc cẩu ghét dầu mỡ.

Ba tôi không mấy khi có mặt ở nhà. Ba thường bỏ đi rất sớm và đến tận khuya mới về khi cả nhà đã ngủ. Ba đã đi những đâu? Chúng tôi không ai biết. Có lẽ ba đi tìm việc làm.

Má già nhanh trông thấy, mặt mũi bơ phờ, ngày

càng có nhiều những lọn tóc xám rũ xuống trán.

Bôria đã bỏ chúng tôi, dọn đến khu “Tiến bộ” thuê một căn phòng đồ đạc sơ sài gần nhà ga, nói là để được gần trường Đại học Bách khoa hơn. Thực tế, anh ấy đã ra đi vì hai cha con, ba và Bôria, ngày càng không hiểu nhau. Anh ấy nghĩ ba chính là người gây ra cảnh quần bách cho gia đình và nói rằng không thể sống nổi trong bầu không khí ám đạm ma quái của ngõ hẻm Nhà Hầm. Anh ấy kiếm sống bằng nghề dạy tư, nhưng không có khả năng dỗ dành chúng tôi. Đima cũng dạy học, anh ấy đã trở thành giáo viên phụ đạo, dạy kèm.

Còn tôi, tôi còn quá trẻ nên chẳng dạy dỗ ai được gì. Galia thì sao? Chị ấy cận thị đến nỗi chẳng làm được gì ngoài việc giúp đỡ má dọn dẹp nhà cửa. Và chúng tôi đã buộc lòng phải chia tay với chị Lida.

Một buổi sáng, người gác cổng đưa đến chỗ chúng tôi một ông già cau có, gầy như mồi. Đó là một mồi tòi. Lão tịch thu toàn bộ đồ đạc còn lại của chúng tôi bán lấy tiền để thanh toán những khoản nợ mà ba đã vay mượn mà không cho chúng tôi biết. Giờ đây khi mọi chuyện đã vỡ lở, ba sẵn sàng nhận bất cứ việc gì, miễn là có việc làm. Và thế là ba đã ra đi, nhận một chỗ làm hết sức tầm thường ở một nhà máy lọc đường không xa Kiép là mấy.

Từ đó, ở nhà chỉ còn lại ba mẹ con. Gia đình chúng tôi thế là li tán. Tôi hiểu rất rõ tình cảnh ấy. Đối với tôi đây là một nỗi bất hạnh lớn lao, đặc biệt là sau những gì diễn ra ở Crum, sau những ngọt ngào của mối tình ngắn ngủi và đượm buồn của tôi với Lêna, sau thời thơ ấu êm đềm và vô tư của tôi.

Đều đặn hàng tháng, cậu Nicôla gửi tiền cho má. Lần nào nhận tiền má cũng tủi thân trào nước mắt.

Một hôm, tình cờ tôi thấp thoáng trông thấy má trong tiền sảnh phòng làm việc của ông hiệu trưởng. Tôi lao về phía má, nhưng má đã quay đi và tôi hiểu rằng má không muốn tôi biết rằng má có mặt ở đây.

Má đến đây làm gì? Tôi phân vân nhưng không dám hỏi má. Chúng tôi vừa có một hiệu trưởng mới. Đó là thầy Têretrencô. Ông đến thay thầy Bexmetnui. Đó là một người hơi trán, lùn tịt với một mái tóc cứ như phết bơ (rõ ràng ông có quyền được nhận cái tên “Máy Đánh Kem”). Vài ngày sau, một hôm tình cờ ông bắt tôi dừng lại trong hành lang và nói:

- Nhờ em nói với má là Hội đồng giáo viên đã chấp thuận thỉnh cầu của bà và miễn học phí cho em và cả cho anh em. Nhưng em phải nhớ rằng chỉ có những học trò ngoan mới được hưởng đặc ân

ấy. Vì vậy thầy khuyên em cố gắng học hành chăm chỉ.

Đó thật sự là nỗi tủi nhục đầu tiên của tôi. Về đến nhà, tôi nói với má:

- Đima và con đã được miễn học phí. Tại sao má phải đến gặp thầy hiệu trưởng?

- Má không thể làm khác được – má thì thâm – Con muốn bị đuổi khỏi trường sao.

- Con đã có thể tự kiếm sống được rồi.

Lúc ấy, lần đầu tiên trong đời, tôi bỗng thoáng nhận ra vẻ hoảng hốt trên nét mặt của má, cứ như má vừa bị một cú sốc đột ngột.

- Đừng tự ái con à, - má cúi đầu nói với tôi. Lúc ấy má đang ngồi khâu vá cạnh một cái bàn - Má nỡ lòng nào để con phải tự kiếm ăn!

Và, má òa lên nước mắt.

- Làm sao con hiểu được má thương các con đến chừng nào, đặc biệt là con. Có sao ba các con đã có thể hành động một cách nhẹ dạ, thiếu suy nghĩ như vậy? Tại sao mới được chứ?

Gần đây, mỗi khi nhắc tới ba, má chỉ dùng đại từ “ông ấy” hoặc “bố các con”. Má khóc nước mắt, đầu gục xuống chiếc áo dài sờn cũ. Vài mẫu vải vụn và những sợi chỉ trắng rải rác bám quanh người má.

Cuối cùng má đã bán hết sạch tất cả những gì còn lại của chúng tôi. Căn phòng trở nên ẩm ướt,

trống rỗng và tiêu tụy. Một làn ánh sáng trắng bệch, ảm đạm qua các khung cửa sổ dội xuống sàn nhà. Ngoài kia, thấp thoáng những bàn chân kéo lê những chiếc ủng, những đôi giày cao cổ đủ loại. Tiếng lép nhép qua lại liên miên của những bước chân vấy đầy bùn đất đầu mùa đông kia khiến chúng tôi không sao tập trung tư tưởng được và làm chúng tôi rất khó chịu. Những con người lạ mặt kia cứ như qua qua lại lại và đem theo cái giá buốt vào ngay căn phòng mà không thềm đếm xỉa gì đến chúng tôi.

Giữa mùa đông, má nhận được một lá thư của cậu Nicôla. Lá thư khiến má rất hoang mang.

Buổi tối, khi tắt cả chúng tôi người nào việc ấy, im lìm vây quanh chiếc bàn tròn dưới ánh sáng của ngọn đèn duy nhất mà chúng tôi còn giữ được, má cho chúng tôi biết rằng cậu Nicôla đã khẩn khoản mời chúng tôi đến ở nhà cậu một thời gian. Cậu cũng đã xin nhập học cho tôi ở trường trung học Brianxơ. Cậu nói đó là điều tuyệt đối cần thiết chừng nào ba tôi chưa kiếm được một việc làm hẳn hoi và vẫn chưa trở lại gia đình.

Galia ngược mặt lo sợ nhìn má. Còn Đima thì ngồi im.

- Ba các con sẽ chẳng bao giờ trở lại với chúng ta nữa, - má khẳng định với một vẻ rất kiên quyết. -

Ông ấy đã có những môi ràng buộc khác rồi. Đó chính là lý do tại sao ông ấy nợ nần như vậy và đã dồn chúng ta đến nông nỗi này. Và lại má cũng không muốn ông ấy quay về nữa. Thôi nhé, má không muốn nghe nhắc tới chuyện này nữa, không bao giờ.

Rồi má ngồi im phăng phắc hồi lâu, môi mím chặt.

- Thôi nhé, quên đi – cuối cùng má nói – nhắc lại chẳng ích gì. Chúng ta phải làm gì với Côxtích bây giờ?

- Đơn giản quá, - Không nhìn má, Đima nói. Đối với Đima mọi chuyện bao giờ cũng rất đơn giản. - Năm nay con sẽ tốt nghiệp trung học và sẽ vào Đại học Bách khoa Mátxcova. Chúng ta sẽ bán hết mọi thứ. Má à, má và Galia sẽ đi Mátxcova ở với con. Rồi chúng ta sẽ xoay sở được thôi. Còn Côxtích thì chỉ việc đến ở với cậu Nicôla một thời gian.

- Thế sao được? - Galia kêu lên, vẻ xúc động – làm sao nó có thể xa chúng ta được? Tại sao phải mỗi người một ngả?

Tôi cúi đầu cảm lạnh ngời đó, bàn tay run rẩy vạch lên một trang giấy những bông hoa và những vòng tròn. Thời gian gần đây, mỗi khi có chuyện buồn, tôi thường có thói quen lơ đãng nguệch ngoạc lên bất cứ cái gì có trước mặt những hoa văn phức tạp khó hiểu.

- Đừng vẽ bậy nữa con! - Má nói, vẻ khó chịu -
Má không hiểu con cứ tùm tùm cái gì mới được chứ!
Con nghĩ gì vậy?

- Con có tùm tùm gì đâu, - tôi áp úng trả lời má,
nhưng quả thật một nụ cười méo mó có thấp
thoáng trên môi tôi. - Chỉ có điều...

Rồi tôi im bặt và lại tiếp tục vẽ. Tôi không thể
dừng lại được.

- Côxtích, con trai bé bỏng của má, - bỗng nhiên
má nói với một giọng khan trầm, - sao con chẳng
nói gì vậy?

- Vâng..., - tôi ngập ngừng. - Vâng, con sẽ đi...
nếu cần...

- Vậy là tốt nhất, - Đima khẳng định.

- Vâng... Tốt nhất là vậy... tất nhiên - tôi nói
một cách băng quơ.

Tất cả thế là sụp đổ. Tôi cảm thấy mình hoàn
toàn bất lực và trước mắt tôi chỉ còn lại một nỗi cô
đơn da diết, xé lòng.

Tôi rất muốn nói với họ rằng không nhất thiết
cứ phải gửi tôi đi Brianxơ, rằng tôi có thể đi dạy
học chẳng kém gì Đima và thậm chí còn có thể
giúp đỡ gia đình, rằng tôi rất đau lòng và không
sao xua đuổi được cái ý nghĩ rằng những người
thân đã ruồng bỏ tôi. Nhưng tôi rất ghen ngào và
miệng tôi cứng lại khiến tôi không thể thốt ra
thậm chí lấy một lời và tôi vẫn câm lặng.

Trong khoảnh khắc, tôi nảy ra ý định ngay sáng sớm hôm sau sẽ trốn đi tìm ba tôi. Nhưng ý nghĩ ấy vừa thoáng qua đã tan biến ngay và thay vào đó vẫn là cái cảm giác cô đơn trống trải khôn lường.

Cuối cùng tôi ráng đem hết sức bình sinh để miễn cưỡng nói rằng tôi đồng ý và thậm chí cảm thấy hài lòng được đi Brianxơ, nhưng ngay lúc này thì chưa được vì tôi rất đau đầu và phải đi nằm.

Khi đã vào được căn phòng lạnh lẽo nơi tôi sống chung với Đima, tôi vội vã cởi phăng áo ngoài, chui vào chăn và trùm kín đầu, nghiêng chặt hai hàm răng và nằm bất động trong tư thế ấy hầu như suốt cả đêm. Má rón rén vào phòng, thì thầm gọi tôi, nhưng tôi giả vờ ngủ. Má lấy chiếc áo capốt học sinh của tôi đắp thêm lên tám chăn rồi bỏ đi.

Công việc chuẩn bị để tôi lên đường kéo dài đến tận tháng mười hai. Tôi rất buồn vì phải chia tay với ngôi trường thân yêu, với bạn bè và phải bắt đầu một cuộc sống mới không có gì là thích thú lắm, tôi biết vậy.

Tôi viết cho ba tôi rằng tôi đang chuẩn bị lên đường đi Brianxơ. Tôi khắc khoải chờ đợi rất lâu nhưng tôi chỉ nhận được thư trả lời của ba hai ngày trước khi tôi lên đường.

Từ trước đến nay, trên đường từ trường về nhà, tôi thường tạt qua một bãi trống sau Nhà Hát

Nhạc Kịch. Bao giờ tôi cũng cùng đi với hai bạn, Xtanixdépki và Matuxiêvích.

Một hôm, chúng tôi gặp một người đàn bà đi ngược chiều chúng tôi. Bà ta không cao lớn lắm, một chiếc khăn trùm khá dày che kín khuôn mặt. Bà ta đi lướt qua chúng tôi rồi dừng lại và đưa mắt nhìn theo chúng tôi.

Hôm sau đó chúng tôi lại gặp bà ta cũng ngay ở chỗ cũ. Bà ta tiến thẳng về phía tôi và hỏi.

- Xin lỗi, anh là con trai Ghêócghi Maximôvích phải không?

- Vâng, thưa bà, đúng vậy?

- Vậy tôi cần nói chuyện với anh.

- Được ạ, thưa bà, - tôi trả lời, mặt mũi đỏ bừng.

Các bạn tôi hiểu ý bỏ đi. Họ giả vờ không để ý đến cuộc gặp tình cờ ấy và thậm chí không ngoái cổ lại.

- Giêócghi Maximôvích nhờ tôi, - người đàn bà nói lấp bắp và cuống quýt lục lọi tìm cái gì đó trong chiếc túi, - chuyển cho anh lá thư. Hẳn anh cũng hiểu, ông ấy muốn lá thư được trao tận tay... Xin lỗi, tôi phải nói với anh rằng... tôi không thể không giúp. Tôi nhận ra anh ngay. Anh rất giống cha. Thư đây.

Bà ta đưa cho tôi một phong thư.

- Anh sắp rời Kiép phải không? - Bà ta hỏi.

- Vâng, vài ngày nữa.

- Tiếc quá nhỉ. Đáng lẽ đã không có chuyện này.

- Bà sẽ gặp lại ba tôi chứ, thưa bà?

Bà ta im lặng gật đầu.

- Nhờ bà hôn ba tôi hộ tôi, - tôi buột miệng - Ba rất... rất tốt.

Tôi thật sự muốn bảo bà ta hãy hết lòng yêu quý ba tôi, hãy hết sức dịu dàng đối với ba, nhưng tôi chỉ có thể lặp lại: “Ba rất tốt”.

- Thế sao? – Người đàn bà thốt lên. – Và bà ta bật cười, đôi môi hé mở. Tôi thoáng trông thấy hai hàm răng rất trắng và ươn ướt. – Cảm ơn!

Bà ta siết chặt tay tôi và vội vã bỏ đi. Chuỗi hạt reo lạnh canh trên cổ tay.

Cho đến tận hôm nay tôi vẫn chưa được biết tên tuổi của người đàn bà kia. Tôi sẽ chẳng bao giờ được biết. Chỉ riêng mình má biết được nhưng má đã đem điều bí mật kia theo má xuống mồ.

Với giọng nói tiếng cười của bà và cả tiếng reo lạnh canh của chuỗi hạt trên cổ tay của bà, người phụ nữ kia làm tôi nhớ lại người thiếu phụ tôi đã gặp ở nhà ông già Trécpunốp. Nếu không vướng cái mạng che mặt khá dày kia, có thể tôi đã nhận ra con bướm công ngày của xứ Boóc-nê. Đến tận hôm nay tôi vẫn còn bị dẫn vật bởi cái ý nghĩ rằng bà ta chính là người thiếu phụ đãi tôi cốc sôcôla ở hiệu bánh ngọt Kiécsohem ngày ấy.

Lá thư ba viết cho tôi rất ngắn. Ba tha thiết mong tôi hãy dũng cảm hiên ngang đương đầu với mọi thử thách.

“Có thể một ngày nào đó cuộc đời sẽ hơn hờ mỉm cười với chúng ta và lúc ấy ba có thể giúp đỡ được con. Ba vẫn vững tin rằng rồi đây trong cuộc đời con sẽ vươn tới được những hoài bão của mình và sẽ trở thành một con người chân chính. Hãy nhớ lấy lời khuyên mà có lần ba đã thổ lộ với con (có bao giờ ba ép uổng con phải nghe theo lời khuyên của ba đâu): đừng bao giờ đánh giá con người qua những ấn tượng ban đầu, trước khi am hiểu tường tận mọi cảnh huống xui khiến người ta có một hành động nào đó, trước khi có đầy đủ từng trải để hiểu hết những điều mà đương nhiên, giờ đây con chưa thể hiểu được. Mong con mạnh khỏe, hãy viết cho ba và nhất là đừng tự dằn vặt dày vò”.

Má và Galia đưa chân tôi ra ga. Con tàu rời Kiếp lúc sáng sớm. Đima không thể nghỉ học. Trước khi đến trường, anh ấy đã ôm hôn tôi nhưng chẳng nói năng gì. Má và Galia cũng vậy, không ai hé răng nói nửa lời.

Má bị lạnh. Má vẫn giấu bàn tay trong chiếc vòng ủ ấm bằng lông thú. Galia bám theo má. Một vài năm trở lại đây, tạt cận thị của chị ấy ngày càng đáng lo ngại hơn. Bao giờ chị cũng nơm nớp lo

sợ bị lạc, trong đám đông và tiếng rú của những đầu máy xe lửa thường làm chị ấy giật mình. Má chúc phúc cho tôi, hôn tôi với làn môi tao nhã và băng giá của má, nắm lấy tay áo và kéo tôi sang một bên để thăm thì:

- Má biết con rất đau lòng và giận mọi người. Nhưng con, ít nhất là con, cần hiểu rằng, bao giờ má cũng hết lòng che chở con, không để con phải khốn khổ và đau buồn. Vì vậy và chỉ vì vậy má mới chịu để con đến ở nhà cậu con.

Tôi nói với má rằng tôi rất hiểu má và có giận gì má đâu. Tôi đã thốt lên những lời lẽ thường tình nhưng thật vậy trái tim tôi đã băng giá và tôi chỉ mong con tàu lăn bánh càng sớm càng hay và cuộc chia tay đau lòng này càng chấm dứt sớm càng tốt.

Không còn nghi ngờ gì nữa tôi đã thật sự từ giã má sớm hơn nhiều vào cái đêm khi má đắp thêm cho tôi chiếc áo capôt học trò trên tấm chăn của tôi.

Con tàu rùng mình và từ từ lăn bánh nhưng qua cửa sổ tôi không thấy má mà cũng chẳng thấy Galia đâu: đám mây hơi nước dày đặc của đầu tàu đã không để cho tôi trông thấy sân ga và đám người tiễn đưa.

Tim tôi mỗi lúc một thêm se lạnh, chính cái se lạnh thường thấy trong một toa tàu mùa đông chỉ

được sưởi ấm bằng những giọt ánh sáng yếu ớt. Một làn gió nhẹ nhưng buốt như kim châm lọt qua những khung cửa sổ. Tôi bắt gặp những bình nguyên tuyết phủ dày đến ngao ngán. Tôi rất muốn chợp được một giấc nhưng cái ngủ chẳng chịu đến cho. Tôi trầm ngâm ngắm nhìn ánh sáng vàng vọt của ngọn nến trong chiếc đèn lồng. Một làn gió nhẹ uốn cong cứ như đang tìm cách dập vùi cái lưới ánh sáng yếu ớt kia nhưng vẫn không sao thủ tiêu được nó. Bỗng nhiên tôi nhận ra một điềm lành: nếu ngọn đèn không tắt, điều có nghĩa là cuộc đời vẫn còn dành cho tôi một cái gì đó tốt lành. Và cái lưới lửa kia đã ngoan cường chống chọi cho đến sáng. Nó vẫn không tắt. Điều đó an ủi tôi đôi chút.

Tôi đến được Brianxơ lúc sáng tinh mơ. Trời lạnh đến nỗi cả một bầu không khí nào nùng rên xiết cùng với tiếng nghiến răng ken két của những đôi ủng. Khắp nơi sương giá nghi ngút cố bám vào mặt đất như những làn khói mỏng. Trên từng cao hừng hực màu lửa một mặt trời băng giá cháy bùng như một ngọn đuốc.

Người ta đã đem những con ngựa đi đón tôi. Một chiếc áo lông cừu, một chiếc mũ lông và những chiếc bao tay đợi tôi trong cỗ xe trượt. Tôi quấn kín người, thu lu trong bộ y phục mùa đông. Những

con ngựa vọt phi nước đại. Chúng tôi dẫn sâu vào giữa đám bụi tuyết lấp lánh dọc theo sân ga rồi sau đó lao thẳng xuống mặt băng của dòng sông Dexna. Những cái chuông của cỗ xe tứ mã rung lên như diên đại. Xa xa, trên một ngọn đồi một góc sỏi già đơn độc với đám lá cành xù lông băng giá và những nhũ đá tuyết rủ lấp lánh chẳng khác gì một thú đồ chơi bằng giấy của trẻ em.

Cỗ xe dừng lại gần một ngôi nhà bằng gỗ trên sườn một quả đồi. Tôi bước lên những bậc thêm trước cửa. Cánh cửa bật mở. Mợ Maruxia tóm lấy tay áo, kéo tôi vào phòng ăn, nơi những vệt nắng đang tung tăng trên sàn, và bắt tôi nuốt hết nửa cốc vang hồng. Lưỡi tôi hầu như co lại vì lạnh. Tôi không thể nói được.

Trong ngôi nhà của cậu Nicôla cái gì cũng tung bừng reo vui. Chiếc ấm xamôva đang phì phò kéo bễ, con chó *Xung kích* rồi rít sủa âm ỉ, mợ Maruxia mặt mày rạng rỡ, những tia lửa lép bép bắn ra từ bếp lò.

Lát sau, cậu tôi từ Binh Công Xưởng về. Cậu vốn vã ôm hôn tôi rồi cứ vai tôi rung mãi.

- Cái cốt lõi là cháu không được nản chí! Và như vậy cậu cháu ta còn có thể làm được những điều kinh thiên động địa!

Như một lẽ thường tình, tôi cảm thấy bắt đầu

ấm lên trong ngôi nhà hiếu khách này. Ký ức của tôi dần dần đẩy lùi mỗi lúc một xa hơn nữa những kỷ niệm không vui cứ như nó đang cắt bỏ những phần đã sờn cũ của một tấm vải, chỉ còn giữ lại những miếng tốt lành để ghép lại thành một mảnh chần êm: mùa thu ở Crum và cái mùa đông Nga vang vang những âm thanh vui vẻ kia.

Tôi cố gắng xua đi những ý nghĩ về những gì vừa xảy ra ở Kiép. Tôi thích hồi tưởng lại Alutrota, về ba, gốc tiên huyền và Lêna. Cuối cùng tôi đã có thể viết được cho Lêna một lá thư. Một lá thư mà cuối cùng tôi đã không đủ dũng cảm để gửi đi. Tôi có cảm giác lá thư viết dở lắm. Viết một lá thư khác thông minh hơn được không? Mặc dù đã hết sức cố gắng, tôi đã không viết nổi một lá thư như vậy.

MỘT MÌNH TRÊN ĐƯỜNG LỚN

Thế là cuối cùng những giây phút kia đã đến, những phút giây đem lại những tín hiệu đầu tiên của sự vàng úa, héo tàn.

Sau ngôi nhà của cậu Nicôla, trên sườn dốc của một lũng hẹp trải ra một vườn cây ăn quả nơi những gốc táo già nua đang khom lưng chống gối ịch bò lên. Những thân cây xương xẩu của chúng và cả cái bờ dậu xiêu vẹo phủ đầy rêu địa y.

Lâu nay, ngoài tôi ra, chẳng ai thêm đặt chân vào mảnh vườn ấy.

Tôi đem theo một quyển vở học trò, nằm ngay xuống nền đất và bắt đầu làm thơ. Nếu tôi nhớ không sai, đó là những câu văn khá ngớ ngẩn. Qua những dòng chữ có vần kia, tất cả bị nhấn chìm trong một nỗi buồn man mác vô cớ.

Những con kiến li ti xúm nhau kéo lê một xác ong vàng, vẽ hót hải mai miết chạy qua những dòng thơ của tôi. Vài nhánh cây khô từ trên cành

rụng xuống những trang viết.

Bầu trời trong veo mặc dù khoác một màu xanh dương khá đậm, lấp lánh trên đầu những cụm táo già nua. Trên chín tầng không, những ngọn gió mãi miết đuổi nhau, dồn hàng núi mây về phía bên kia dòng sông Dexna. Một hôm, chẳng hiểu tại sao tôi chợt nảy ra ý định ngộ nghĩnh thử đếm những đám mây kia. Nhưng chỉ đếm được hai trăm, tôi đã phải bỏ cuộc. Chúng đã làm tôi quá mắt.

Sứ giả của mùa thu đang trở lại khi thì là một chiếc lá vàng rơi bị lãng quên trên một chiếc ghế dài, lúc thì đó là một chú sâu đo màu xanh lục cheo leo trên một sợi dây mỏng manh đang xuống dần ngay trên đỉnh đầu tôi.

Tôi nuối tiếc mùa hè đang khăn gói ra đi. Chúng tôi đã sống suốt mùa hè ở Brianxơ. Tôi thường đến Bình Công Xưởng thăm cậu tôi làm việc trong phòng thí nghiệm của cậu hay ở lò rèn.

Tôi thích quan sát chiếc búa máy dùng hơi nước khi nó đang âm âm lên lên xuống xuống. Chính ngay bên cạnh cỗ búa máy này tôi đã được nghe đại úy Ivanốp kể một câu chuyện rất khác thường: bằng một chiếc búa chày nặng một tấn rưỡi, một thợ rèn của nhà máy Ôbukhốp đã tách được vỏ một quả hạnh nhân đặt trên đáy một chiếc cốc pha lê úp sấp. Thao tác của ông ta cực kỳ nhẹ nhàng khéo léo đến mức cái cốc không hề suy xuyên.

Tôi yêu quý Bình Công Xưởng, những kiến trúc thấp lùn của nó được dựng lên từ triều đại Nữ hoàng Catêrin Đệ Nhị, những mảnh sân phủ đầy thảm cỏ và ngổn ngang những chiếc khuôn đúc bằng gang, những khóm tử đinh hương đung đưa dọc theo chân tường của các xưởng thợ, những ống xi lanh của những cỗ máy hơi nước cũ bằng đồng loang loáng dầu mỡ, mùi cồn của các phòng thí nghiệm, những công nhân xưởng đúc, những bác thợ rèn râu ria lởm chởm và cả tia nước phun phớt xanh vọt lên từ một miệng giếng phun ở gần bờ đậu.

Phải chia tay với tất cả, phải giã từ Brianxơ, phải nuối tiếc ngôi nhà ấm cúng của cậu Nicôla, và có thể là phải nói lời vĩnh biệt với cảnh với người, có thể như thế được sao?

Mùa thu tới, tôi sẽ phải trở lại Kiép. Đó là quyết định của cuộc hội ý chớp nhoáng của gia đình tại nhà ga Brianxơ nhân dịp má tôi ghé qua. Má đang trên đường đi Mátxcova cùng với Galia và Đima. Tôi đã ra ga hôn chào má. Cậu Nicôla và mợ Maruxia đưa tôi đi.

Má già nhanh trông thấy. Má nói chuyện với cậu em trai bằng một giọng lạc hẳn đi cứ như má đang tìm cách tự bào chữa vậy.

Galia thì gần như mù hẳn và trở nên nghẽn ngãng. Chị ấy mang một cặp kính đôi trông đầy

như đít chai. Mỗi khi ai đó nói với chị, chị đảo mắt rất lâu và cố gắng đoán xem ai trong số chúng tôi đang nói rồi người ta hỏi một đường chị trả lời quàng xiên một nẻo. Còn Đima thì bình thản và hơi lăm lì.

Má đẩy tôi ra trong tâm tay, chăm chú quan sát từ đầu đến chân rồi nhận xét rằng tôi trông có vẻ bánh bao chững chạc hơn nhiều so với khi còn ở Kiép. Trong giọng nói của má thấp thoáng một cái gì đó như một sự hờn dỗi.

Tôi nói với má rằng tôi đã có ý định trở lại Kiép và xin vào học ở trường trung học Kiép số 1, rằng tôi sẽ cùng sống với Bôria và đi dạy học để kiếm sống.

Má quay mặt đi và nói rằng má chẳng ao ước gì hơn là có thể đưa tôi đi Mátxcơva cùng với má nhưng lúc này thì chưa thể được. Và chính má cũng chưa biết xoay sở ra sao.

Còn Galia thì chốc lại gọi:

- Côxtích, em đâu rồi? À, em đấy à! Chị chẳng nhìn rõ em gì cả.

Mợ Maruxia hờn dỗi nói rằng chỉ có má điên mới để tôi trở lại Kiép, rằng có thể là mợ không hiểu gì và không có quyền can thiệp vào việc riêng của gia đình chúng tôi, nhưng...

Bỗng mợ im bặt vì trông thấy cậu Nicôla lườm lườm ra hiệu. Má chẳng nói gì. Qua khung cửa sổ

của toa tàu, má dán mắt xuống sân ga. Đôi mắt ấy sa sầm tối đen vì tức giận.

- A, có thể chứ! – Bất thần má thốt lên. – Muốn còn hơn không.

Trên sân ga, ba tôi đang tiến về phía chúng tôi. Ba mặc một chiếc áo vextông láng đen.

Ba bước lên tàu và vào trong toa. Bất thần, còi tàu ném ra hai tiếng khô ròn.

Chúng tôi bắt đầu cuộc chia tay. Ba hôn tay má và nói:

- Maruxia, cứ để Côxtích cho anh. Hàng tháng anh sẽ gửi tiền cho nó để trang trải mọi thứ.

- Cầu trời chứng giám cho anh! Ít nhất anh cũng đừng quên làm tròn cái nghĩa vụ nhỏ nhoi ấy.

Đima từ biệt cha với một thái độ rất lạnh lùng trong khi Galia, hệt như một kẻ mù lòa, đưa ra một bàn tay cố gắng sờ được khuôn mặt của ba. Bất giác khuôn mặt ba tái mét đến mức cặp mắt cũng hình như mất sắc.

Còi tàu lại vang lên lần thứ ba.

Chúng tôi bước xuống sân ga. Đứng trước khung cửa sổ của toa tàu, má hứa mùa đông tới sẽ về Kiếp thăm tôi.

Con tàu rùng mình.

Ba vẫn bất động, chầm chầm đưa mắt nhìn những vành bánh xe lăn mỗi lúc một nhanh hơn.

Ba từ chối lời mời ghé qua nhà trong thành phố của cậu em vợ, viện cớ có việc khẩn phải bắt chuyến tàu đầu tiên để kịp trở lại Bêđítxa.

Chúng tôi trở lại nhà bằng xe. Trên đường về, cậu Nicôla và vợ Maruxia im lặng chẳng nói năng gì. Vợ Maruxia ngồi nhìn một góc chiếc mũ xoa. Rồi vợ xoay người về phía cậu và nói:

- Không, thật sự em chẳng hiểu gì cả! Không thể chấp nhận được!

Cậu Nicôla nhú lông mày và liếc mắt về phía tôi. Thế là vợ tôi im bật.

Tôi rất xấu hổ vì sự bê bối trong gia đình chẳng những làm đảo lộn cuộc sống của chúng tôi mà còn ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt của những người thân khác. Tôi nóng lòng muốn ra đi càng sớm càng tốt, để quên đi hết được mọi đau buồn. Sự cô đơn có lẽ còn tốt hơn là phải sống giữa cái mớ bòng bong dày vò làm đau lòng nhau và không thể hiểu nổi kia.

Tôi ngưng chờ tháng tám, thời gian đã định để tôi ra đi. Cuối cùng ngày tháng ấy đã đến cùng với những chiếc lá khô và những màn mưa rầu rĩ.

Đúng hôm ấy, trời mù sương, gió giật từng cơn. Nước mưa quất mạnh những thành toa của con tàu Mátxcova – Kiép. Mặc dù đã hứa, ba đã không ra ga tiễn chân tôi.

Tại nhà ga, cậu Nicôla chốc chốc lại nói đùa cố tìm cách làm cho tôi vui.

Mợ Maruxia ấn vào túi tôi một chiếc phong bì và nói: “Cháu sẽ đọc trên đường đi”.

Đúng lúc con tàu chuyển bánh, mợ đã quay mặt đi. Cậu Nicôla nắm lấy khuỷu tay mợ và bắt mợ phải nhìn thẳng vào con tàu. Mợ mỉm cười với tôi, nhưng rồi lại quay đi.

Những giọt nước mưa chảy rờn rờn trên khung kính cửa sổ khiến tôi chẳng còn trông thấy gì nữa. Tôi kéo khung cửa xuống và nhào người ra ngoài.

Cậu Nicôla và mợ Maruxia, bất động trên sân ga, đưa mắt đuổi theo con tàu. Hơi nước của đầu máy bị quạt xuống gần mặt đất. Xa xa ở phía sau, mặt trời bắt đầu soi sáng một giải dài trên nền trời trong veo.

Tôi thoáng nhận ra ở đó một điềm lạnh. Tôi lấy từ trong túi ra chiếc phong bì. Trong phong bì có tiền và vài dòng ngắn gọn:

“Cháu ơi. Hãy thận trọng, nghe cháu. Thế là cháu đã một thân một mình bước lên đường lớn nhưng cũng đừng quên rằng cháu vẫn còn có cậu mợ cháu ở miền quê. Cậu mợ thương yêu cháu và luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ cháu khi cần”.

ĐƯỜNG PHỐ HOANG DÃ

Bôria chiếm một căn phòng trong một ngôi nhà cho thuê có trang bị bàn ghế: Nhà tập thể “Tiến Bộ”, phố Gilianxki, một đường phố nhộp nhúa gần nhà ga.

Anh thân mật đón tôi, ra về che chở.

- Được lắm, em đã can đảm. - anh ấy nói, - quyết định tự xoay sở! Bây giờ cứ tạm ở đây. Rồi các anh sẽ kiếm cho em một nơi nào đó khá hơn. Có lẽ em không nên ở cái xá này.

- Tại sao?

- Rồi em sẽ hiểu.

Thật vậy, tôi đã hiểu điều đó rất nhanh. Bôria vừa ra khỏi nhà để đến Học viện, một gã béo phì xông vào căn phòng; khuôn mặt hần chẳng khác gì một củ su hào muối. Anh ta khoác một chiếc áo tuyních sinh viên đầy bụi, nhàu nát và thùng thình trong một chiếc quần xanh phồng lên ở đầu gối. Cặp mắt lồi và trống rỗng chậm chạp đảo qua đảo lại, dò xét căn phòng và cái giá nơi có một ít thức ăn dự trữ, và tôi.

- Bá tước Pôtốccki! – Vị khách không mời mà đến tự giới thiệu – Bạn thân nhất của anh cậu. Cựu sinh viên Đại học Bách Khoa. Tôi đã phải bỏ rơi anh cậu vì một căn bệnh nan y.

- Vậy ông bị bệnh gì, thưa ông? – Tôi hỏi tỏ vẻ thương hại.

- Bệnh của tôi không ai tả nổi, - bá tước trả lời, rồi ông ta vét một ít thuốc lá còn lại trong chiếc hộp đặt trên bàn của anh tôi. – Nỗi đau khổ của tôi làm sao diễn đạt được. Tình trạng sức khỏe của tôi đã ba năm liên khiến tôi thi trượt các kỳ kiểm tra của giáo sư Patông. Cậu có biết giáo sư Patông không?

- Không.

- Một con thú dữ! - Bá tước tuyên bố và nhặt một mẩu xúc xích trên bàn, xoay ngược xoay xuôi tứ phía để xem xét rồi cuối cùng vẫn tống vào túi. - Kẻ áp bức tất cả những ai có đôi chút hoài bão thành đạt. Thuốc chữa bệnh của tôi chẳng qua chỉ là một thứ creôdốt xoàng. Thế mà gia đình tôi vẫn không kịp gửi trợ cấp hàng tháng cho tôi, và tất nhiên giờ đây tôi không một xu dính túi và không thể ghé qua hiệu thuốc để mua cái thứ creôdốt chết tiệt kia. Liệu cậu có thể giúp tôi tìm ra phương kế gì để lay lắt đến ngày mai chăng?

- Phương kế gì thưa ông? – Tôi hỏi vì không hiểu ông ta muốn nói gì.

- À, thế này! – Bá Pôtốccki nói và nở một nụ cười

hiền hậu. – Tôi đã ngáy cái cảnh phải làm trò hề rồi! Tôi định đến hỏi xin mượn tạm anh cậu ba rúp, nhưng cậu thấy đấy tôi đã không gặp được anh ấy. Có thể cậu có một trong những tờ xanh ấy chẳng?

- Vâng, tất nhiên! – Tôi vội vã rút tiền ra khỏi túi. – Ba rúp, phải thế không, thưa ông?

- Ôi! Tuổi trẻ thời buổi này! – Pô-tôcki thốt lên với vẻ đau khổ – Một kẻ trơ trên khi hỏi vay tiền thường hay phóng đại, còn một người có tư cách thì ngược lại bao giờ cũng tìm cách che giấu bớt thực tế. Nếu tôi là một kẻ trơ trên, cầu Chúa tha tội cho tôi! tôi đã có thể hỏi mượn cậu hai mươi rúp. Còn tôi, tôi tự hạn chế ở số ba. Có thể cậu sẽ hỏi tôi: thế thì đâu là thực tế? Sự thật, anh bạn trẻ ạ, bao giờ cũng ở giữa đường. Hai mươi trừ ba còn mười bảy. Mười bảy chia đôi, chúng ta có tám rúp năm mươi cốpếch. Lấy số tròn, cứ cho là chín rúp vậy. Như thế vừa tiện vừa đơn giản như người ta chào nhau.

Đáng lẽ là chín, tôi đưa cho ông ta mười rúp. Ông ta nhận tiền bằng một cử chỉ rất kỳ dị. Những tờ giấy bạc của tôi đã nắm gọn trong bàn tay ông ta bằng cách nào, tôi đã không kịp có thì giờ để nhận ra. Hình như chúng đã chấp chới trong không.

Trong suốt thời gian chúng tôi nói chuyện, cánh cửa của căn phòng không ngừng phát ra những tiếng nghiền răng ken két. Nhưng, ngay

sau khi khoản tiền của tôi biến mất, nó bật mở và một phụ nữ nhỏ bé, mập nhưng lùn, vịn một tấm áo choàng, nhảy vào trong phòng. Cứ mỗi bước chân, góp giầy của bà ta lại vang lên; những chiếc giầy kia rộng quá khổ đối với bà ta.

- Không được! - Bà ta kêu lên với một giọng khàn khàn - Tại sao đưa tiền cho con quái vật ấy? Đưa ngay đây! - Bà ta rít lên qua những kẽ răng và tóm lấy tay áo ông bá tước.

Người ta nghe thấy tiếng rách toạc của ống tay áo.

Nhưng ông bá tước thoát được bàn tay của bà ta và lao ra ngoài hành lang. Người đàn bà tai ác đuổi theo ông ta. Tiếng gót giầy nổ vang như những phát súng lục.

- Đưa đây! Mụ ta kêu lên - Ít ra cũng phải ba rúp! Hai cũng được!

Lão bá tước lao xuống cầu thang với một tốc độ kinh người và mất hút trên đường phố. Người đàn bà khốn khổ tựa vào tường và nức nở khóc lóc nghe có vẻ thảm thiết nhưng chẳng có vẻ gì là tự nhiên cả.

Những người thuê nhà khác bất thần xuất hiện trong khung cửa khiến tôi có thể cùng một lúc nhận ra tất cả bọn họ. Người đầu tiên lộ đầu ra là một cậu con trai mặt đầy trứng cá mặc một chiếc

somi màu hoa cà. Cậu ta đang đóng cúc cái cổ áo màu hồng bằng xelulôit.

- Bà Gumêniúc! Cậu ta cất tiếng gọi với một giọng hống hách, - hãy thận trọng đề phòng!

Lúc đó, chủ nhân của ngôi nhà tập thể “Tiến Bộ” cũng xuất hiện trong hành lang. Đó là một bà to béo với cặp mắt lơ đãng nhưng dịu dàng. Bà ta tiến lại gần người phụ nữ áo choàng và nói bằng một giọng chanh chua khiến tôi ngạc nhiên:

- Vào phòng ngay cho tôi nhờ! Và đừng có rắc rối! Nếu không cảnh sát họ sẽ đến lôi cổ đi đấy! Tôi thế vậy đấy.

Thế là bà kia tui ngưu trở lại phòng của bà ta. Trong một khoảnh khắc còn có tiếng ồn trong hành lang. Người ta bình luận về sự cố vừa xảy ra.

Khi Bôria về, nghe tôi thuật lại câu chuyện, anh ấy chỉ đơn giản nhận xét rằng tôi xử lý như vậy là được nhưng cũng khuyên tôi về sau không bao giờ nên để bị lôi cuốn vào bất cứ câu chuyện nào rắc rối như vậy. Bá tước Pôtốccki, nói đúng hơn, chỉ là một sinh viên mà không phải là một bá tước. Đó là một viên lục sự đã bị người ta tống cổ khỏi tòa án vì rượu chè be bét.

- Còn anh ấy à, họ sợ anh, - Bôria nói thêm. - Nhưng, tư chất như em, tốt hơn là nên lánh xa họ. Đám người sống trong ngôi nhà này đều là cận bã của xã hội.

- Thế tại sao anh lại ở đây?

- Anh quen rồi. Ở với họ anh không thấy có gì phiền toái cả.

Một tháng sau, Bôria tìm được cho tôi một phòng “khép kín” cũng trên “Đường Phố Hoang Dã”, nhà một người quen cũ của má tôi, bà Còdolópki.

Tôi cũng đã nhận được tiền ba tôi gửi cho và tính toán kỹ, tôi thấy rằng thậm chí nếu ba không gửi gì thêm nữa tôi cũng có thể xoay sở được trong vòng ba tháng mà không cần đi dạy học.

Bà Còdolópki sống một mình với người con trai tên là Rômuan, một trung úy lục quân, trong một căn hộ đơn sơ và chật hẹp, sàn gỗ được quét một lớp véc-ni dính dính hạng tồi. Cửa sổ của căn phòng mở ra một mảnh vườn hầu hết cây cối đã bị đốn chỉ còn lại lác đác vài ba gốc. Mùa hè, mảnh vườn được biến thành sân trượt băng. Người ta cắm những cây thông non trên những đống tuyết được gió dồn lại xung quanh đường băng. Thoáng một cái, chúng đã ngả sang màu vàng. Đó là một sân trượt tuyết rẻ tiền dành cho bọn trẻ đường Lovóp và khu *Dân Nghèo*. Ở đó đương nhiên là không có dàn nhạc mà chỉ có một cái máy hát với một chiếc loa kèn khổng lồ.

Đường phố hoang dã rất xứng với cái tên của nó. Nó chẳng đưa chân con người ta đến đâu cả. Nó

mắt hút vào những bãi trống ngồn ngang la liệt những đống tuyết và tro bụi. Những cuộn khói xanh lơ bốc lên từ những đống tro và một mùi ô-xít các-bon cứng đầu cứng cổ không ngừng luôn lách vào tận những ngõ ngách lân cận.

Tôi treo lên tường của cái ổ của tôi chân dung của Bairon, Léc-môn-tốp, Vich-to Huy-gô. Tối đến, tôi châm lên một ngọn đèn dầu nhỏ. Nó chỉ đủ chiếu sáng mặt bàn và chân dung nhà đại thi hào người Pháp. Nhà thơ râu ria lởm chởm kia vẫn tư lự ngồi đó, đầu ngả trên một bàn tay. Ông ta có những chiếc măng-sét rất rộng và hồ cứng. Ông ta nhìn tôi. Hình như ông ta muốn nói: “Thế nào, anh bạn trẻ! Cậu định rồi đây sẽ làm gì?”.

Thuở ấy, tôi rất say *Những người khôn khổ* của ông ấy. Suy cho cùng, trong cuốn tiểu thuyết ấy, tôi mê những cuộc phiêu lưu táo bạo khám phá lịch sử của ông già Huy-gô hơn cả bản thân chủ đề của câu chuyện.

Mùa đông năm ấy, tôi đọc khá nhiều. Tôi không sao làm quen được với cảnh cô đơn và chính sách vở đã giúp tôi thoát khỏi tình trạng ấy. Nhưng tôi vẫn không ngừng bị những kỷ niệm xưa bám riết, những kỷ niệm về cuộc sống trên đường phố Nicôn-xcô - Bách Thảo, về Lê-na, về những chàng pháo thủ vui tính, về những đêm pháo hoa

trong khu vườn “Rêvơni” cổ kính, về những cánh rừng Brianxơ. Đâu đâu tôi cũng được vây bọc bởi những con người muôn vẻ hào hiệp.

Còn giờ đây, tất cả chỉ là xa vắng. Một cái gì đó vẫn vo vo hoài trong chiếc đèn dầu hỏa. Cái âm thanh ấy càng làm tôi cảm thấy cô đơn hơn.

Một thoáng trôi qua, rồi một thoáng nữa và cuối cùng trong tôi bỗng có một bước ngoặt. Tôi phát hiện ra rằng thực tại càng có vẻ nhạt nhẽo, vô vị và tầm thường bao nhiêu tôi càng cảm nhận được một cách sâu sắc hơn những mặt tốt, những vẻ nhân hậu ẩn chứa trong cái vỏ bọc của nó.

Tôi ngờ ngợ rằng trong cuộc sống, cái tốt và cái xấu vẫn thường sánh vai nhau. Và rằng niềm hạnh phúc vẫn thường thấp thoáng hiện lên từ dưới một lớp màng mỏng của những dối trá, khốn cùng và đau khổ, chẳng khác gì những đám mây xám vẫn thường bùng lên lấp lánh, nhờ ngọn lửa của một mặt trời đang lặn vào những giây phút cuối cùng của một ngày đông bão.

Và bất cứ ở đâu tôi cũng cố gắng tìm ra cho được những khía cạnh tốt của cảnh và người. Tất nhiên tôi đã thành công. Điều đó bất thần khiến chúng ta kinh ngạc chẳng khác gì chiếc giấy pha lê của Cô Lọ Lem ẩn hiện dưới bộ váy áo tả tơi của cô, giống hệt như cái nhìn chăm chú và dịu dàng của

cặp mắt kia ở một nơi nào đó trên đường phố. “Em đây mà, Lọ Lem đây, - con mắt kia thì thẩm với tôi. - Anh không nhận ra em sao? Hôm nay em chỉ là một kẻ xin ăn nhưng chỉ cần rũ bỏ được những miếng rẻ rách này, em sẽ hóa thân, lại trở thành nàng công chúa xưa kia. Cuộc đời quả là đầy ắp những chuyện bất ngờ. Đừng sợ. Hãy tin em”.

Vậy đấy, đó là toàn bộ những ý nghĩ mơ hồ đã từng vây bủa quanh tôi suốt cả mùa đông năm ấy.

Tôi mới chỉ chập chững bước những bước đầu tiên trên con đường vào đời, nhưng tôi có cảm giác rằng tôi đã rõ toàn bộ đường đi. Tôi đã tìm thấy trong một bài thơ của Phết những câu thơ dưới đây, những câu thơ dường như minh họa đầy đủ số phận của chính bản thân tôi:

*Từ vương quốc của sóng gió ba đào,
Từ xứ sở của giá băng lạnh lẽo,
Bỗng vọt lên tháng năm của bạn,
Ôi, tươi mát tinh khiết làm sao!*

Tôi cất giọng ca lên lời thơ kia. Từ căn phòng nhỏ bé của bà, bà Còdolốpki vẫn ngồi lắng nghe tôi hát. Anh trung úy thương về muộn, đôi khi thậm chí anh qua đêm ở đâu đó, không về nhà.

Bà già nhỏ bé thường chìm đắm trong một tâm trạng u sầu và vì vậy, chỉ cần một giọng nói của con người, bất kể ra sao, cũng đã là một nguồn vui, một niềm an ủi đối với bà.

QUÁN TRỢ TRÊN SÔNG BRAGHINCA

Con tàu chạy bằng hơi nước già nua uể oải khua mái chèo, ì ạch cố nhồi dần về phía thượng nguồn dòng sông Đơnhieppơ. Đêm khuya lắm rồi. Tôi không sao chớp mắt được trong căn buồng ngột ngạt dưới kia và đành phải lên boong.

Trong bóng đêm dày đặc và đầy bí hiểm nổi lên một làn gió mát chở nặng hơi ẩm của một cơn mưa. Một ông già trong một chiếc áo caphtăng xơ xác vá víu khắp nơi đang đứng gần cầu tàu chẳng biết từ lúc nào. Ánh sáng của chiếc đèn hiệu soi tỏ khuôn mặt râu ria lởm chởm của lão.

- Ông thuyền trưởng ơi - Ông già cất tiếng gọi - ông làm ơn làm phúc cho một lão già, được chứ? Cho lão xuống đây, nào! Làng quê của lão chỉ cách chỗ này chưa đầy một vextơ. Còn từ Têremtơxi, nếu phi nước kiệu, lão vẫn phải chạy suốt đêm mới về đến nhà. Nào, làm ơn làm phúc đi!

- Cụ ơi, cụ không đùa đấy chứ? – viên thuyền trưởng đáp lại – Tôi như hũ nút thế này mà cụ bảo con cạy bển sao được. Cụ không muốn con tàu bị vỡ ra từng mảng vì cụ đùa chứ?

- Lão không đùa đâu, - ông già vặc lại - Nhưng đúng là làng quê lão ở ngay chỗ này, sau quả đồi kia, - và lão đưa tay chỉ vào bóng đêm dày đặc - Cho lão xuống đi! Can trường một chút xem nào!

- Têrênti! - Viên thuyền trưởng gọi người lái tàu, vờ như không nghe thấy lời năn nỉ của ông già, - cậu có thấy gì không?

- Thậm chí cả cánh tay áo của tôi tôi cũng không trông rõ, - người kia lẩm bẩm. - Thời tiết chết tiệt! Tôi đang phải lái bằng hai lỗ tai đây này!

- Đến hỏng tàu mất thôi! – Người thuyền trưởng thở dài.

- Thôi nào! Con tàu khốn kiếp của các người rồi chẳng sao đâu! - Ông già càu nhàu, với vẻ cà khịa bột phát. – Thế mà cũng gọi là thuyền trưởng! Tốt nhất các người nên đi bán hạt tiêu hơn là lái tàu trên sông Đonhiépơ. Thế nào, các người có cho lão xuống đây không thì bảo?

- Nếu cụ cứ...

- Lão làm phiền các người quá lắm sao! - Ông già gậy gổ vặc lại – Chưa bao giờ như thế này cả. Đang tâm đẩy hành khách đến tận Têremtoxi!

- Thôi đi cụ, cụ cố tình không hiểu sao? - Viên thuyền trưởng thất vọng kêu lên. - Quả thật chẳng thấy gì hết. Cụ muốn con ghé vào đâu mới được chứ, vào đâu?

- Kia chứ đâu, phía đối diện với thung lũng ấy!
- Một lần nữa ông lão lại chỉ bâng quơ vào trong đêm đen. - Ngay đằng kia. Thôi thế này nhá, lão sẽ đến bên cạnh người lái và chỉ đường cho anh ta, được không?

- Cụ thấy không, con bảo cụ cái này - người thuyền trưởng dần từng tiếng một, - hãy im đi cho chúng con nhờ.

- Thế hả! - Ông già reo lên với giọng đắc thắng. - Như vậy có nghĩa là các người từ chối? Đúng thế không?

- Vâng, con xin kiếu bố.

- Như vậy có nghĩa là các người không muốn để cho thằng già này đến kịp dự lễ thành hôn của con gái lão chứ gì? Chuyện này đúng là chẳng nghĩa lý gì đối với các người. Các người chỉ được mỗi một việc là đang tâm hành hạ đè nén một lão già khốn khổ!

Thế bố muốn con làm gì cho con gái bố?

- Còn Ăngđơrê Gon thì sao, các người dám phớt lờ cả Ăngđơrê Gon chứ gì? - Ông già hỏi bằng một giọng trầm trầm và bỗng nhiên có vẻ dọa nạt - Các người chưa bao giờ gặp rắc rối với Ăngđơrê Gon sao?

Thế thì nghe đây: chính Ăngđorê Gon đích thân đứng ra tổ chức ngày lễ, là lão nói cái lễ cưới ấy.

Viên thuyền trưởng im bật.

- Các người đóng cửa vào giờ này chứ? - Ông già nói tiếp với một vẻ khoái chá đầy ác ý. - Con tàu của các người, nó có cái tên gọi là “*Niềm hy vọng*”. Nhưng các người làm gì có hy vọng thoát khỏi rắc rối nếu các người không để lão xuống đây. Chính Gon sẽ giúp lão giải quyết việc này. Gon và lão là chổ bà con. Anh ta sẽ không bỏ qua chuyện này đâu!

- Này, đừng có mà dọa, có thôi đi không? - Viên thuyền trưởng lảm bảm.

- Xido Pêtrôvích, - người lái tàu nói xen vào với một giọng run run, - ông thấy đấy, lão già rất cứng đầu. Thôi, để lão xuống đây thôi. Dính vào cái lão Gon ấy chỉ tổ rách việc.

- Được. Đành liều với lão một phen vậy. Bố hãy đến bên cạnh Têrênti cho con được nhờ và hãy chỉ đường cho cậu ấy. Nhưng liệu đấy! Đừng có mà làm hỏng con tàu.

- Lạy Chúa! Lão thuộc như lòng bàn tay, con sông Đônhiépơ này. Còn con tàu ấy à, các người cũng biết đấy, nó là tài sản quốc gia!

Nói rồi, lão đứng vào một chỗ gần người lái và bắt đầu ra lệnh:

- Sang phải! Nữa! Nếu không nó sẽ kéo cậu xuống ổ quỷ dữ. Được. Thêm chút nữa!

Những cành miên liễu bắt đầu quất vào sườn tàu. Con tàu khốn khổ lục cục chạm đáy xuống lòng sông rồi ngừng hẳn. Cú sốc làm hành khách bật dậy; ở dưới kia, cầu tàu bỗng trở nên nhốn nháo.

Têrênti giơ cao chiếc đèn lồng trên boong về phía mũi tàu. Con tàu nằm lọt vào giữa những bụi rậm mà dòng lũ đã dâng lên vùi dập. Bãi sông chỉ cách đó khoảng ba mươi bước chân. Một làn nước đen ngòm quấn quanh trong những vòm cây lúp xúp.

- Thế nào, bố già! – Viên thuyền trưởng reo lên - Bây giờ thì bố có thể xuống tàu được rồi đấy. Thế là chúng con hết nhiệm vụ nhé.

- Nhưng xuống chỗ nào? - Ông già ngạc nhiên kêu lên. – Chân lão làm sao chạm đất được! Chết chìm mất thôi!

- Thế bố muốn con làm gì bây giờ? Có phải chính bố muốn xuống đây không nào? Đúng thế không? Thôi đi! - Viên thuyền trưởng phát khùng. - Biến ngay nếu không tôi sẽ cho người lẳng lão xuống sông đấy!

- Được đấy! - ông già lẩm bẩm và đi về phía mũi tàu.

Lão làm dấu thánh, bước qua lan can rồi nhảy xuống nước ngập đến bờ vai.

Lão lội ùm ùm về phía bờ, vừa đi vừa càu nhàu.
Con tàu từ từ di giạt lùi và ra khỏi đám bụi rậm.

- Thế nào? Còn sống chứ bố già? - Viên thuyền trưởng cất tiếng gọi.

- Đừng ăng ẳng nữa, có được không? - Từ phía bãi sông ông già vặc lại. - Thế nào cậu cũng không thoát khỏi bàn tay Ăngđơrê Gon, hãy nhớ vậy, để rồi xem.

Con tàu lùi dần về phía chân trời.

Mùa hè năm ấy, từng băng cướp xuất quỷ nhập thần lớn vồn khắp nơi trong tỉnh Trerơngiốp và trong cả vùng Pôlêxiê. Chúng cướp phá các nông trại và những điền trang giàu có, vét sạch sành sanh những chiếc xe bưu điện và tấn công cả những chuyến tàu.

Tên bạo phổi nhất, chớp nhoáng nhất trong số các thủ lĩnh là một người có tên gọi là Ăngđơrê Gon. Từng phân đội long kỵ binh và hiến binh tìm cách vây hãm hấn trong rừng, xua lòng hấn cho đến tận những vùng sinh lầy của Pôlêxiê, nhưng bao giờ Gon cũng tẩu thoát được, còn ánh sáng ma quái của những đám cháy vẫn tiếp tục lượn lờ theo dấu vết của những bước chân của hấn trong bóng đêm mịt mù.

Một huyền thoại đã dần dần được thêu dệt xung quanh nhân vật Ăngđơrê Gon. Hấn nổi tiếng

là người bảo vệ những kẻ nghèo hèn, những người thua thiệt trong cuộc đời và các trẻ mồ côi. Hắn chỉ tấn công và tước đoạt những địa chủ kéch sù. Còn bản thân nhân vật Gon kia từ đâu mọc ra, người ta không ngớt lời bàn tán. Khi thì đó là một học sinh cũ của trường trung học Trerơnigốp, lúc thì hẳn vốn là một thợ rèn chốn làng quê. Tên tuổi hắn đã trở thành biểu tượng của sự báo thù của quần chúng.

Tôi đang trên đường đi Pôlêxiê nơi tôi sẽ nghỉ hè với gia đình một người bà con xa, gia đình Xêvơriúc, ở chính cái vùng nơi băng đảng của Gon đang tung hoành. Ở đó họ có một cơ ngơi khiêm tốn: *Iôtra*. Chính Bôria đã dàn xếp chuyến đi này cho tôi. Tôi hoàn toàn chẳng hay biết gì về gia đình Xêvơriúc.

- Em có thể nghỉ ngơi ở *Iôtra*, - anh tôi nói với tôi như vậy, - gia đình Xêvơriúc là những con người có hơi kỳ cục nhưng rất bình dị. Họ sẽ mừng lắm đấy.

Như vậy, tôi đã đồng ý đi *Iôtra*. Và lại tôi chẳng có lựa chọn nào khác. Ở trường, tôi sắp bước vào năm học cuối cùng. Tôi vừa kết thúc kỳ thi lên lớp và trước mặt tôi chỉ là viễn cảnh của một mùa hè bất tận ở Kiép. Cậu Nicôla và vợ Maruxia sắp lên đường đi điều dưỡng ở Kixlôvôđơcxơ. Má vẫn ở lại

Mátxcơva. Tôi thật sự không muốn về Gôrôditrê vì qua những lá thư của chú Incô, tôi ngờ ngợ rằng giữa chú và cô Đôdia, em gái chú, đã nảy ra những bất đồng. Mà tất cả các mối bất hòa trong gia đình, bất cứ thế nào, cũng khiến tôi kinh hãi. Tôi không muốn trở thành nhân chứng hoặc người nhập cuộc không tự nguyện của những mối bất hòa ấy.

Hai ngày sau khi xảy ra sự cố với “ông già”, con tàu hơi nước hỗn hển cập bến, vào lúc chiều tối, phía bờ thấp của dòng sông Đonhiépơr. Chúng tôi đã lọt vào trong lòng Pêlêxiê. Từng đám mây mù ù ù khắp nơi trong không trung. Một mặt trời đỏ ngầu đang chìm dần vào làn hơi khói đậm đặc lơ lửng trên mặt sông. Một đống lửa được nhóm lên trên bãi sông. Những con ngựa gầy dơ xương, giữ nguyên yên cương, đứng sang một bên cách xa bếp lửa.

Gia đình Xêvoriúc chờ tôi trên kè đá: một người đàn ông gầy gò vận một áo vét vải tuyxơ và đi một đôi ủng, chủ nhân của *Iôtra*, một người đàn bà trẻ nhỏ nhắn, bà vợ ông ta và em trai của bà chủ, một sinh viên.

Người ta đưa tôi lên một chiếc xe rùa. Còn người của gia đình Xêvoriúc thì nhảy lên lưng ngựa và hét lên thúc những con vật phi nước đại.

Trong nháy mắt họ đã biến mất xa xa phía

trước còn tôi thì ở lại một mình với người đánh xe lầm lì. Chẳng bao lâu sau, tôi đã có thể nhảy khỏi xe và tiếp tục cuộc bộ trên con đường cát mịn. Hai bên đường la liệt trải ra những vạt nước lửa tủa những cọng cỏ cứng đơ. Trên mặt gương của những làn nước ấy, ánh sáng yếu ớt buổi chiều tà mỗi lúc một nhòa dần nhưng vẫn không tắt hẳn. Vài đàn vịt trời nặng nề vỗ cánh lướt qua. Là là sát mặt đất, những đám mù sương xám ngoét xơ xác bò dần ra khỏi các khóm cây lúp xúp.

Bất thần hằng hà sa số ếch nhái vọt lên thi nhau ộp oạp inh ỏi trong khi cỗ xe vẫn lảo đảo trên con đường hai bên đầy gai góc và lúp xúp những bụi rậm. Rồi, bỗng nhiên trước mắt hiện ra một cơ ngơi có rào dậu vây quanh. Giữa khoảnh rừng thưa cây cao vây bọc xung quanh dựng lên một mái nhà bát giác bằng gỗ hình dáng khác thường với rất nhiều mái hiên và vô số công trình phụ.

Ngay chiều hôm tối hôm ấy, khi chúng tôi đang quay quần xung quanh một bữa ăn đạm bạc, một ông già bước vào phòng. Đó là một lão gù đi một đôi giày da mộc còn vành của chiếc mũ cát kết của lão thì rách bươm, toi tã. Lão lấy khỏi vai một khẩu súng săn dài ngoẵng và dựng vào tường. Ngay theo sau lão, một con chó vá cũng bước vào, móng chân nó lách cách trên sàn gỗ. Nó ngồi xuống

gân của quạt đuôi xuống nên nhà rối rít làm ông già khó chịu phải quay về phía nó:

- Thôi nào, làm gì mà rối lên thế, Gala! Mày có biết mày đang ở đâu không đấy?

Gala thôi không vẩy đuôi nữa, ngáp dài rồi nằm xuống, mồm đặt lên hai chân trước.

- Thế nào, Trôphim, có gì mới không? - Xêvơriúc hỏi rồi quay sang tôi giải thích: - Người gác rừng của chúng tôi đấy.

- Ông hỏi có gì mới không ư? - Trôphin buông một tiếng thở dài rồi ngồi vào một chỗ ở đầu bàn. - Vẫn thế, chẳng có gì mới cả. Ở Tử Mộc, chúng đã đốt trại trại lính canh còn ở Lò Bánh Mì Cũ chúng đã đánh chết ông già Ba Lan Capuxinxki - cầu Chúa cứu rỗi linh hồn ông ta. Nhưng mặt khác cũng phải nói rằng đó là một tên bất lương và xảo trá. Chúng chém giết, chúng làm mọi người xung quanh đây khuyh gia bại sản, chỉ riêng gia đình ông nhà là được khoan dung. Chuyện này kể cũng lạ! Chẳng hiểu tại sao hán không hề chạm tới một lỗ chân lông của gia đình ta, cái tên Ăngđơrê Gon ấy? Chẳng hiểu tại sao? Có thể hán đã nghe người ta nói rằng ông bà nhà là những người hào hiệp đối với dân lành? Cũng có thể là chưa đến lượt gia đình ta đó thôi. Ai mà biết được.

Nghe lão huyền thuyên đến đây, bà vợ Xêvơriúc, bà Maria Pavôlốpna, lăn ra cười rũ rượi.

- Đấy, thấy chưa, - bà ta reo lên - ông ta suốt đời như vậy, cái ông Trôphim này. Lúc nào ông ta cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao chúng ta vẫn còn sống được đến bây giờ.

- Lão không mong muốn gì hơn là cứ được thế này mãi, - Trôphim chống chế. - Trôphim này chẳng phản đối gì sất. À mà ông bà có nghe nói gì về thằng bé đất lão hành khất mù không?

- Không, - Maria Pavlópna hốt hải trả lời, - Chuyện gì vậy?

- Ồ, ngay mai người ta chôn cất nó đấy. Ở Pagônnoiê. Ta nên đi.

- Chúng tôi sẽ đi, - Maria Pavlópna khẳng định. - Nhất định ngày mai chúng tôi sẽ đi.

- Quả là Đức Chúa lòng lành đã phù hộ độ trì ông bà và gia đình ta vì đã có những nghĩa cử như vậy - Trôphim lại thở dài - Vậy ông bà cho lão đi cùng với. Quả thật lão không còn đủ sức để đi bộ đến đó.

Lão ngoái cổ lại nhìn về phía cửa sổ, rồi hạ giọng nói thầm:

- Ở đây không có ai là người ngoài chứ?

- Không, người nhà cả, - Xêvoriúc nói để lão yên tâm. - Lão cứ nói thoải mái.

- Chẳng là thế này, - lão thì thầm với vẻ rất bí hiểm, - thời gian gần đây có khá nhiều đại thủ lĩnh nhóm họp ở quán trọ nhà Lôngde.

- Ai vậy? - anh sinh viên tò mò hỏi.

- Các đại thủ lĩnh. Người xưa của Môhilép, chứ còn ai!

- Hãy khoan, Trôphim - Xêvơriúc ngắt lời lão - Để tôi giải thích cho bọn trẻ. Thanh niên bây giờ chẳng biết gì về những người xưa của Môhilép ấy đâu.

Thế là lần đầu tiên tôi được nghe một câu chuyện rất kỳ lạ về những “người xưa của Môhilép” nổi tiếng ấy. Sau khi nghe chuyện, tôi có cảm giác như được đưa trở lại thời đại xa xưa cách đây một trăm năm, và thậm chí có thể còn xa xăm hơn nữa, đến tận thời trung cổ.

Xưa kia, có nghĩa là từ thời thống trị của người Ba Lan, một hội kín của những người cùng khổ và những người mù lòa đã được nhóm lên ở Môhilép, trên sông Đơnhieppơ. Những người hành khất ấy, mà trong nhân dân người ta gọi là “người xưa của Môhilép”, đã có các thủ lĩnh của họ, những người dẫn đường, những đại thủ lĩnh”.

Những đại thủ lĩnh này có nhiệm vụ huấn luyện cho các thành viên mới gia nhập hội một nghề khá phức tạp: nghệ thuật ngâm những bài thánh ca, sự tao nhã lịch sự trong khi cầu xin của bố thí. Và họ cũng có nhiệm vụ trau dồi cho hội viên mới những phép tắc rất nghiêm ngặt của hội kín.

Những kẻ khất thực kia đi đi lại lại dọc ngang

khắp vùng Pôlêxiê, Bạch Nga và Ukraina. Nhưng mỗi năm một lần, các đầu lĩnh lại nhóm họp với nhau tại những địa điểm được giữ kín - một quán trọ Do Thái nào đó ít nhiều mang tiếng xấu giữa những vùng sinh lầy hoặc một túp lều của người gác rừng từ lâu đã bị bỏ mặc, - để xét kết nạp hội viên mới.

Những người xưa của Môhilép có một ngôn ngữ riêng của họ, người ngoài hội không hiểu được.

Trong những cuộc nổi loạn của quần chúng, những kẻ khát thực kia quả thực là một lực lượng đáng gờm. Những lúc như vậy họ trở thành những người cổ vũ, những kẻ khuấy động. Họ duy trì được ngọn lửa căm hờn của quần chúng. Họ nuôi dưỡng sự phẫn nộ của nhân dân bằng những lời ca lên án ách thống trị và sự bất công của các lãnh chúa và những lời than vãn thương xót cảnh khốn cùng của người dân quê mùa bị áp bức.

Sau khi nghe câu chuyện, vùng Pôlêxiê, nơi tôi đang ở đúng lúc này, đã hiện lên trước mắt tôi dưới một ánh sáng hoàn toàn mới mẻ. Trong vùng đầm lầy này, quê hương của những cánh rừng thưa còi cọc và khắp nơi la liệt những bụi gai góc lúp xúp, trong vùng dân cư thưa thớt ấy vẫn âm ỉ, không bao giờ tắt, chẳng khác gì ánh sáng đỏ ngầu của những buổi hoàng hôn hầu như bất tận, ngọn lửa

căm hờn và khát vọng được báo thù của quần chúng. Thế là, tôi cảm thấy hình như những bộ áo quần vải nâu thô của những người hành khất kia chẳng thấm mùi thức ăn mà cũng không khét lẹt mùi bụi đường trường mà là mùi thuốc súng và mùi khói của những đám cháy.

Thế là tôi bắt đầu để ý quan sát những kẻ mù lòa thản nhiên và những con người bị thiệt thòi nhân nhục kia, và tôi hiểu rằng họ thuộc về một sắc tộc riêng biệt, độc đáo: tất nhiên họ là những con người bất hạnh nhưng đồng thời họ cũng là những nghệ sĩ tài ba và những con người đầy ý chí mãnh liệt.

- Họ tụ tập ở cái quán trọ trên bờ sông Braghinca ấy để làm gì nhỉ? - Sau khi giải thích xong, Xêvoriúc hỏi.

- Đó là chuyện riêng của họ, - Trôphim ngập ngừng trả lời - Mỗi năm họ họp nhau một lần. - Rồi lão hỏi: - Thế bọn hiến binh có bao giờ lai vãng đến đây không?

- Không, - Xêvoriúc trả lời. - Nghe nói hôm qua họ kéo đến Cômarinô.

- Thế thì được. - Trôphim đứng dậy. - Cảm ơn. Tôi phải lên kho làm một giấc đây.

Lão bỏ đi, nhưng không lên nhà kho, mà biến vào rừng cho đến tận sáng ngày hôm sau mới lộ mặt về.

Maria Pavolópna kể cho tôi nghe câu chuyện về chú bé dắt người hành khát mù.

Trước đó hai ngày, một người mù cùng với cậu bé dẫn đường của lão đã bị lọt vào cơ ngơi của đại điền chủ Liubôminxki và đã bị người ta xua đuổi. Họ vừa qua khỏi hàng rào sắt, một tên gác người miền Bắc Côcadơ (thời ấy nhiều nhà giàu nuôi hẳn một toán lính gác gồm những kẻ đánh thuê người miền Bắc Côcadơ để canh phòng cơ ngơi của họ) đã thả xích một con chó đơgơ được huấn luyện làm chó săn và xuyt con vật đuổi theo lão hành khát mù lòa.

Ông già đứng sững lại, còn cậu bé hãi quá ù té chạy. Thế là con chó rượt theo và ngoạm lấy cổ nó. Ông già mù lòa thoát nạn vì đã đứng im tại chỗ. Sau khi hít hít ngửi ngửi bộ quần áo rách nát của lão một lát, con chó găm gừ vài tiếng rồi bỏ đi.

Những người nông dân quanh đó đã nhặt xác thằng bé và đưa vào làng Pôgônnoié. Ngày hôm sau họ đã chôn cất nó.

Tôi rất mê gia đình Xêvơriúc. Maria Pavolópna cười ngửa rất điêu luyện và khi đi săn, bà là một tay thiện xạ. Thanh mảnh nhưng rất cứng cỏi, giọng nói du dương, bà ta có bước đi rất giảo hoạt và nhẹ nhàng. Về bất cứ việc gì bà cũng có ý kiến riêng rất kiên quyết, phong cách rất đàn ông, và bà

rất thích đọc những trường thiên tiểu thuyết lịch sử đại loại như cuốn *Những kẻ tị nạn của nước Nga mới* của Đinilépki.

Xêvoriúc có vẻ như một người ốm yếu. Thân gầy xác ve và dáng bộ có vẻ giễu cợt, ông ta không có quan hệ gì với hàng xóm láng giềng nhưng ngược lại, rất thích giao du với những người nông dân tiểu phu của vùng Pôlêxiê và chỉ quan tâm đến cái cơ ngơi khiêm tốn của mình. Còn người em trai của Maria Pavolópna, anh ta đi săn suốt ngày. Những lúc không vào rừng, anh ta mãi mê ngồi nhồi thuốc súng vào vỏ đạn, đổ khuôn đầu đạn chì hoặc lau chùi sáng bóng khẩu súng săn hai nòng kiểu Bỉ.

Như vậy, ngày hôm sau đó, một cỗ xe đã lên đường đi Pôgônnoiê. Chúng tôi đi phà ngang qua sông Braghinca, một dòng sông sâu nước lạnh. những rặng liễu rủ thì thào dọc hai bên bờ.

Qua sông rồi, con đường lần theo bìa một cánh rừng thông. Ở bên kia, mênh mông trải ra cả một vùng sinh lầy mát hút về phía chân trời. Trong bầu không khí có phần ẩm đạm lấp loáng những vạt nước, rục rờ những hòn đảo nhỏ hoa vàng, run rẩy những thân cỏi túi xam xám.

Tôi chưa bao giờ được thấy một vùng sinh lầy nào mênh mông như vậy. Xa xa, ở giữa những vạt đất bùn nhùng, xanh um và tươi tốt ấy dựng lên

một cây thánh giá màu đen xiêu về một phía: cách đó nhiều năm, một người thợ săn đã bị sa lầy ở chỗ này.

Xa hơn chút nữa, chúng tôi nghe thấy một tiếng chuông nguyện vẳng tới từ phía Pôgônôniê. Chẳng bao lâu sau cỗ xe đã lọt được vào một con đường làng vắng vẻ, hai bên là những ngôi nhà gỗ nhỏ thấp lùn mái lợp rạ đã hơi bị mục. Máy mẹ gà te tái chạy thục mạng luồn lách dưới chân những chú ngựa.

Trước ngôi nhà thờ bằng gỗ, dân làng đã tụ tập rất đông. Qua cánh cửa sổ rộng mở, người ta thấy thấp thoáng những ngọn nến nhỏ đã được châm lên. Những ngọn nến đổ ánh sáng xuống những vòng hoa giấy vây quanh những pho tượng thánh mẫu.

Chúng tôi vào hẳn trong nhà thờ. Đám đông im ắng rẽ ra cho chúng tôi một lối đi.

Trong chiếc quan tài nhỏ hẹp bằng gỗ thông ngay ngắn, nằm dài một cậu bé tóc vàng được chải chuốt cẩn thận. Đôi bàn tay nhợt nhạt của nó đan vào nhau trên lồng ngực và giữ một ngọn nến nhỏ tí xíu. Ngọn nến cong xuống, cháy nổ tí tách. Vài giọt sáp rỏ xuống những ngón tay xanh xao. Một vị giáo chủ trong tấm áo tế màu đen, mái tóc tơ bời, gấp gáp đứng đưa một chiếc lư hương, miệng lầm rầm những lời cầu nguyện.

Tôi ngấm nhìn khuôn mặt của cậu bé. Hình như nó đang cố gắng hồi tưởng lại một điều gì đó, nhưng không nhớ ra.

Xêvơriúc vỗ nhẹ vào cánh tay tôi. Tôi quay đầu lại. Ông ta đưa mắt ra hiệu cho tôi chú ý nhóm người đứng cách chiếc quan tài mấy bước chân. Tôi nhìn theo ánh mắt của ông ta. Ở đó tôi trông thấy một số người khất thực già yếu ép sát vào nhau thành một hàng dài.

Cả bọn mặc cùng một loại áo quần bằng vải nâu thô và người nào cũng cầm trong tay một cây gậy hành hương dài dầu sương gió. Những mái tóc bạc phơ của họ hơi hất về phía sau, những cặp mắt ngược lên nhìn về phía dãy tượng thánh mẫu ở trên cao đằng kia nơi có hình ảnh của Thần Vĩnh cửu với bộ râu trắng như tuyết. Vị thần trông rất giống những ông già kia, giống một cách đáng ngạc nhiên. Cũng những con mắt sâu trũng ấy, vẫn cái nhìn nổi trợn lồi đình ấy, trên một khuôn mặt râu rĩ hốc hác.

- Các đầu linh đấy! - Xêvơriúc thì thầm với tôi.

Những người hành khất đứng im phăng phắc, không làm dấu thánh cũng không cúi đầu. Xung quanh họ là một khoảng trống. Đằng sau họ tôi thoáng trông thấy hai thiếu niên. Đó là hai đứa trẻ dẫn đường cho những người hành khất mù lòa, mỗi đứa một chiếc túi dệt trên lưng. Một trong hai đứa

thút thít khóc, lấy cánh tay áo lau nước mũi. Còn đứa kia mặt cúi xuống, một nụ cười nhạt báng phảng phát trên môi.

Người ta thấy tiếng đàn bà thở dài. Thỉnh thoảng từ phía sân trước giáo đường vọng tới tiếng rì rầm giọng nói đàn ông. Những lúc như vậy, vị giáo trưởng lại ngẩng đầu lên và cất cao giọng đọc lời cầu nguyện. Tiếng rì rầm ngoài kia lại dịu xuống.

Rồi tất cả những người hành khất cùng nhau tiến lại gần chiếc quan tài, im lặng nâng nó lên và đưa ra phía cửa. Mấy người mù lần lượt đi theo, bàn tay đặt nhẹ lên vai những cậu bé dẫn đường.

Trong nghĩa trang với những cây thánh giá xiêu vẹo, chiếc quan tài được từ từ hạ xuống một cái huyệt sâu. Dưới đáy huyệt nước đã bắt đầu rịn ra. Đọc xong lời cầu nguyện cuối cùng, nhà tu hành cởi bỏ tấm áo lễ, cẩn thận gấp lại rồi tập tễnh rời khỏi nghĩa trang.

Hai người tiểu phu nhỏ nước bọt vào lòng bàn tay, xoa xoa rồi vớ lấy hai chiếc xiềng. Đúng lúc ấy, một ông già mù mái đầu chim bồ cát lao đến miệng hố và kêu lên:

- Hãy khoan, các bạn!

Đám đông đang rì rầm bỗng im bật. Lân dò mặt đất bằng cây gậy hành hương của lão, người mù cúi người xuống bờ huyệt, rồi lại vươn thẳng lên, cặp

mắt trắng dã chăm chăm nhìn về phía trước, lão bắt đầu xướng lên vài câu kinh ngẫu hứng:

Dưới một gốc liễu già trần trụi, bên một dòng suối nhỏ nước chảy dạt dào,

Đức Chúa Trời ngồi nghỉ, rã rời sau một hành trình cực nhọc.

Và con dân đủ các hạng người kính cẩn tiến lại gần

Đem đến dâng Người những lễ vật quý giá nhất.

Cả đám đông xúm xít xung quanh ông già.

Các bà nội trợ đem đến lụa là và mật ong;

Còn các thiếu nữ thì dâng lên cho Người những chiếc vòng cườm,

Và bánh mì đen là quà tặng của các cụ ông, những bức tượng thánh mẫu là lễ vật của các cụ bà.

Một cặp vợ chồng mới cưới cũng đem đến những bông hoa tươi thắm, nhẹ đặt lên chân Người rồi bèn lên lùi xa, chạy trốn.

Chúa Trời nở một nụ cười rồi hỏi:

“Ai sẽ là người đem đến cho ta trái tim?”

Ai sẽ là kẻ hiến dâng ta trái tim mà không hề nuối tiếc?”

Một thiếu phụ, khăn trùm đầu trắng, buột ra một tiếng kêu không nén nổi. Người mù quay đầu về phía cô ta và hát tiếp:

Thế là một cậu bé đặt vào bàn tay Người

*Trái tim thốn thức như một cánh chim bồ câu
của nó.*

*Đức Chúa Trời ngược nhìn và nhận thấy con
tim đã bị tổn thương,*

*Và chỉ còn là một vết thương máu khô đen sẫm
như màu đất,*

*Đen ngòm vì những giọt nước mắt và những
điều xúc phạm muôn thuở,*

*Bởi vì cậu bé đã đưa những kẻ mù lòa kia lang
thang khắp nơi*

*Và chưa hề một lần được chứng kiến cái mà
người ta gọi là Hạnh phúc.*

Người hành khát đưa tay về phía trước.

*Đức Chúa Trời Toàn Năng bật dậy và giơ cao
trái tim yếu ớt*

*Nổi trận lôi đình, Người nguyên rủa sự dôi trá
của con người.*

*Thế là những đám mây tối đen như bóng đêm
ập xuống trần gian.*

*Những cánh rừng nổ tung trong một cơn lôi
đình khủng khiếp,*

*Còn Tiếng Nói của Đức Chúa Trời thì vang lên
khắp bốn phương.*

*Bất giác người hành khát nở một nụ cười sung
sướng.*

Món quà hào phóng mà con người đã đem đến kia,

Trái tim nhỏ bé kia, ta sẽ dâng nó lên tận bàn thờ của Đức Chúa,

Để nó được linh hồn của tất cả những con người chân chính ngưỡng mộ.

Người mù ngừng lại giầy lát, trầm tư rồi tiếp tục ca vang bằng một giọng trầm buồn sâu lắng:

- Trái tim nhỏ bé coi cú kia quý giá hơn những viên ngọc trai rất nhiều lần,

Lông lầy hơn cả những bông hoa rục rở nhất và trong trẻo hơn cả bầu trời buổi bình minh,

Chỉ vì đó là quà tặng một đứa trẻ tuyệt vời đã khiêm nhường hiến dâng lên Đức Chúa Trời Toàn Năng.

Rồi lão im bật. Trong đám đông, nhiều bà đưa chuôi những tấm khăn trùm đầu màu sẫm lên thắm những giọt nước mắt.

- Hỡi các bạn, - người mù lại cất cao giọng - hãy cầu nguyện cho tâm hồn Vaxili, cậu bé bị sát hại, được thanh thần yên bình.

Lão đưa ra một chiếc mũ sòn rách. Và thế là những đồng xu tới tấp rơi xuống như mưa. Hai người tiểu phu bắt đầu trút những xiềng đất xuống lòng huyết.

Chúng tôi chậm chậm quay trở lại sân giáo đường đứng đợi cỗ xe. Maria Pavolópva vượt lên đi một mình. Suốt dọc đường ra về tất cả chúng tôi

chẳng ai thốt một lời. Chỉ riêng Trôphim đưa ra một lời bình luận:

- Con người, mặc dù đã tồn tại hàng triệu năm trên trái đất, vẫn chưa vươn tới một điều gì thật tốt đẹp. Quả là một chuyện nực cười.

Sau đám tang của cậu bé, ngôi nhà của gia đình Xêvơriúc chìm hẳn trong một bầu không khí khắc khoải ưu tư. Tối đến, tất cả các cánh cửa đều được cài chặt bằng những thanh sắt. Đêm nào cũng vậy, Xêvơriúc và anh sinh viên vẫn phải thức dậy để đi rảo vài vòng xung quanh khu điền trang. Họ đem theo những khẩu súng đạn đã lên nòng.

Một đêm, trong rừng bùng lên một đống lửa và cháy cho đến tận lúc mặt trời mọc. Sáng ra, Trôphim đến cho chúng tôi biết rằng một người lạ mặt đã ngủ qua đêm bên cạnh đống lửa ấy.

- Hẳn đó là một người của bọn Gon, - lão nói thêm - Bọn chúng lũng sục quanh đây như một lũ sói.

Hôm ấy, giữa ban ngày, ban mặt, một gã thanh niên chân đất lợt vào trang trại. Hắn mặc một chiếc quần lính màu đen có sọc đỏ đã phai màu. Những chiếc ủng cao cổ của hắn lủng lẳng sau lưng bằng một sợi dây. Khuôn mặt râm nắng của hắn trông như trái cây bị tróc vỏ. Cặp mắt hắn có vẻ vừa u sầu vừa hỗn xược

Gã xin nước uống. Maria Pavolópna đưa cho hắn một bình sữa tươi và một khoanh bánh mì. Hắn uống sữa ừng ực và nói:

- Phải công nhận là các ông các bà ở đây rất gan dạ, Phải bạo phổi lắm mới dám ở một nơi như thế này.

- Không ai quấy rầy chúng tôi cả, - Maria Pavolópna trả lời.

- Sao vậy? - Gã thanh niên hỏi với một nụ cười mỉa mai.

- Chúng tôi chẳng làm hại ai cả.

- Đáng lẽ những kẻ khác phải nói như vậy, - hắn vạch lại một cách đầy bí hiểm rồi bỏ đi.

Chính vì chuyện này mà ngày hôm sau Maria Pavolópna thật sự không muốn để cho Xêvơriúc đến áp bên cạnh để mua hàng dự trữ và thuốc súng. Xêvơriúc đã đưa tôi đi cùng. Chúng tôi phải trở về ngay chiều tối ngày hôm ấy.

Tôi rất mê chuyến đi rẻo băng qua cái xứ sở hẻo lánh ấy. Đường đi uốn lượn vòng vèo giữa một vùng sinh lầy mênh mông, vượt qua những cồn cát trắng lờm chờm những ngọn thông non. Từ những vành bánh xe cát trôi ra thành những dòng nhỏ mịn. Những con rắn ráo im lìm trườn qua mặt đường.

Đến nơi, chúng tôi trông thấy những con dê đi đi lại lại trên những mái nhà của người Do Thái

phủ đầy rêu xanh. Một ngôi sao thân Đavít bằng gỗ được đóng đinh trên cửa ra vào của giáo đường Do thái.

Trên quảng trường bữa bọn những cọng rơm khô, những con ngựa đã được tháo bỏ yên cương của một phân đội kỵ binh đang ngủ gà ngủ gật. Cạnh đó, những người lính kỵ binh mặt mũi đỏ như vì oi bức càn lan ngay trên nền đất. Quân phục bật tung hết cúc, họ đang uể oải ngân nga một bản quân nhạc:

Hỡi các chiến binh, hoan hô, hoan hô các chàng trai!

Nhưng đâu rồi, đâu rồi các bạn những nàng em?

Những cô em yêu dấu của bọn này là những cô đại bác đạn đã lên nòng,

Vậy đấy, vợ con tụi này là như vậy!

Viên chỉ huy của họ ngồi trên bậc thềm tam cấp trước cửa quán rượu uống một loại *Kvax* tự chưng cất của địa phương.

Chúng tôi đã phải luồn lách vòng quanh những cửa hàng, những tửu quán nhỏ mà người ta gọi là “những hầm mộ”. Trời sẩm tối và hơi lạnh. Vài con chim bồ câu đang cần mẫn nhặt nhạnh những hạt lúa mì còn sót lại trên mặt đĩa những chiếc cân bàn. Những người lái buôn Do Thái đội những chiếc mũ cát kết láng đen đang than phiền với

nhau rằng không hơi sức nào mà buôn bán nữa vì lợi lộc không đủ để tống mồm lão cảnh sát trưởng trong vùng. Họ nói rằng chỉ mới đêm hôm trước đó, Ăngđơrê Gon đã cướp phá một trang trại gần đó và cuỗm đi bốn con ngựa nòi.

Tại một trong những “hầm mộ” ấy, người ta đãi chúng tôi nước chè đường hoa mơ. Nước chè hơi có mùi dầu hỏa.

Chúng tôi đã bị trê giờ. Vừa ra khỏi áp, Xêvơriúc đã thúc ngựa phi nước đại. Nhưng vì mặt đường đầy cát mịn, chẳng bao lâu sau bước chân của những con vật đã bị chững dần lại và chúng chỉ còn có thể đi nước kiệu.

Tùng đám mây ruồi trâu treo lơ lửng dày đặc trong không trung và bay theo bám riết trên mông mấy con ngựa của chúng tôi. Những cái đuôi xơ xác lông không ngừng rít lên để xua lũ nhặng.

Xa xa ở hướng nam, một cơn dông bỗng nổi lên. Mặt nước đầm lầy lập tức chuyển sang màu đen sẫm. Gió giạt từng cơn ập tới. Những ngọn gió mọng nước không thương tiếc vùi dập những tán lá cành. Những tia chớp lóe lên lằng nhằng. Mặt đất găm lên ở đằng xa.

- Chúng ta phải quay lại nghỉ đêm ở quán trọ nhà Braghinca thôi, - Xêvơriúc nói - muộn quá rồi chẳng kịp về nhà đâu.

Chúng tôi dẫn sâu vào một con đường rừng tối tăm mù mịt. Cỗ xe cứ chồm lên băng qua những rễ cây nhô khỏi mặt đất.

Đêm xuống rất nhanh. Cây cối thưa dần. Một luồng hơi ẩm phả vào mặt chúng tôi và chẳng bao lâu sau chúng tôi đã đứng trước một quán trọ dựng lên bằng những khúc gỗ linh sam đã ngả sang màu đen sẫm.

Cái quán nhỏ nấp dưới bóng những cây liễu trên bờ một dòng sông. Sau ngôi nhà, bãi sông tràn ngập những bụi tầm ma cọng dài và la liệt những khóm lộc cần đầy hoa. Đâu đó từ những bụi rậm nức mùi hương kia khắc khoải bay ra những tiếng chiêm chiếp: hẳn là những cánh chim non, hoảng hốt trước cơn dông đang đến gần, đã kiếm nơi ẩn náu ở đó.

Người chủ quán, một người Do Thái béo ị tên là Lâyde xuất hiện trên bậc thềm gỗ ván bập bênh. Một chiếc dây lưng to bản ôm chặt lấy chiếc quần rộng thùng thình như quần của một người du cư xứ Bôhem. Ông ta đi những chiếc ủng cao cổ.

Ông ta phác một nụ cười khoái trá rồi nhắm nghiền mắt lại, vờ mơ màng.

- Quý hóa quá, không ngờ lại có khách! - Ông ta lấp đầu và reo lên - Kiếm một viên kim cương trong một cánh rừng có lẽ còn dễ hơn là mời được

về nhà những vị khách quý như thế kia. Thưa các vị, xin được hân hạnh mời các vị vào thẳng trong phòng khách.

Mặc dù nụ cười của ông ta có vẻ rất hiền từ, người chủ quán vẫn lăm lét dè chừng dò xét chúng tôi, một cái nhìn dọi ra từ dưới những mí mắt sừng vù.

- Ông Lâyde này, tôi vẫn biết rằng một số vị đầu lĩnh hiện đang tá túc ở đây. Vì vậy chẳng việc gì ông phải ái ngại. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến chúng tôi cả. Đủ các hạng người có thể nghỉ qua đêm trong một quán trọ, có phải thế không?

- Tôi biết làm sao được? - người chủ quán rên rỉ và trút một hơi thở dài. - Với tất cả những cánh rừng và những bãi sinh lầy kia... Liệu tôi có quyền tuyển chọn khách trọ không, thưa ông? Thực lòng mà nói, đôi khi tôi cũng hơi hoảng, ông Xêvoriúc ạ.

Ông ta đưa chúng tôi vào căn phòng sang trọng nhất của ông ta. Sàn gỗ của phòng khách được kỳ cọ rất cẩn thận rít lên dưới bước chân của chúng tôi. Một nửa căn buồng đã hơi bị lún và tất cả bàn ghế trong phòng đều nghiêng về một phía. Một bà già mái tóc bạc phơ ngồi chễm trệ trên một chiếc giường lớn, thân thể sừng phù tựa vào những chiếc gối đệm màu hồng vây bọc xung quanh.

- Cụ thân sinh tôi đấy, - Lâyde phân trần. - Cụ

bị phù. Đovoir! - ông ta kêu lên- Đặt ngay ấm nước!

Tấm màn gió rẽ ra và bà vợ Lâyde, một người đàn bà nhỏ bé với khuôn mặt râu rĩ lộ đầu ra và chào chúng tôi. Tất cả các cửa sổ đều đóng chặt vì có cơn đông. Máy con ruồi mù quáng cứ lao đầu vào khung kính. Một bức chân dung của tướng Kurôpátkin loang lổ cứ ruồi treo trên tường.

Lâyde trải tạm cho chúng tôi một chỗ hạ lưng. Ông ta ôm vào một mớ rơm khô, trải ra ngay trên sàn nhà rồi phủ lên một tấm vải.

Chúng tôi ngồi vào bàn, bộ đồ chè đã được dọn ra. Ngay lúc ấy vang lên một tiếng sấm rền rung chuyển làm những chiếc đĩa xanh lơ trước mặt chúng tôi bật lên. Tiếng mưa dào dạt và đều đều xối xuống mái nhà. Bên ngoài cửa sổ, bóng tối xám ngoét chảy thành từng dòng đậm đặc. Chốc chốc, những tia chớp sáng lòa lại băm vằm xé nát bóng đêm.

Tiếng rì rào của cơn mưa như trút nước át hẳn tiếng sôi réo của chiếc ấm xamôva. Chúng tôi uống nước chè và nhấm nháp những mẩu bánh quy giòn. Lâu lắm rồi đến nay tôi mới được thưởng thức hương vị thơm ngon của thứ nước uống hảo hạng này. Và lại phải thừa nhận rằng, nơi đây, cái gì cũng khiến tôi say đắm: cái quán trọ bí ẩn này, cái

xó hẻo lánh này, âm thanh dào dạt của cơn mưa, tiếng sấm âm âm vang lên trong khu rừng. Từ phía bên kia bức tường khi trầm khi bổng vọng tới chúng tôi tiếng người trò chuyện rì rầm: các đầu lĩnh đang to nhỏ bàn tán.

Một nhòai vì bị xe xóc suốt dọc đường và cũng vì cái nóng ngột ngạt cả một ngày dài, ngay sau khi dùng chè, tôi lăn ra ngủ trên tấm đệm cỏ khô. Nửa đêm tôi thức giấc, người vã mồ hôi. Mùi hôi ngưng đọng của dầu hỏa khiến không khí trở nên khó thở. Một ngọn đèn chong vẫn lay lắt suốt đêm. Trong giấc ngủ, bà già phù thũng vẫn liên miên rên rĩ. Xêvơriúc vẫn ngồi cạnh tôi trên đệm cỏ.

- Chúng ta ra nghỉ trên mớ cỏ khô ngoài xe có thể còn dễ chịu hơn. - Từ hăm thế này, tôi đến bị choáng mất thôi.

Chúng tôi rón rén lên ra ngoài. Chiếc xe đã được đưa vào nhà kho. Đảo mớ rơm khô lên một chút, chúng tôi nằm xuống và phủ mái bạt lại.

Cơn dông đã dứt. Phía trên cánh rừng, những ngôi sao ướt lạnh đã lần lượt thấp sáng lên.

Những giọt nước mưa vẫn còn tí tách từ trên mái nhà rơi xuống. Mùi cây ngấy ảm mục lẫn quất đầu đây trong nhà kho.

Một cánh cửa bất thần nghiêng rặng. Ai đó lĩnh ra khỏi quán. Xêvơriúc thì thầm:

- Nằm im. Chắc là máy đầu linh.

Một bóng người ngồi xuống một khúc gỗ gần nhà kho và bắt đầu bật bật lửa. Thoảng có mùi khói thuốc lào.

- Chỉ cần nó bùng lên một cái, thế là cả lũ chúng ta bị nghẹt thở, - một giọng nói the thé rít lên. - Không vậy, ta cũng đã có nguy cơ bị tống vào lưới.

- Đó là cái chắc, - một giọng nói khàn khàn đáp lại - chúng ta đã nằm lì ở nhà Lâyde quá lâu rồi. Bọn tổng thiên thần đã đang lùng sục khắp nơi quanh đây.

- Vào giờ này, ta vẫn chưa thấy gì cả, - một giọng nói thứ ba, rất trẻ, thì thào, vẻ lo lắng - Có thể mưa thế này, tất cả đã sũng nước.

- Với bọn Gon, làm gì có chuyện “sũng nước” hay “vận rủi”, - giọng nói the thé lúc nảy quặt lại.

- Tất cả rồi sẽ đầu vào đấy, - giọng nói khàn khàn lại cất lên có vẻ tiên đoán - Họ sẽ trả thù cho chúng ta vì chúng ta đã bị xúc phạm. Chúng ta sẽ được chứng kiến sự trừng phạt của ông trời trước khi chúng ta nhắm mắt.

Im lặng một lát.

- Pêtrô, - người có giọng nói the thé lại tiếp tục câu chuyện, - liệu mọi người đã sẵn sàng chưa?

- Sẵn sàng cả rồi, - người trẻ tuổi khẳng định.

- Thế thì tất cả hãy rời khỏi quán ngay. Nhất là đừng để Lâyde lớn vờn quanh chúng ta. Không việc gì đến lão ấy. Hắn sẽ được thanh toán sòng phẳng. Còn khách trọ thì sao? Ngủ cả à?

- Ừ, ngủ cả. Cậu cần gì họ?

Câu chuyện lại im bật. Tôi bắt đầu cựa quậy. Xêvoriúc sờ vào cánh tay tôi. Lại thêm vài người nữa ra khỏi quán.

- Tớ ấy à, tớ sẽ đi với Kudomi, tớ sẽ cố gắng đến được Trécnôbin và Ôvorutrơ, - giọng nói mà tôi đã nhận ra lại cất lên- Ở Trécnôbin, có thể tớ sẽ kiếm được một đứa nhỏ dẫn đờng. Ở đó người ta đang lả dối.

Đó chính là ông già mù, người đã ngẫu hứng đoạn kinh cầu khẩn tại đám tang của đứa bé ở Pêgônnoiê. Rồi tất cả lại rơi tõm vào im lặng. Tim tôi đập rộn lên.

Tôi cảm thấy hình như phải một hồi lâu sau đó tôi mới lại nghe thấy một tiếng kêu nghẹn ngào:

- Được rồi!

Trong đám hành khất có một sự rục rịch.

- Nào các em, - người có giọng khàn khàn xướng lên - cầu nguyện đi rồi chúng ta lên đường.

- *Cha chúng ta trên thiên đường* - tất cả bọn hần là đã quỳ xuống và bắt đầu thì thầm cầu nguyện - *Tên tuổi của Người phải là tên Thần tuổi Thánh. Người phải là đấng trị vì trên toàn thế gian này.*

Câu nguyện xong, họ đứng dậy và ra đi.

- Họ nói gì vậy? – tôi hỏi Xêvoriúc.

- Tôi chẳng hiểu gì cả, - ông ta trả lời – Tôi phải ra khỏi rơm rạ để châm điều thuốc.

Ông ta xuống xe rồi ra khỏi nhà kho.

- Kia! - trong bóng tối, ông ta ngạc nhiên kêu lên. - Côxtích, lại đây xem này!

Tôi bật dậy. Ở bên kia dòng sông Braghinca nước đen ngòm, ở bên kia bãi trống tường vi, bầu trời mù mịt khói và đỏ rực. Từng bó hoa lửa hình như đang từ những bụi cây gai góc vọt lên. Làn ánh sáng ma quái của đám cháy loang loáng chập chờn trên mặt nước của dòng sông.

- Chẳng hiểu cái gì bị đốt vậy? - Xêvoriúc thốt lên một câu hỏi băng quơ.

- Điền trang nhà Liubômiroxki đây, - Từ một xô tối nào đó, Lâyde thản nhiên trả lời.

Ông ta đứng cạnh chúng tôi từ lúc nào chẳng biết.

- Ông Xêvoriúc này, - lão ta nói với một giọng khẩn khoản van xin - Xin ông hãy cảnh giác và hãy thương tình lão chủ quán Do thái khốn khổ là tôi đây. Tôi sẽ đi đóng yên cương cho lũ ngựa của ông và tốt nhất ông nên nhẹ nhàng rút khỏi nơi đây ngay bây giờ. Ông có ở lại đây cũng chẳng hay ho gì.

- Tại sao?

- Bọn long kỵ binh hoặc bọn hiến binh quân hạt có thể dẫn xác đến bất cứ lúc nào: họ chẳng làm gì được một lão chủ quán trọ đâu. Chủ quán thì biết gì, thấy gì.

- Chúng tôi cũng vậy thôi, chúng tôi cũng chẳng thấy gì, - Xêvơriúc đáp lại.

- Này ông! - Lâyde kêu lên - Nhân danh Đức Chúa Chính Thống của ông, tôi van ông đấy. Đi ngay đi! Tôi không cần tiền bạc của ông đâu. Đối với tôi, sự bằng an quý giá hơn nhiều. Chính mắt ông cũng đã thấy những gì đang xảy ra quanh đây!

- Được rồi, được rồi, - Xêvơriúc nhượng bước. - Ông mất trí rồi, Lâyde ạ. Thế thì đi đóng yên ngay cho chúng tôi.

Lâyde xoay xử rất nhanh và thế là chúng tôi chuồn ngay.

Đường chúng tôi đi lượn theo dòng sông Braghinca. Xêvơriúc buông tay lái, thả lỏng dây cương và mấy con ngựa cứ theo đường mà chạy. Ánh sáng của đám cháy lúc này đã làm sáng rực cả bầu trời. Những cành cây ẩm ướt quất vào mặt chúng tôi.

- Thế là mọi chuyện đều đã rõ, - Xêvơriúc thì thầm - Họ đã đốt diên trang nhà Liubômirơxki.

- “Họ” là ai vậy?

- Tôi cũng không biết. Chắc là để trả thù cho

cậu bé bị sát hại. Còn hai chúng ta, đêm nay chúng ta đã không có mặt ở quán trọ Lâyde mà cũng chẳng thấy gì sát, nhất trí thế nhé. Đồng ý chứ, cậu bé?

- Nhất trí, - tôi vội vã trả lời.

Ở thượng nguồn phía bên kia sông Braghinca, rít lên một tiếng hú dài nghe rất chói tai. Xêvoriúc kìm cương ngựa. Tiếng hú lại vang lên một lần nữa. Cỗ xe của chúng tôi đứng im giữa những bụi rậm um tùm. Từ bất cứ hướng nào người ta cũng không thể phát hiện ra chúng tôi.

- Ôê! Chủ quán! - Từ bờ bên kia, ai đó kêu lên bằng một giọng đứt hơi. - Cho sang sông!

Không có tiếng trả lời. Chúng tôi căng tai ra nghe.

Có tiếng sóng vỗ ộp oạp. Có lẽ người gọi dò không được đã lần mò xuống nước và đang bơi qua sông. lát sau, từ trong những bụi rậm nhìn ra, chúng tôi thấp thoáng trông thấy hắt ra đến giữa dòng sông lúc này đang được ngọn lửa của đám cháy lò mờ chiếu sáng. Dòng nước cuốn hắt dạt chên chếch về phía hạ lưu.

Cuối cùng hắt đã leo được lên bờ ngang tầm gần ngay chỗ chúng tôi đang đứng. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng nước giũ xuống từ bộ quần áo ướt sũng của hắt.

- Lâyde, hãy đợi đây, mày chẳng thiệt gì đâu - người kia lầm bầm trong khi vẫn bám bố tiến về phía bìa rừng. - Mày sẽ phải đền bù cho tao chuyến qua sông này.

Khi tiếng bước chân của hắn đã tắt hẳn ở đằng xa, chúng tôi cũng từ từ tiếp tục cuộc hành trình của chúng tôi.

- Cậu có nhận ra hắn không Côtích? - Xêvơriúc thì thắm rất nhỏ hầu như không thể nghe rõ được.

- Ông bảo sao cơ? - Tôi nghe không rõ lắm.

- Cậu có nhận ra người kia không?

- Không.

- Chính là cái tay đã đến chỗ chúng ta xin sữa uống hôm trước đây. Tôi thấy hình như đúng là giọng nói của hắn. Giờ thì mọi chuyện đều đã rõ. Các vị đầu lĩnh đã phàn nàn với Ăngđơrê Gon. Thằng cha kia là một trong số thuộc hạ của Gon và chính nó đã châm lửa đốt nhà Liubômiroxki. Tôi đoán vậy đây. Và chính Lâyde đã cho người đưa hắn sang bên kia sông. Nhưng cậu hãy nhớ kỹ: chúng ta đã không thấy mà cũng chẳng hay biết gì cả. Nhớ đấy!

Che kín que diêm trong chiếc áo mưa, ông ta thận trọng châm một điếu thuốc.

Ánh sáng yếu ớt của đám cháy chao đảo trên

bầu trời. Dòng sông thì thâm trong những khóm cây bị ngập nước. Những cái trục bánh xe nghiêng rãng ken kết. Cuối cùng, từ vùng đầm lầy, ngọn gió đã đem đến một màn sương mù lạnh toát.

Run cầm cập trong những bộ áo quần đẫm khí lạnh, cho đến khi mặt trời mọc chúng tôi mới về đến nhà.

Sau sự cố ấy là cả một chuỗi ngày đầy thấp thỏm lo âu. Nhưng cũng lạ, tôi lại rất thích như vậy. Tôi mê sự chờ đợi khác khoả một điều gì đó nguy hiểm sắp xảy ra, những mưu toan đang được thì thầm nhỏ to bàn tán, những tin đồn đại mà Trôphim thường đem đến cho chúng tôi về sự xuất quỷ nhập thần Ăngđơrê Gon, khi thì ở nơi này, lúc thì ở chỗ khác.

Tôi cũng thích dòng sông Braghinca, làn nước giá lạnh của nó, những khóm cây um tùm rậm rạp hai bên bờ, nơi ẩn náu của những băng cướp, những dấu vết bí hiểm bước chân ngựa mà mới trước đó một ngày người ta vẫn chưa thấy. Tôi phải thú nhận rằng, tôi rất mong Ăngđơrê Gon tấn công trang viên nhà Xêvơriúc, nhưng tất nhiên là không phá phách gì, không châm lửa đốt mà cũng không giết hại bất cứ ai.

Nhưng Ăngđơrê thì chưa thấy đâu, một buổi chiều tôi chúng tôi đã phải đón tiếp bọn long kỵ

binh. Họ rời khỏi lưng ngựa ở bên ngoài cổng lớn. Một viên sĩ quan, những chiếc ủng đầy bụi, tiến đến tận mái hiên nơi chúng tôi đang dùng trà, xin lỗi một cách lịch sự rồi hỏi:

- Ông đây có phải là Xêvoriúc không ạ?

- Vâng, tôi đây - Xêvoriúc trả lời - Có việc gì thế ạ?

Viên sĩ quan quay về phía lính tráng của anh ta.

- Máctrencô! - Anh ta gọi to - Đưa hần vào đây.

Hai người lính long kỵ binh đẩy lên một người chân đất cho đến lúc ấy vẫn khuất sau mấy con ngựa nên chúng tôi đã không trông thấy. Anh ta mặc một chiếc quần lính có những sọc đỏ đã phai màu.

Người ta đưa anh ta đến tận mái hiên. Anh ta chằm chằm nhìn Maria Pavolópna cứ như muốn để bà ấy nhận ra một điều gì đó.

- Các bạn có biết người này không? - Viên sĩ quan hỏi. Tất cả chúng tôi ngồi im.

- Hãy nhìn kỹ xem!

- Không, - Maria Pavolópna nói, mặt tái đi. - Tôi chưa bao giờ gặp người này.

Người kia rùng mình và sụp mắt xuống.

- Thế còn ông? - Viên sĩ quan quay sang hỏi Xêvoriúc.

- Không, tôi không biết người này.

Viên sĩ quan quay về phía người kia.

- Sao? Anh bạn, như vậy có nghĩa là anh đã nói dối rằng anh là người vùng này và làm việc cho gia đình Xêvơriúc, đúng không? Thế là rõ.

- Được thôi, cứ việc! - Người kia trả lời - Kết thúc đi! Các người có quyền lực trong tay, nhưng làm gì có chân lý.

Maria Pavolópna đứng phất dậy và vào trong nhà.

- Không lý sự! - Viên sĩ quan hét lên. Thôi xéo ngay.

Toán lính đi rồi, Maria Pavolópna òa lên khóc thảm thiết.

- Trời đất ơi! Cậu ấy nhìn tôi mới khản khoản làm sao! - Bà ta kêu gào, than vãn, nước mắt đầm đìa. - Sao tôi không đoán ra mới được chứ. Đáng lẽ phải trả lời rằng tôi biết rõ cậu ấy, rằng cậu ấy làm công cho chúng ta.

- Nhưng mà làm sao đoán được? - Trôphim cũng phân nản. - Giá mà cậu ấy ra hiệu cho chúng ta thì lại là chuyện khác. Còn Liubômiroxki ấy à, cậu ấy đã cho hắn ra bã rồi. Cậu ấy đã đốt trụ. Cậu ấy đã báo thù được cho thằng bé, bắt lão ấy phải trả giá cho cái chết của đứa trẻ tử vì đạo.

Ít hôm sau, tôi trở lại Kiép.

Tôi vẫn giữ mãi kỷ niệm về một xứ sở Pôlêxiê đượm buồn và có phần bí hiểm. Một xứ sở tràn

ngập mầu hoa mao cương và hoa thạch xương bồ, muôn thuở lao xao những vườn trăn, vườn liễu nơi tiếng se sẽ lạnh canh của những chiếc chuông hình như chẳng bao giờ báo cho những con người tầm ngấm ít nói kia rằng một lễ hội tung bồng đã đến rồi, trước ngõ. Ít ra đó cũng đã từng là cảm nghĩ của tôi. Nhưng, hạnh phúc biết bao, tôi đã nhầm.

NHỮNG GIẤC MƠ TRONG VƯỜN NHÀ BÀ NGOẠI

Trong suốt thời gian ấy, bà ngoại Vikenchia Ivanópna vẫn sống ở Séccaxi. Ông ngoại đã qua đời lâu rồi và vào mùa hè khi tôi ở Pôlexiê, đến lượt mình đi Êphrôxinia cũng đã ra đi sau một cơn đau tim dữ dội.

Bà ngoại đã dọn đến Kiép ở với một người con gái khác của bà, dì Vêra, phu nhân một thương gia khá quan trọng.

Dì Vêra có một cơ ngơi ở Lukianópka trong vùng ngoại ô của thành phố. Dì đã thu xếp để bà mẹ sống trong một cái lầu nhỏ ở cuối khu vườn.

Sau Séccaxi nơi trị vì như một nữ chúa, bà ngoại có cảm giác của một người bà con nghèo phải tìm nơi nương tựa trong ngôi nhà kèn kiệu của con gái. Cảm giác ấy thường khiến bà vụng trộm khóc thầm và niềm an ủi duy nhất của bà là được sống độc lập xa lánh hẳn cuộc đời và được tự mình

bếp núc, và hẳn là chỉ có như vậy bà mới tự cảm thấy được độc lập và với đi cái tâm lý phải hàm ơn đứa con gái giàu có của bà. Điều đó quả có an ủi bà phần nào.

Nhưng cảnh sống cô đơn khiến bà buồn tủi và chẳng bao lâu sau, bà đã dễ dàng thuyết phục tôi rời bỏ căn phòng tiện nghi đầy đủ của tôi dọn đến ở với bà. Cái lâu ta đang nói tới gồm có bốn gian. Bà ngoại chiếm một, còn gian thứ hai là nơi trú ngụ của một ông già tên là Gáttenbóc, một nhạc công đại vĩ cầm. Người ta dàn xếp cho tôi ở phòng thứ ba. Gian còn lại là một căn phòng lạnh lẽo mà bà ngoại cứ nhất quyết gọi là “nhà kính”. Nơi đây nền đất biến mất dưới các chậu hoa.

Khi tôi từ Pôlêsiê trở về, khoảng giữa mùa hè, thành phố vắng tanh. Tất cả các thị dân đã rời bỏ phố phường để lánh về đatra¹ của họ. Bôria đã đi thực tập ở Iêkatêrinôxláp và trong cơ ngơi của dì tôi, ở Lukiennốpka chẳng còn bóng dáng nào cả, trừ bà ngoại và Gáttenbóc.

Bà ngoại già đi trông thấy, lưng đã hơi còng, vẻ nghiêm cách xưa kia của bà giờ đây đã biến mất, tuy nhiên cụ vẫn trung thành với nếp sống của cụ, thức dậy cùng với ánh ngày và lập tức mở toang

1. Nhà nghỉ ở nông thôn.

hết các cửa sổ. Rồi cụ chuẩn bị cà phê trên một cái bếp dầu.

Sau bữa điểm tâm, cụ ra vườn, ngồi vào một chiếc ghế bành bằng mây và chìm ngay vào những quyển sách ưa thích nhất của bà: một trong những tiểu thuyết bất tận của Crasépxki hoặc những quyển truyện vừa của Côrôlencô hay của Êlido Ôtretcô. Trong khi đọc bà thường thiếp đi, mái tóc bạc phơ, vện toàn đồ đen, những bàn tay khô héo đặt nhẹ trên gối tựa.

Mấy cánh bướm lặng lẽ đổ xuống đôi bàn tay của bà, trên chiếc mũ màu đen. Những quả mận chín muỗm từ trên cây rụng xuống với một tiếng động âm thầm. Một ngọn gió ấm quét sạch mảnh vườn, khiến những cái bóng của lá cành chạy dài trên nền cát mịn của những lối đi.

Trên kia, trong bầu trời, trên đầu bà ngoại, mặt trời tỏa sáng, thứ ánh sáng rất thuần khiết và ấm áp của mùa hè Kiép. Và tôi tự nhủ rằng rồi một ngày nào đó cuối cùng bà ngoại sẽ vĩnh viễn thiếp đi như vậy trong bầu không khí ấm áp và trong sự tĩnh lặng của khu vườn.

Hai bà cháu chúng tôi là những người bạn thân tình của nhau. Tôi quý bà hơn bất cứ người thân nào khác của tôi. Bà cũng yêu thương tôi như vậy. Bà ngoại đã nuôi dạy nên người năm trai và ba gái

thế mà giờ đây khi về già, bà phải sống cô đơn. Bà cũng vậy, bà chẳng còn ai. Và chính là từ trong cảnh cô đơn của hai bà cháu chúng tôi đã nảy sinh một sự gắn bó vô cùng khăng khít.

Toàn bộ con người bà ngoại ngời lên một tình thương mẫn cảm và cũng nhuốm một nỗi buồn man mác. Mặc dù thuộc những thế hệ khác nhau, bà cháu tôi có khá nhiều nét tương đồng: bà say đắm thơ ca, trân trọng sách vở, cỏ cây, bầu trời và thường xuyên bầu bạn với những suy tư riêng của mình. Chẳng bao giờ bà ép uống tôi trong bất cứ việc gì.

Tuy nhiên bà vẫn có một yếu điểm: chỉ cần trời hơi se lạnh, lập tức bà “điều trị” tôi bằng thang thuốc của riêng bà. Một thứ thần dược bách bệnh mà bà gọi là *xpirituyx*.

Một thứ gì đó rất dữ dằn. Một hỗn hợp đủ các loại côn: rượu nho, côn đốt, nước đái quỷ. Để thật hoàn hảo, bà cho thêm nhựa thông vào thần dược của bà. Tất cả những thứ ấy trộn vào nhau cho ta một chất lỏng màu huyết dụ có sức gặm mòn như axit nitơrich.

Bà chà xát ngực tôi rồi lưng tôi bằng thứ thuốc ấy. Lòng tin của bà vào tác dụng điều trị của thứ dược phẩm này là tuyệt đối. Những lúc như vậy, một mùi rất khó chịu cứ như chẹn lấy cổ họng con

người ta lan tỏa ra khắp ngôi nhà. Gáttenbóc cố gắng quýt cằm lên một điệu xì gà to tướng. Một làn khói phớt xanh khoác lên căn phòng của lão một màn sương mỏng ngoạן mục.

Hầu như bao giờ cũng vậy, cứ mỗi khi cây đàn vĩ cầm bắt đầu nức nở trong căn phòng của lão nhạc công, bà ngoại lại thiu thiu ngủ.

Gáttenbóc là một ông già đẹp lão với bộ râu bạc gọn sọng, với một cái nhìn nghiêm nghị dữ dằn.

Lão thường chơi một bản nhạc do chính lão sáng tác: *Cái chết của Hăm lét*.

Cây vĩ cầm trút ra những tiếng nức nở dài. Nhịp nhàng và tràn đầy âm sắc cứ như đang âm vang dưới mái vòm của lâu đài Enxơơ, những tiếng nức nở ấy gợi nhớ những ngôn từ tôn nghiêm:

Sánh bạc quân vương, hòa hoa Hăm lét

Tứ trụ vô quan xa giá táng dài!

Tôi mừng tượng một đại sảnh trong lâu đài Enxơơ, những tia nắng gô tích, những âm thanh bi tráng của đội quân nhạc và những lá cờ lệnh rộng mênh mông phân phật trên thi hài Hăm lét trước khi se sẽ rung lên để rồi nghiêng mình sa xuống sát mặt đất. Lâu lắm rồi, ngọn tiếu khê đã cuốn phăng những bông hoa nhỏ của Ôphêli ra tận biển khơi. Những ngọn sóng đung đưa đã đẩy xa khỏi bến bờ mấy cánh hoa mê diệt, tam vị nhất thể

và dương xỉ, những nhân chứng cuối cùng của một môi tình ai oán. Tất cả những điều đó đều có trong lời ca của cây đại vĩ cầm.

Bà ngoại bừng giấc và kêu lên:

- Lay Chúa, người ta không thể chơi một thứ gì đó yêu đời hơn sao?

Và thế là, để chiều lòng bà cụ, Gättenbörcher chuyển sang bản nhạc đồng quê ưa thích của lão. Một trích đoạn của vở nhạc kịch *Con Đầm Pích*: *Chú mục đồng đáng yêu, bạn nhỏ của ta...*

Nhưng âm nhạc cũng khiến bà ngoại mệt mỏi. Cụ được thư thái đôi chút lúc chiều xuống khi người nhạc công, cùng với cây đàn của lão, lên đường đi hòa nhạc ở công viên Kupetrxki.

Tôi thường đến dự những buổi hòa nhạc ấy. Tại đây dàn nhạc biểu diễn trên một sân khấu bằng gỗ trong khi khán giả ngồi nghe ở ngoài trời.

Trong bóng tối chạng vạng, những luống hoa lớn đơm đầy đỉnh hương và hoa thuốc lá tỏa ra một mùi thơm thấm đượm, ngọt ngào. Trước buổi hòa nhạc nào người ta cũng tưới những luống hoa ấy.

Các nhạc công bị ngập trong một làn sóng ánh sáng chói lòa trong khi thính giả ngồi im trong bóng tối lơ mơ. Những tà áo dài phụ nữ quét thành những vệt trắng mơ hồ, những tán cây thì thâm đầu đó, và thỉnh thoảng những tia chớp lạng lẹ nhấp nháy trên đầu chúng tôi.

Tôi mê nhất những buổi tối ẩm ướt, những khoảnh khắc ảm đạm, khi trong vườn hầu như không một bóng người. Những lúc ấy tôi có cảm giác cứ như đàn nhạc kia chỉ chơi cho mỗi mình tôi và cho một thiếu phụ đội một chiếc mũ lớn, vành mũ rủ xuống bờ vai.

Buổi hòa nhạc nào tôi cũng gặp lại nàng, hoặc hầu như tất cả. Thỉnh thoảng nàng hướng cặp mắt chăm chú về phía tôi. Tôi vụng trộm quan sát nàng. Tôi chỉ bắt gặp cái nhìn của nàng có mỗi một lần và hình như tôi đã thoáng trông thấy ở đó một ánh mắt tinh nghịch. Trong khoảnh khắc cái mùa hè Kiếp ảm đạm kia bỗng tràn ngập những giấc mơ do chính người đàn bà không quen biết ấy tạo nguồn cảm hứng. Và thế là nó không còn ảm đạm nữa. Không gian bỗng xào xạc những trận mưa rào háo hức và tươi vui. Từ trên bầu trời mưa tuôn xối xả, hồi hả trong đám lá cành của khu vườn. Cứ như có những giọt nước mắt bằng pha lê tách khỏi những áng mây đến va vào những phím đàn làm bật ra những tiếng kêu lanh canh tràn ngập căn phòng. Đơn giản chỉ một dòng nước mưa thoát ra khỏi một máng xối và rót vào một chiếc thùng nhỏ sơn xanh mà có thể thánh thót lên như vậy đối với tôi quả là một chuyện thần kỳ.

- Suốt cả mùa hè là "thời gian trình nữ"! - Bà ngoại thốt lên. - Đó là tín hiệu của một mùa bội thu.

Người đàn bà không quen biết sống ở phía bên kia làn hơi mờ tỏa lên từ những cơn mưa bất thần và những chiếc cầu vồng chói lọi kia. Tôi rất biết ơn nàng đã xuất hiện và đã làm thay đổi mọi thứ quanh tôi.

Đối với tôi thậm chí cả những vĩa hè lát gạch vàng, với những vũng nước nhỏ của chúng giờ đây cũng trở nên mê hồn, huyền ảo như những vĩa hè trong chuyện kể của Ăngđécxen.

Một chiếc chổi cỏ ngang bướng bật lên giữa những viên gạch. Những đàn kiến vấy vùng trong những vũng nước.

Cứ mỗi khi tôi đắm chìm vào mơ màng vớ vẩn, vào cơn *magiênia* như bà ngoại vẫn nói bằng tiếng Ba Lan, đối với tôi mọi thứ đều trở thành phi thường, thậm chí cả những vĩa hè Kiép.

Trạng thái tâm hồn ấy là gì, cho đến hôm nay tôi vẫn không xác định nổi. Chỉ cần vài chi tiết nhỏ nhoi chẳng nghĩa lý gì cũng đủ để khuấy lên cái tâm trạng ấy. Nó không chất chứa bất cứ một sự kích động nào. Ngược lại nó được tạo thành từ sự bình yên thư thái. Và chỉ cần một môi bản khoản, thậm chí rất nhỏ nhoi vô nghĩa cũng đủ để làm tiêu tan cái trạng thái tâm hồn ấy.

Và trạng thái ấy đòi hỏi được thể hiện. Thế là, vào mùa hè nóng bỏng ấy, vào “thời gian trình nữ” ấy, tôi thật sự bắt tay vào việc viết lách.

Tôi giữ kín không để bà ngoại biết chuyện này. Khi bà tỏ ra ngạc nhiên thấy tôi ngồi hàng giờ liền trong phòng riêng, cặm cụi bên bàn viết, tôi nói với bà rằng tôi đang theo một chương trình văn học và hiện đang viết những bài tóm lược các tác phẩm.

Những ngày không có hòa nhạc, tôi thường lang thang ra bờ sông Đơnhiépro hoặc qua phía bên kia thành phố, đến tận một công viên bỏ hoang gọi là “Vườn Vô Tư”. Công viên này là của Kungiencô, một nhà bảo hộ văn chương.

Chỉ mất vài điều thuốc lá, người canh vườn để tôi ra vào thoải mái. Khu vườn hoàn toàn hoang vắng, um tùm cỏ dại. Những mặt hồ phủ đầy bèo tấm. Trong các lùm cây, mấy chú chim ác là kêu la inh ỏi. Những chiếc ghế dài một ruỗng run lên mỗi khi có người ngồi xuống.

Ở đó bao giờ tôi cũng chỉ gặp mỗi một người họa sĩ già. Ngồi dưới một tán dù lớn, họa sĩ loay hoay với những bức ký họa. Ngay từ xa, ông già ném về phía tôi những cái nhìn dữ tợn. Tôi không dám bén mảng đến gần ông già thậm chí lấy một lần.

Tôi tha thẩn trong cái xô hẻo lánh nhất nơi sừng sững một biệt thự bỏ hoang. Tôi ngồi xuống bậc tam cấp trước mái hiên và đọc.

Những chú chim sẻ nô đùa ngay sau lưng tôi. Chốc chốc tôi lại ngừng đọc để nhìn về phía cuối

vườn. Một làn ánh sáng lơ mờ như lẩn trong khói sương lọc qua những khóm cây. Tôi ngồi chờ. Chính là ở đây, trong khu vườn này, người đàn bà không quen biết sẽ tìm đến gặp tôi. Tôi vững tin như vậy.

Nhưng cuối cùng chẳng ai đến cả và tôi đã bỏ ra về theo con đường học trò: nhảy xe điện trên đường Prôca và Pôndôn rồi dọc theo đại lộ Crêsáttrich, tôi ghé vào thư viện Idodicópki. Về mùa hè, thư viện rất vắng vẻ. Những người giữ thư viện, những thanh niên nước da nhợt nhạt trong bầu không khí ngột ngạt, với những hàng ria thưa dẫm mồ hôi, đối sách cho tôi. Trong tâm trạng tôi lúc đó, tôi chỉ thích mỗi thơ ca. Tôi cũng đem về cho bà ngoại những cuốn tiểu thuyết của Xpiengaghen hoặc của Bôlexláp Prux.

Tôi trở lại Lukianópca, một nhòai và hạnh phúc.

Mặt tôi bừng bừng ánh nắng và không khí trong lành.

Bà ngoại vẫn chờ tôi. Chiếc bàn tròn nhỏ trong căn phòng của bà được phủ bằng một tấm khăn. Bữa tối của chúng tôi đã được dọn ra.

Tôi nói với bà về “Vườn Vô Tư”. Bà gật đầu cổ vũ tôi. Thỉnh thoảng bà cũng thừa nhận rằng quả thật ở nhà một mình đôi khi bà cũng cảm thấy buồn. Ngày dài lê thê. Nhưng chẳng bao giờ bà trách tôi vì những lần vắng mặt hầu như dài vô tận.

- Tuổi trẻ có luật riêng của nó, - bà nói. - Bà không nên can thiệp vào.

Sau đó tôi về phòng riêng. Tôi trút bỏ quần áo ngoài và nằm dài trên chiếc giường gỗ cứng. Ngọn đèn của tôi rọi lên những cái cành vụn vẹo của mấy cây táo ngoài cửa sổ.

Qua giấc ngủ đầu tiên của tôi, một giấc ngủ thẳng thốt, tôi thắp thoáng nhận ra trời đêm, những cái bóng lơ mơ và sự im ắng mênh mông của nó. Tôi thích bóng đêm mặc dù bị ấn tượng sâu sắc bởi ý nghĩ rằng trong cõi thẳm sâu của nó ở bên kia, ở phía trên Lukianópca, ngay trên mái nhà của chúng tôi đang diễu qua toàn bộ đội quân của cung Hoàng đạo: Nhân mã cung, Song nữ cung, Lạp hộ tòa và Xử nữ cung.

Trong cuốn chuyện tôi đang viết, tất cả đều có mặt: mùa hè Kiép, Gáttenbóc, người đàn bà không quen biết trong vườn Kupetrexki, "Vườn Vô Tư", trời đêm và cả cậu học sinh trung học mơ mộng và đôi chút nhố nhăng.

Tôi đã gặp không ít khó khăn trong khi sáng tác cuốn truyện này. Vừa viết xong, từ ngữ đã mất ngay vẻ rần rỏi của chúng và trở nên nhu nhược. Những cố gắng mà tôi tập trung ở đây để tinh luyện văn chương cuối cùng đã khiến tôi mệt mỏi. Đôi khi tôi đã đứng bên bờ vực thẳm của sự tuyệt vọng.

Lúc bấy giờ ở Kiép có một tạp chí với cái tí khác thường: *Người kỹ sĩ*. Tổng biên tập của nó là một người Kiép nổi tiếng, Ogiennơ Kudomin, bản thân là nhà văn và một người yêu nghệ thuật.

Sau một thời gian dài lưỡng lự, cuối cùng tôi đã đem bản thảo đến tòa soạn.

Tòa soạn được đặt ngay trong căn hộ của Kudomi. Một học sinh trung học trẻ tuổi, rất lịch thiệp, mở cửa ra và đưa tôi vào tận bàn giấy của chủ bút. Một con chó vện ngồi trên thảm, môi dầy lòng thông nhốt dãi, nhìn tôi bằng những con mắt bệnh hoạn.

Không khí ngọt ngào. Thảng phát mùi khói hương. Những chiếc mặt nạ các vị thần Hy Lạp trắng tinh móc vào giấy dán tường đen sẫm. Những cuốn sách gáy da thuộc chất đầy dưới tất cả các bàn ghế giường tủ.

Tôi ngồi đợi. Những cái gáy da kêu sột soạt. Kudomin bước vào, cao lênh khênh, rất gầy, đôi bàn tay xanh xám. Những chiếc nhẫn bạc lấp lánh trên những ngón tay.

Ông ta tiếp chuyện tôi, đầu hơi cúi xuống vẻ khiêm nhường. Tôi cảm thấy xấu hổ và không biết làm gì để nhanh chóng chuồn khỏi nơi đây. Cuốn truyện của tôi dường như đã trở nên vô giá trị, còn bản thân tôi chỉ là một gã ngớ ngẩn ấp a ấp úng.

Kudơmin lật từng trang bản thảo bằng một củ chỉ uể oải và làm những cái dấu bằng những móng tay nhọn hoắt của ông ta.

- Tạp chí của tôi - ông nói, - là một loại diễn đàn của các nhân tài trẻ tuổi. Tôi rất vui tìm thấy ở anh bạn một người cộng sự mới. Tôi sẽ đọc cuốn truyện của anh và sẽ gửi cho anh một bưu ảnh.

- Nếu không phiền ông lắm, thưa ông, xin hãy cho tôi trả lời trong một lá thư bảo đảm, được không ạ?

Ông nở một nụ cười thông cảm và hơi cúi đầu.

Tôi rời căn phòng. Nín thở, tôi chạy một mạch xuống cầu thang và thoáng một cái đã có mặt ngoài phố. Người gác cổng đang xối nước rửa nền đường. Nước chảy ong oóc trong những ống máng. Vài giọt nước li ti lấm tẩm trên mặt tôi. Tôi cảm thấy phân nào nhẹ nhõm.

Tôi nhảy lên toa của chuyến tàu điện đang chạy để chuẩn khỏi nơi đây càng nhanh càng tốt. Hành khách trên tàu nhìn tôi với một vẻ tinh quái. Thế là tôi nhảy khỏi tàu và tiếp tục cuộc bộ.

Bụi bốc lên như khói trên bãi chợ Hàng Cỏ. Trên bầu trời của đường phố Lơvốp âm ỉ âm ỉ bồng bênh những áng mây tròn, giống nhau như đúc. Một mùi phân ngựa hăng hắc phập phồng trong không trung. Một con ngựa gầy dơ xương, xơ xác

cái bờm, vươn cổ ra kéo một chiếc xe chất nặng những chiếc túi than. Người đàn ông lem luốc bước bên cạnh con ngựa uể oải rao hàng bằng một giọng sầu thảm:

- Than đ-ơ-ơ-i... Ai than đ-ơ-i-i...

Tôi nhớ lại rằng trên chiếc bàn trong văn phòng ngọt ngào của Kudomin là cuốn truyện của tôi, một cuốn truyện đầy những lời sáo rỗng cốt làm say đắm lòng người và những suy tư mơ hồ về cuộc sống. Tôi cảm thấy xấu hổ. Và tôi nguyên sẽ không viết nữa. Không viết gì nữa.

- Không phải thế, không phải như vậy! - Tôi lấp đi lấp lại một mình. - Nhưng dù chẳng hay ho gì, suy cho cùng cũng có thể là như vậy chăng?

Tôi cũng không hiểu bản thân tôi ra sao nữa.

Tôi đi vòng theo đường Glubôtritxa để đến phố Pôđôn. Máy lão thợ giấy vô cảm chan chát gõ búa những chiếc đế giày cũ mòn vẹt. Dưới những nhát búa, những tia bụi xì ra từ gót giày da. Máy ông mãnh con đang bắn chim sẻ bằng súng cao su. Những chiếc xe bò tải bột mì. Chúng làm rơi những túi bột xuống lòng đường. Trong những sân nhà, mấy bà nội trợ đang phơi những tấm vải mầu.

Hôm ấy trời lộng gió. Trên đường phố Pôđôn, gió xua rác rưởi xào xạc trên mặt đường. Trên đỉnh ngọn đồi, nhìn xuống thành phố, sừng sững dựng

lên tác phẩm trang nhã của Raxtoreli, giáo đường Thánh Andrây với những mái vòm nạm bạc. Những chiếc mũ miện đỏ rực của những dãy cột tạo thành những cuộn xoáy ốc mập mạp.

Tôi ghé vào một quầy rượu tợp một cốc vang chan chát, nhưng tôi cũng chẳng thấy nhẹ đi chút nào.

Và chiều tối, tôi về đến nhà, đầu nặng chịch. Ngay lập tức bà ngoại xoa dầu *xpirituyx* cho tôi và bắt tôi đi nằm ngay.

Tôi có cảm giác đã phạm một sai lầm không phương cứu chữa, đã viết ra một điều khả ố và điều đó đã tước bỏ mọi hy vọng trở thành nhà văn của tôi. Tôi không có ai để thổ lộ tâm tình, để xin những lời khuyên. Hướng toàn bộ tâm hồn của ta vào một sứ mệnh mà ta yêu quý để rồi biết rằng hoài bão của ta là vô vọng, có thể như vậy được chăng?

Trong phòng của lão Gättenbóc nhè nhẹ ngân lên tiếng đàn. Lần này không còn là *Cái chết của Hămlét* nữa mà là một trích đoạn của một sáng tác mới của lão, bản *Cuộc truy hoan trong cơn đại dịch*. Lão luyện đi luyện lại nhiều lần nhạc phẩm này và chúng tôi thường được lão mời thưởng thức một vài trích đoạn. Bà ngoại ngạc nhiên mãi trước cái trí tưởng tượng ngông cuồng và ai điếu của người nhạc sĩ.

- Khi thì chết chóc, lúc thì dịch hạch! - Bà cụ than phiền - Tôi không chịu nổi. Tôi cho rằng thiên chức của âm nhạc phải là làm cho con người thêm yêu đời.

Lúc này, Gáttenbóc đang chơi trích đoạn ưa thích nhất của lão.

Và lời ai oán vượt lên

Theo dòng xô xả vang trên lạch ngòi

Giờ đây thanh thản vui tươi

Thiên đường hoang dã quê người băng qua!

- Thế đấy! Đó là chân lý! - Tôi lắm bảm. - *Thiên đường hoang dã quê người băng qua...*

Thiên đường hoang dã! Những lời thơ ấy dội vào tâm can tôi như một luồng gió vãn hồi sinh khí. Phải lao động, phải xông xáo cuồn cuộn, phải sống bằng thơ ca, bằng ngôn từ. Tôi biết rằng đó là một con đường dài, cực nhọc. Thế mà, chẳng hiểu tại sao, tôi tự hỏi, chính điều khám phá ấy đã làm tôi yên lòng.

Hai ngày sau, tôi nhận được một bưu ảnh của Kudomin. Ông chủ bút đã phớt lờ lời yêu cầu khẩn khoản cho tôi xin trả lời trong một thư có niêm phong.

Ông ta nói với tôi rằng ông đã đọc cuốn truyện của tôi và hứa sẽ cho đăng trong số tới của tờ tạp chí.

Đương nhiên bà ngoại đã đọc tám bưu ảnh. Thậm chí đã để rơi vài giọt lệ lên tám bì a cứng ấy.

- Ba cháu, Ghêócghi Mắximôvitơ, luôn tìm có trên người bà - bà nói - Nhưng quả thật đó là một người rất tốt. Bà tiếc rằng ba cháu không sống được đến ngày hôm nay.

Bà chúc phúc cho tôi và ôm hôn tôi.

- Thế nhé, hãy lao động và hạnh phúc cháu ạ. Phải tin rằng Đức Chúa đã thương hại bà vì Người đã dành cho bà niềm hạnh phúc này trước khi nhắm mắt.

Bà hoan hỉ trước chiến công văn học đầu tiên của tôi còn hơn cả bản thân tôi.

Khi số tạp chí *Người kỹ sĩ* có đăng cái truyện của tôi xuất hiện, thậm chí bà ngoại đã làm một chiếc bánh *maduyêca* và tổ chức một bữa cơm tối ăn mừng.

Để đánh dấu sự kiện này, bà đã vận chiếc áo lụa dài với một bông hướng nhật quỳ cài trong khuyết áo. Chiếc áo mà trước kia bà chỉ vận vào dịp Lễ Phục sinh. Chỉ có điều, ngày hôm ấy, bà ngoại không trẻ lại được nữa. Chỉ còn những con mắt đen nhánh của bà vẫn tươi cười khi bà nhìn tôi.

Mấy con ong bò vẽ im ắng đổ xuống lọ mứt. Cứ như đoán được cái gì đang diễn ra bên chúng tôi, Gáttenbớc nâng cây đàn lên chơi bản *maduyêca* của Vêniápki, bàn chập gõ nhịp.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Ngày ba tôi qua đời	5
2. Ông nội Mácxim Grigoriévích	21
3. Câu cá chép	36
4. Bệnh sưng màng phổi	45
5. Hành hương về Trentôkhốp	52
6. Những cây trúc đào	65
7. Đường phố Xviatôxláp	85
8. Cảnh sắc ngày hè	99
9. Trung úy hải quân	116
10. Thiên đường dằng dấp ra sao	128
11. Những cánh rừng Brianxcơ	140
12. Nhất quý nhì ma	156
13. Nước sông Lanhpôpô	175
14. Những cây bồ đề trở bông	194
15. Tất nhiên tôi chỉ là một nhóc con	216
16. Ngọn đèn lồng nhỏ bé	237
17. Ngôi sao băng hiu quạnh	252
18. Đám tàu	277
19. Một mình trên đường lớn	293
20. Đường phố hoang dã	300
21. Quán trọ trên sông Braghinca	309
22. Những giấc mơ trong vườn nhà bà ngoại	349

Chịu trách nhiệm xuất bản

VŨ AN CHƯƠNG

Biên tập: NGUYỄN THỊ HUỆ

Trình bày bìa: VĂN SÁNG

In 1.000 cuốn khổ 13 x 19cm, tại Công ty in Ba Đình
Thanh Hoa. Giấy phép XB số: 553/XB-QLXB/171-VH TT.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-2002.

The background of the cover is a dark blue night sky filled with small, golden-yellow stars. In the lower half, there is a soft, glowing white and light blue mist or aurora. Overlaid on this are delicate, branching structures resembling coral or seaweed, rendered in shades of red, orange, and white. The title is positioned in the upper left quadrant.

PAVXTOPXKI
TƯ TRUYỀN

GIÁ: 36.000Đ